

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

NGUYỄN THANH PHÚC

**PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG**

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ

Hải Dương, năm 2025

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

NGUYỄN THANH PHÚC

**PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG**

Chuyên ngành: Quản lý kinh tế

Mã số: 8310110

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ

Người hướng dẫn khoa học: TS. Lê Thị Nguyệt

Hải Dương, năm 2025

LỜI CAM ĐOAN

Đề tài này là công trình nghiên cứu của riêng tôi, các kết quả nghiên cứu có tính độc lập riêng, không sao chép bất kỳ tài liệu nào và chưa được công bố nội dung bất kỳ ở đâu; các số liệu, các nguồn trích dẫn trong đề án được chú thích nguồn gốc rõ ràng, minh bạch.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan của tôi.

Hải Dương, ngày tháng năm 2025
Tác giả

Nguyễn Thanh Phúc

LỜI CẢM ƠN

Trước tiên, tôi xin trân trọng cảm ơn Cô giáo - Tiến sĩ Lê Thị Nguyệt đã tạo mọi điều kiện, động viên, hướng dẫn và giúp đỡ tôi hoàn thành tốt đề án này. Trong suốt quá trình nghiên cứu, Cô đã kiên nhẫn hướng dẫn, trợ giúp và động viên tôi rất nhiều. Sự hiểu biết sâu sắc về khoa học, cũng như kinh nghiệm của Cô chính là tiền đề giúp tôi đạt được những thành tựu và kinh nghiệm quý báu.

Xin được trân trọng cảm ơn các thầy, cô giáo ở Phòng Sau Đại học, Trường Đại học Hải Dương đã tạo điều kiện thuận lợi cho tôi trong suốt quá trình học tập tại nhà trường và nghiên cứu, thực hiện đề án.

Tôi cũng xin cảm ơn bạn bè và gia đình đã luôn cổ vũ, động viên tôi vượt qua những khó khăn để hoàn thành tốt đề án này.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

Hải Dương, ngày tháng năm 2025
Tác giả

Nguyễn Thanh Phúc

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC	vi
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	viii
DANH MỤC BẢNG	vii
DANH MỤC BIỂU ĐỒ, HÌNH VẼ	viii
MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu	2
3. Mục tiêu nghiên cứu đề án	3
4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của đề án	4
5. Phương pháp thu thập, xử lý thông tin thực hiện đề án.....	4
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề án	5
7. Cấu trúc đề án	5
Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN CẤP TỈNH	6
1.1. Làng nghề và phát triển làng nghề.....	6
1.1.1. Làng nghề.....	6
1.1.2. Phát triển làng nghề	11
1.2. Kinh nghiệm phát triển làng nghề ở một số tỉnh và bài học cho tỉnh Hải Dương	22
1.2.1. Kinh nghiệm phát triển làng nghề ở một số tỉnh	22
1.2.2. Một số bài học rút ra từ sự phát triển làng nghề của một số tỉnh.....	25
Tiểu kết chương 1	26
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG, GIAI ĐOẠN 2021-2024	27
2.1. Khái quát đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội tỉnh Hải Dương có ảnh hưởng tới phát triển làng nghề	27
2.1.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội	27
2.1.2. Những đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của Hải Dương ảnh hưởng đến phát triển làng nghề:	28
2.2. Thực trạng phát triển làng nghề ở tỉnh Hải Dương	29
2.2.1. Về thực hiện các nội dung phát triển làng nghề.....	29

2.2.2. <i>Kết quả phát triển làng nghề</i>	40
2.3. Đánh giá thực trạng về phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương	52
2.3.1. <i>Những thành tựu đã đạt được</i>	53
2.3.2. <i>Những hạn chế và nguyên nhân</i>	55
Tiểu kết chương 2	57
Chương 3. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035	58
3.1. Định hướng, mục tiêu và quan điểm phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2026- 2030, tầm nhìn đến năm 2035	58
3.1.1. <i>Định hướng, mục tiêu phát triển làng nghề</i>	58
3.1.2. <i>Quan điểm phát triển làng nghề</i>	59
3.1.3. <i>Dự báo các yếu tố tác động đến phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh</i>	60
3.2. Một số giải pháp phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035	64
3.2.1. <i>Nhóm giải pháp về tổ chức triển khai phát triển làng nghề</i>	64
3.2.2. <i>Nhóm giải pháp về kinh tế</i>	69
3.2.3. <i>Nhóm giải pháp về xã hội</i>	86
3.2.4. <i>Nhóm giải pháp về nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường</i>	75
3.2.5. <i>Một số giải pháp khác</i>	77
Tiểu kết chương 3	78
KẾT LUẬN	79
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Nguyên nghĩa
1.	BVMT	Bảo vệ môi trường
2.	CN-TTCN	Công nghiệp- Tiểu thủ công nghiệp
3.	CNH-HĐH	Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá
4.	GTNT	Giao thông nông thôn
5.	HĐND	Hội đồng nhân dân
6.	HTX	Hợp tác xã
7.	KBNN	Kho bạc nhà nước
8.	KT-XH	Kinh tế - Xã hội
9.	NSNN	Ngân sách nhà nước
10.	PTLN	Phát triển làng nghề
11.	SXKD	Sản xuất kinh doanh
12.	TTLT	Thông tư liên tịch
13.	UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1: Quy mô đầu tư vốn tại làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương.....	31
Bảng 2.2: Mức độ sử dụng công nghệ tại các làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương.....	33
Bảng 2.3: Tổng hợp các chương trình, đề án, dự án ưu tiên đầu tư.....	33
Bảng 2.4: Đầu tư cho đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Hải Dương	35
Bảng 2.5: Đánh giá của cán bộ về công tác phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương.....	39
Bảng 2.6: Giá trị sản xuất của các làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương	41
Bảng 2.7: Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh làng nghề tỉnh Hải Dương	42
Bảng 2.8: Thu nhập bình quân lao động và năng suất lao động bình quân tại các làng nghề	43
Bảng 2.9: Số lượng lao động các làng nghề trên địa bàn tỉnh.....	44
Bảng 2.10: Đào tạo nguồn nhân lực tại các làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương năm 2024	49

DANH MỤC BIỂU ĐỒ, HÌNH VẼ

Hình 2.1: Cơ cấu dân số tại làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương	47
Hình 2.2: Trình độ lao động tại các làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương	47
Hình 2.3: Đánh giá của người dân về ô nhiễm môi trường tại làng nghề	51
Hình 2.4 : Xử lý ô nhiễm môi trường tại làng nghề trên địa bàn.....	52
tỉnh Hải Dương.....	52

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Phát triển các làng nghề có vai trò đặc biệt quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tạo việc làm, tăng thu nhập cho khu vực nông thôn, góp phần xoá đói giảm nghèo, góp phần thực hiện chiến lược xuất khẩu với sản phẩm mũi nhọn là các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, chế biến nông sản và cũng là thực hiện mục tiêu phát triển nông thôn mới. Làng nghề ở Việt Nam nói chung và tại tỉnh Hải Dương nói riêng mang đến những sản phẩm vừa có giá trị kinh tế vừa hàm chứa nghệ thuật văn hóa dân tộc. Làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương có lịch sử hình thành và phát triển từ lâu đời, có nơi xuất hiện từ hàng trăm năm trở về trước. Các làng nghề được phân bố chủ yếu ở khu vực nông thôn, trải rộng khắp 12 huyện, thị xã, thành phố.

Hiện nay toàn tỉnh có 65 làng nghề được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh công nhận, trong đó có 34 làng nghề truyền thống với nhiều làng nghề lâu năm, đã tạo được chỗ đứng trên thị trường như: gốm Chu Đậu, gỗ mỹ nghệ Đông Giao, vàng bạc Châu Khê, thêu ren Xuân Nẻo, rượu Phú Lộc, giày da Hoàng Diệu, Làng hương An Xá.

Sản phẩm của các ngành nghề rất đa dạng và phong phú gồm các nhóm: ngành chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ: Xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn; Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ; Sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh; DV phục vụ SX, đời sống dân cư nông thôn.

Thực tiễn cho thấy, trong những năm qua các làng nghề trong tỉnh đã có những đóng góp quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng theo hướng tiến bộ, tạo ra sự ổn định, phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn ở Hải Dương, tạo 20.000 việc làm cho người lao động ở nông thôn.

Tuy vậy, trong quá trình phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương đã bộc lộ những bất cập như: Chất lượng sản phẩm còn thấp, khả năng cạnh tranh không cao, mẫu mã sản phẩm ít sáng tạo. Vấn đề ô nhiễm môi trường khá nghiêm trọng và ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng cuộc sống trong các làng nghề nói riêng và nông thôn nói chung. Nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh trong làng nghề đã và đang tạo sức ép không nhỏ đến môi trường sống của làng nghề và các cộng đồng xung quanh. Các làng nghề cần được định hướng phát triển bền vững. Quyết định

số 820/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy hoạch phát triển hệ thống làng nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương đến năm 2030, định hướng đến năm 2035; đã đưa ra vấn đề “Phát triển các làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương”. Nghiên cứu sự phát triển LN trên địa bàn tỉnh Hải Dương là vấn đề mang tính cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn. Vì vậy, em chọn đề tài: *“Phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương”* làm đề tài đề án thạc sĩ.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

- Công trình *“Đánh giá thực trạng và đề xuất các chính sách, giải pháp chủ yếu phát triển bền vững làng nghề Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035”* (2024), đề tài cấp thành phố do tác giả Hoàng Hà chủ nhiệm đã đi sâu phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của các làng nghề Hà Nội và đề xuất một số chính sách, giải pháp chủ yếu nhằm phát triển bền vững làng nghề Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

- Mai thế Hồn (2000), *“Phát triển làng nghề trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở vùng ven thủ đô Hà Nội”*, Luận án tiến sĩ kinh tế: Luận án đi sâu vào phân tích, đánh giá tiềm năng, thực trạng của việc phát triển LNTT cả về thành tựu lẫn hạn chế. Đồng thời đề xuất phương hướng và giải pháp phát triển LNTT vùng ven Hà Nội theo hướng CNH, HĐH.

- Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam (2003), *“Thực trạng và những giải pháp nhằm phát triển làng nghề tỉnh Bắc Ninh”*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Hà Nội.

- Nguyễn Thị Thọ (2005), *“Phát triển làng nghề ở huyện Từ Liêm trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn”*, Luận văn Thạc sĩ kinh tế. tác giả tập trung phân tích làng nghề và TNTT. Tiến hành khảo sát thực trạng sản xuất kinh doanh ở địa phương nhằm đưa ra giải pháp để phát triển LNTT ở huyện Từ Liêm.

Nguyễn Trí Đình (Chủ nhiệm) (2005), *“Những giải pháp nhằm phát triển làng nghề ở một số tỉnh đồng bằng sông Hồng”*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Hà Nội.

- Hoàng Văn Châu- Phạm Thị Hồng Yến- Lê Thị Thu Hà (2007), *“Làng nghề du lịch Việt Nam”*, NXB Thông Kê, Hà Nội.

- Liên Minh (2009), Một số vấn đề bảo tồn và phát triển làng nghề, Kỷ yếu Hội thảo “Nghề và làng nghề thủ công truyền thống: Tiềm năng và định hướng phát triển”, Huế.

- Phạm Thị Oanh (2021), “*Phát triển làng nghề trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ở tỉnh Nam Định*”, luận văn Thạc sỹ kinh tế. tác giả trình bày những lý luận chung về LNTT và nêu thực trạng phát triển LNTT ở tỉnh Nam Định trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn để từ đó đưa ra các giải pháp phát triển vấn đề này.

- Nguyễn Thị Ngọc Cẩm (2020), “*Nghiên cứu phát triển bền vững du lịch làng nghề tỉnh Thừa Thiên Huế*”, Kỷ yếu Hội thảo Festival nghề và làng nghề truyền thống Huế, trang 12 - 16.

- Nguyễn Phước Phú Quang (2021), “*Du lịch làng nghề ở đồng bằng sông Cửu Long -Một lợi thế văn hóa để phát triển du lịch*”, Tạp chí Phát triển và hội nhập, số 10, trang 62-66.

- Đinh Thị Mai Lan (2020), “*Phát triển làng nghề gắn với phát triển du lịch ở làng gốm Bát Tràng Hà Nội*”, Luận văn Thạc sỹ. Tác giả đã làm rõ phạm trù LNTT gắn với du lịch, phân tích thực trạng và tiềm năng của LNTT gắn với làng gốm Bát Tràng Hà Nội, từ đó đề xuất các giải pháp để thúc đẩy LNTT phục vụ du lịch ở Hà Nội.

Và một số đề tài luận văn/đề án thạc sỹ khác cũng có đề cập đến vấn đề này. Tuy nhiên trong quá trình tìm hiểu và nghiên cứu trên địa bàn tỉnh Hải Dương, học viên nhận thấy trong thời gian gần đây chưa có công trình nào nghiên cứu về phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Khoảng trống nghiên cứu của đề tài là việc thiếu các công trình nghiên cứu chuyên sâu, cập nhật và hệ thống về phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương trong thời gian gần đây. Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về làng nghề tại các địa phương khác như Hà Nội, Bắc Ninh, Nam Định..., nhưng Hải Dương vẫn chưa được quan tâm đúng mức, tạo khoảng trống cho nghiên cứu mang tính thực tiễn và địa phương rõ nét. Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các công trình nghiên cứu trên, ứng dụng nghiên cứu trên địa bàn cụ thể của Hải Dương, em đã quyết định chọn chủ đề “*Phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương*” làm đề tài đề án tốt nghiệp thạc sỹ ngành Quản lý kinh tế.

3. Mục tiêu nghiên cứu đề án

3.1. Mục tiêu chung

Nghiên cứu thực trạng phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương, từ đó đề xuất một số giải pháp và kiến nghị để đẩy mạnh phát triển làng nghề trong đến năm 2035.

3.2. Mục tiêu cụ thể

- Tổng hợp cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về phát triển làng nghề.
- Phân tích và làm rõ thực trạng phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2024, đánh giá thành tựu, chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân.
- Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương.
- Đề xuất một số giải pháp phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương đến 2030, tầm nhìn 2035.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của đề án

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu các vấn đề quản lý, kinh tế tổ chức, cơ chế liên kết liên quan đến phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Đối tượng trực tiếp là các chủ thể tham gia sản xuất và tiêu thụ sản phẩm làng nghề (các đơn vị, các hộ kinh doanh, các tổ sản xuất, HTX, các trung gian phân phối) trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung nghiên cứu: Nghiên cứu thực trạng phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương qua các nội dung: Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm của các làng nghề; Phát triển chất lượng, danh mục sản phẩm của các làng nghề; Phát triển thương hiệu sản phẩm cho các làng nghề; Phát triển kênh phân phối tiêu thụ sản phẩm cho các làng nghề; Phát triển các hoạt động xúc tiến sản phẩm cho các làng nghề; Phát triển đội ngũ làm nghề và số lượng làng nghề; Phát triển quy mô sản xuất của các làng nghề; Quản lý nhà nước về phát triển làng nghề.

Về không gian nghiên cứu: Nghiên cứu thực trạng phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Về thời gian nghiên cứu: Đề tài thu thập giữ liệu giai đoạn 2021-2024

5. Phương pháp thu thập, xử lý thông tin thực hiện đề án

5.1. Phương pháp thu thập thông tin

- *Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp*: Các thông tin, số liệu thứ cấp được thu thập về phát triển làng nghề gồm số liệu thống kê, các báo cáo được công bố, ..Ngoài ra đề tài cũng tham khảo các nguồn tài liệu tìm kiếm được qua sách báo, truyền hình, internet.... của tỉnh Hải Dương về các làng nghề.

- *Phương pháp thu thập số liệu sơ cấp*: Đề án tiến hành khảo sát các hộ sản xuất làng nghề, các cán bộ quản lý các cấp và khách hàng của các làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương thông qua bảng hỏi.

+ Đối tượng khảo sát: Đại diện cơ quan quản lý nhà nước về làng nghề; Khách hàng, Trung gian phân phối sản phẩm làng nghề; Các đơn vị sản xuất sản phẩm làng nghề.

+ Thời gian khảo sát: 2024

5.2. Phương pháp xử lý dữ liệu

- *Phương pháp tổng hợp số liệu*: Đề án tổng hợp dữ liệu từ bảng khảo sát các hộ sản xuất làng nghề, các cán bộ quản lý các cấp và khách hàng và các dữ liệu thứ cấp từ các báo cáo của tỉnh Hải Dương về các làng nghề giai đoạn 2021-2024.

- *Phương pháp phân tích*: Được sử dụng để phân tích và đánh giá những kết quả đạt được cũng như những tồn tại về phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương, từ đó đề ra các giải pháp phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương trong thời gian tới.

- *Phương pháp đối chiếu so sánh*: Được sử dụng cho quá trình phân tích kết quả phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương để đánh giá xu hướng, mức độ biến động của các làng nghề giai đoạn 2021-2024.

Kỹ thuật phân tích dữ liệu khảo sát được sử dụng trong đề án là thống kê mô tả, nhằm tổng hợp, trình bày các thông tin từ bảng hỏi thông qua các chỉ tiêu như tần suất, tỷ lệ phần trăm, trung bình cộng. Ngoài ra, biểu đồ, bảng biểu và so sánh định tính cũng được áp dụng để minh họa và phân tích xu hướng rõ ràng hơn.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề án

Ý nghĩa lý luận: Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về phát triển làng nghề.

Ý nghĩa thực tiễn: Đánh giá được thực trạng phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Đề xuất các giải pháp nhằm phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

7. Cấu trúc đề án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của đề án được chia thành 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về phát triển làng nghề

Chương 2: Thực trạng phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Chương 3: Giải pháp phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN CẤP TỈNH

1.1. Làng nghề và phát triển làng nghề

1.1.1. Làng nghề

1.1.1.1. Khái niệm làng nghề

Thôn, làng là một thuật ngữ dùng để chỉ một đơn vị hành chính ở nông thôn bao hàm là một tập hợp cộng đồng dân cư trên một vùng lãnh thổ xác định, có khả năng độc lập về kinh tế. Trong điều kiện chống ngoại xâm, thiên tai thì họ là một cộng đồng thống nhất. Họ còn là một cộng đồng văn hóa gắn liền với biểu tượng cây đa, giếng nước, mái đình.

Làng, theo định nghĩa của Từ điển Tiếng Việt, là một khối người quây quần ở một nơi nhất định trong nông thôn. Làng là một tế bào của xã hội của người Việt, là một tập hợp dân cư chủ yếu theo quan hệ láng giềng. Đó là một không gian lãnh thổ nhất định, ở đó tập hợp những người dân quần tụ lại cùng sinh sống và sản xuất. Trong quá trình đô thị hóa, khái niệm làng được hiểu một cách tương đối. Một số địa phương hiện nay không còn được gọi là làng mà thay vào đó là những tên gọi khác như phố, khối phố. Tuy nhiên, dù tên gọi là có thay đổi nhưng bản chất của cộng đồng dân cư đó vẫn gắn với nông thôn thì vẫn được xem là làng.

Các làng ở nước ta được chia làm 4 loại chính:

Làng thuần nông hay còn gọi là làng nông nghiệp, là những làng nghề nông một cách thuần túy.

Làng buôn bán, là làng làm nghề nông có thêm nghề buôn bán của một số thương nhân chuyên nghiệp hoặc bán chuyên nghiệp.

Làng nghề, là làng làm nghề nông nghiệp nhưng có thêm một số nghề thủ công.

Làng chài, là làng của các cư dân làm nghề chài lưới, đánh cá sống ở ven sông, ven biển.

Sự xuất hiện của các nghề thủ công ở các làng quê lúc đầu chỉ là ngành nghề phụ, chủ yếu được nông dân tiến hành trong lúc nông nhàn. Về sau, do quá trình phân công lao động, các ngành nghề thủ công tách dần khỏi nông nghiệp nhưng lại phục vụ trực tiếp cho nông nghiệp, khi đó người thợ thủ công có thể không còn sản xuất nông nghiệp nhưng họ vẫn gắn chặt với làng quê mình. Khi nghề thủ công phát triển, số người chuyên làm nghề thủ công và sống được bằng nghề này tăng lên, điều này diễn ra ngay trong các làng quê và đó

là cơ sở cho sự tồn tại của các làng nghề ở nông thôn.

Từ những luận điểm và lý luận trên đã có nhiều quan niệm về làng nghề được đưa ra: Tác giả Nguyễn Văn Đại, Trần Văn Luận cho rằng “Làng nghề là những làng đã từng có từ 50 hộ hoặc từ 1/3 tổng số hộ hay lao động của địa phương trở lên làm nghề chiếm phần chủ yếu trong tổng thu nhập của họ trong năm”. TS. Dương Bá Phụng quan niệm “Làng nghề là làng ở nông thôn có một (hay một số) nghề thủ công tách hẳn khỏi nông nghiệp và kinh doanh độc lập”. Quan niệm này nêu hai yếu tố cơ bản cấu thành làng nghề, đó là làng và nghề. Tác giả Mai Thế Hồn cho rằng “Làng nghề là một cụm dân cư sinh sống trong một thôn (làng) có một hay một số nghề được tách ra khỏi nông nghiệp để sản xuất độc lập. Thu nhập từ các nghề đó chiếm tỷ trọng cao trong tổng giá trị sản phẩm của làng”. Tác giả Đỗ Quang Dũng quan niệm “Làng nghề là làng ở nông thôn có một (hay một số) nghề thủ công hầu như được tách hẳn ra khỏi nông nghiệp, kinh doanh độc lập và đạt tới một tỷ lệ nhất định về lao động làm nghề cùng như về mức thu nhập từ nghề so với tổng số lao động và thu nhập của làng”.

Đề tài sử dụng khái niệm làng nghề theo Thông tư số 116/2006/TT-BNN của Bộ NN & PTNT hướng dẫn thực hiện một số nội dung Nghị định số 66/2006/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn: “Làng nghề là một hoặc nhiều cụm dân cư cấp thôn, ấp, bản, làng, buôn, phum, sóc hoặc các điểm dân cư tương tự trên địa bàn một xã, thị trấn có các hoạt động ngành nghề nông thôn, sản xuất ra một hoặc nhiều loại sản phẩm khác nhau”.

Thực tế cho thấy “Làng nghề” là một tập hợp từ thể hiện một không gian vùng quê nông thôn, ở đó có những hộ thuộc một số dòng tộc nhất định sinh sống. Ngoài sản xuất nông nghiệp, họ còn có một số nghề sản xuất phi nông nghiệp. Trong các làng nghề này tồn tại đan xen nhiều mối quan hệ kinh tế, xã hội phong phú và phức tạp. Làng nghề là những làng ở nông thôn có những nghề phi nông nghiệp chiếm ưu thế về số hộ, số lao động và thu nhập so với nghề nông.

Như vậy khái niệm làng nghề có thể bao gồm những nội dung chính sau: “Làng nghề là một thiết chế KT-XH ở nông thôn, được cấu thành bởi hai yếu tố làng và nghề, tồn tại trong một không gian địa lý nhất định trong đó bao gồm nhiều hộ gia đình sinh sống bằng nghề thủ công là chính, giữa họ có mối liên kết chặt chẽ về kinh tế - xã hội và văn hóa”.

1.1.1.2. Phân loại làng nghề

Việc phân loại làng nghề gặp nhiều khó khăn bởi tính đa dạng về quy mô, lĩnh vực và lịch sử hình thành; có thể phân loại làng nghề theo các tiêu chí sau:

a) Theo lịch sử hình thành và phát triển các làng nghề, có:

Làng nghề truyền thống: Theo Thông tư 116/2006/TT-BNN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: “Làng nghề truyền thống là làng nghề có nghề truyền thống được hình thành từ lâu đời”.

Làng nghề mới:

Làng nghề mới là những làng có ngành nghề phát triển trong những năm gần đây, chủ yếu do sự lan tỏa từ làng nghề truyền thống hoặc do sự du nhập trong quá trình hội nhập giữa các vùng và giữa các nước. Ngay các làng nghề truyền thống cũng có sự đan xen giữa nghề mới và nghề truyền thống.

b) Theo ngành nghề sản xuất kinh doanh, có:

Làng nghề TTCN như: dệt, gốm sứ, đồ gỗ mỹ nghệ.v.v..

Làng nghề công nghiệp cơ khí, chế tác như: chế tác vàng bạc, dát vàng, gia công tái chế sắt thép.v.v..

Làng nghề xây dựng;

Làng nghề dịch vụ;....

c) Theo quy mô làng nghề:

Làng nghề quy mô lớn, lan tỏa, liên kết nhiều làng làm cùng một nghề hoặc cùng một không gian địa lý lãnh thổ, tạo thành vùng nghề hoặc xã nghề ở đó các làng nghề, có quy mô lao động phi nông nghiệp rất lớn, không chỉ với lực lượng lao động tại chỗ mà còn thu hút nhiều lao động đến làm thuê.

Làng nghề quy mô nhỏ, là trong phạm vi một làng theo địa giới hành chính. Ở các làng nghề này thường hoạt động kinh doanh một ngành nghề phi nông nghiệp, được truyền nghề theo phạm vi dòng tộc.

d) Theo loại hình kinh doanh của làng nghề có tính phổ biến ở Việt Nam:

Các làng nghề truyền thống chuyên doanh một chủng loại sản phẩm hàng hoá;

Các làng nghề kinh doanh tổng hợp một số sản phẩm truyền thống;

Các làng nghề vừa chuyên doanh các sản phẩm truyền thống vừa phát triển các ngành nghề mới như dịch vụ, xây dựng.

e) Theo tính chất hoạt động sản xuất kinh doanh của các làng nghề:

Các làng nghề vừa sản xuất nông nghiệp vừa kinh doanh các ngành nghề phi nông nghiệp;

Các làng nghề thủ công chuyên nghiệp;

Các làng nghề sản xuất hàng xuất khẩu.

1.1.1.3. Các tiêu chí xác định làng nghề

Làng nghề được công nhận (theo Thông tư 116/2006/TT-BNN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) phải đạt 03 tiêu chí sau:

Có tối thiểu 30% tổng số hộ trên địa bàn tham gia các hoạt động ngành nghề nông thôn;

Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định tối thiểu 2 năm tính đến thời điểm đề nghị công nhận;

Chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước.

1.1.1.4. Vai trò của làng nghề

a) Các làng nghề tạo ra khối lượng hàng hoá phong phú, đa dạng phục vụ cho nhu cầu sản xuất, tiêu dùng trong nước và xuất khẩu:

Với số lượng ngành nghề phong phú, đa dạng và với số lượng lớn các cơ sở, các hộ sản xuất nên các làng nghề đã tạo ra sản phẩm hàng hoá phong phú và đa dạng về chủng loại, khối lượng lớn, đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng trong nước. Ngoài ra sản phẩm của các làng nghề còn đóng góp quan trọng làm tăng kim ngạch xuất khẩu. Sản phẩm thủ công mỹ nghệ của nước ta đã có mặt ở nhiều nước trên thế giới, đã trở thành một trong những mặt hàng xuất khẩu lớn nhất, vượt kim ngạch xuất khẩu của nhiều mặt hàng khác.

b) Làng nghề góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá:

Làng nghề có vai trò tích cực góp phần tăng tỷ trọng công nghiệp, TTCN và dịch vụ, thu hẹp tỷ trọng nông nghiệp, chuyển lao động từ sản xuất nông nghiệp có thu nhập thấp sang ngành nghề phi nông nghiệp có thu nhập cao hơn. Sự phát triển này đã làm thay đổi cơ cấu kinh tế nông thôn, từ đó đã tạo ra nền kinh tế đa dạng ở nông thôn, không chỉ có nông nghiệp thuần nhất mà còn có các ngành TTCN, thương mại, dịch vụ. Sự phát triển lan toả của làng nghề đã mở rộng quy mô địa bàn sản xuất, thu hút nhiều lao động. Cơ cấu kinh tế ở nhiều làng nghề đạt 60-80% cho công nghiệp và dịch vụ, 20-40% cho nông nghiệp. Theo tính toán của các chuyên gia kinh tế, cơ cấu lao động nông thôn theo tỷ lệ 30-40-30 là hợp lý (30% làm nông nghiệp, 40% công nghiệp và 30% làm dịch vụ). Để đạt được cơ cấu này thì cần phải đẩy mạnh phát triển làng nghề để tạo việc làm tại chỗ là rất cần thiết.

c) Làng nghề góp phần giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, tạo bình đẳng về thu nhập cho phụ nữ:

Sản xuất của làng nghề chủ yếu bằng phương pháp thủ công, không đòi hỏi cao về chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ hay trình độ ngoại ngữ. Do đó phát triển làng nghề tạo việc làm cho nhiều lao động. Trước hết là trong gia đình, trong làng xã, ngoài ra còn thu hút được nhiều lao động từ các địa phương khác. Mặt khác, làng nghề phát triển sẽ hình thành các nghề khác, các hoạt động dịch vụ liên

quan, tạo thêm nhiều việc làm mới, thu hút thêm nhiều lao động. Điều này không chỉ có ý nghĩa về mặt kinh tế mà còn có ý nghĩa về mặt xã hội, an ninh trật tự, bởi vì hạn chế được vấn đề di dân từ vùng này sang vùng khác, từ nông thôn ra thành thị. Quá trình CNH diễn ra mạnh những năm gần đây, diện tích đất nông nghiệp được chuyển sang sản xuất công nghiệp dẫn đến tình trạng thiếu việc làm ở khu vực nông thôn. Vì vậy, vấn đề tạo việc làm cho lao động nông thôn, nông dân nói riêng là mối quan tâm hàng đầu trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nước ta. Phát triển làng nghề còn có ý nghĩa khác là góp phần tạo ra bình đẳng cho phụ nữ. Phụ nữ nước ta chiếm 49% lực lượng lao động, nhưng chỉ 26% là có công việc chính trong lĩnh vực làm công ăn lương. Phát triển ngành nghề nông thôn đã thu hút được số lượng lớn phụ nữ với thu nhập ổn định, góp phần nâng cao vị thế của phụ nữ.

d) Làng nghề góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân và xây dựng nông thôn mới:

Thực tế cho thấy làng nghề đã có đóng góp tích cực nâng cao đời sống cho người dân, ở những nơi có làng nghề phát triển tỉ lệ hộ khá và giàu thường cao hơn, tỉ lệ hộ nghèo thấp hơn hẳn so với những vùng thuần túy sản xuất nông nghiệp. Làng nghề phát triển, thu nhập của người dân được nâng cao thì người dân có điều kiện để tổ chức các hoạt động văn hoá. Trong các làng nghề, cùng với sự đổi mới về kinh tế, văn hoá của nhân dân là quá trình xây dựng và đổi mới nông thôn theo hướng HDH.

đ) Thu hút vốn nhàn rỗi và tận dụng nguồn lực trong nhân dân:

Khác với sản xuất công nghiệp và một số ngành khác, sản xuất của các hộ ở làng nghề đa số không đòi hỏi số vốn đầu tư lớn mà chủ yếu quy mô nhỏ, cơ cấu vốn và lao động ít nên rất phù hợp với khả năng huy động vốn và các nguồn lực vật chất của các gia đình. Sản xuất ở các làng nghề với rất nhiều hộ gia đình đã huy động được một lượng vốn không nhỏ. Các làng nghề còn tiết kiệm được các chi phí khác như chi phí xây dựng cơ bản vì đầu tư cho công việc xây dựng nhà xưởng, kho tàng, đường sá,... được giảm đến mức thấp nhất vì các hộ sản xuất tận dụng các diện tích sẵn có trong gia đình (nhà ở, sân, vườn,...) và trong làng để làm nơi sản xuất, bảo quản. Ngoài ra các hộ sản xuất còn huy động vốn thông qua việc vay mượn nhau trong gia đình, họ hàng, làng xóm, bạn bè,... thông qua nhiều hình thức rất linh hoạt.

e) Làng nghề thúc đẩy phát triển kết cấu hạ tầng, thay đổi bộ mặt nông thôn:

Làng nghề phát triển phát sinh nhu cầu xây dựng nhà xưởng, đường sá, hệ thống cấp điện, nước, bưu điện....Đồng thời làng nghề phát triển, người dân có thu

nhập cao, có điều kiện đóng góp để xây dựng cơ sở hạ tầng, có nhu cầu và điều kiện trao đổi hàng hoá, mua sắm các tiện nghi sinh hoạt, xây dựng nhà cửa và do đó hình thành trung tâm giao lưu buôn bán. Những trung tâm này ngày càng được mở rộng và phát triển, tạo nên một sự đổi mới trong nông thôn.

1.1.2. Phát triển làng nghề

1.1.2.1. Khái niệm phát triển và phát triển làng nghề

a) Khái niệm về phát triển:

Theo Triết học duy vật biện chứng, phát triển là một phạm trù Triết học chỉ khái quát quá trình vận động tiến lên từ thấp lên cao, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn của sự vật.

Nguồn gốc của sự phát triển nằm ngay trong bản thân sự vật. Phát triển có các tính chất: tính phổ biến; tính đa dạng, phong phú; tính kế thừa; tính khách quan và tính phức tạp.

Dưới góc độ kinh tế: Theo giáo sư Bùi Đình Thanh, một trong những cây đại thụ của làng xã hội học Việt Nam, một nhà xã hội học có uy tín trong giới nghiên cứu xã hội học thế giới: hiện nay khái niệm về phát triển vẫn còn tiếp tục là vấn đề tranh luận giữa các nhà nghiên cứu khoa học và hoạch định chính sách trên thế giới; qua nghiên cứu, ông khái quát lại khái niệm về phát triển như sau:

“Phát triển là một quá trình tiến hóa của mọi xã hội, mọi cộng đồng dân tộc trong đó các chủ thể lãnh đạo và quản lý, bằng các chiến lược và chính sách thích hợp với những đặc điểm về lịch sử, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của xã hội và cộng đồng dân tộc mình, tạo ra, huy động và quản lý các nguồn lực tự nhiên và con người nhằm đạt được những thành quả bền vững và được phân phối công bằng cho các thành viên trong xã hội vì mục đích không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của họ”.

b) Khái niệm phát triển làng nghề:

Phát triển làng nghề có thể được hiểu là sự tăng lên về quy mô của các loại hình tham gia sản xuất làng nghề, về số lượng các cơ sở sản xuất, các hộ sản xuất nghề, đồng thời là sự tăng lên về giá trị sản lượng, về thu nhập của người lao động cùng với sự tăng lên về doanh thu của các cơ sở, hộ sản xuất ngành nghề và giữ vững sự ổn định, bền vững.

Hay phát triển làng nghề cũng được hiểu như sau: Phát triển làng nghề là quá trình phát triển sản xuất kinh doanh của làng nghề nhằm thỏa mãn nhu cầu đa dạng và ngày càng phát triển của thể hệ hiện đại, mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu đó của thể hệ tương lai.

1.1.2.2. Nội dung phát triển làng nghề

a) Xây dựng quy hoạch phát triển làng nghề

Theo tình hình phát triển kinh tế nước ta đặt ra yêu cầu xây dựng quy hoạch phát triển làng nghề phải gắn liền với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương, đặt trong mối quan hệ tương hỗ với quy hoạch phát triển các ngành, quy hoạch đô thị, kết hợp hài hòa nhiều loại hình kinh tế với công nghệ, thiết bị thích hợp, kết hợp hiện đại với truyền thống, thiết bị tiên tiến với tay nghề thủ công, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

Nguyên tắc chủ yếu trong xây dựng quy hoạch phát triển làng nghề được nêu cụ thể như sau:

Quy hoạch phát triển làng nghề phải dựa trên cơ sở nội lực của các làng nghề là chủ yếu; vai trò của Nhà nước được xác định trong việc định hướng, hỗ trợ, tạo môi trường phát triển. Trên cơ sở tiềm năng ngành nghề đã và đang có hoặc du nhập nghề phù hợp của từng địa phương và giai đoạn. Cơ quan quản lý Nhà nước triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển làng nghề, các ngành nghề nông thôn; qua đó góp phần xây dựng nông thôn mới; khắc phục hiện tượng di dân tự do đến các đô thị lớn; hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực đến xã hội.

Quy hoạch phát triển làng nghề phải bảo đảm kết hợp hài hòa giữa làng nghề truyền thống với làng nghề hiện đại. Việc áp dụng công nghệ hiện đại, máy móc thiết bị tiên tiến cần đi đôi với giữ gìn, áp dụng những bí quyết công nghệ truyền thống để đảm bảo tính đặc trưng của sản phẩm, nét văn hóa dân gian trong các sản phẩm làng nghề truyền thống của từng địa phương.

Quy hoạch phát triển làng nghề phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển sản xuất gắn với bảo vệ môi trường. Phát triển các làng nghề phải đảm bảo giữ gìn môi trường sống trong sạch; làm nền tảng cho phát triển bền vững trong dài hạn.

Các phương án xây dựng quy hoạch phát triển làng nghề chỉ mang tính định hướng để ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống làng nghề. Trong quá trình vận động và phát triển của thị trường, các làng nghề có cơ hội và điều kiện phát triển sản xuất, nếu thỏa mãn đầy đủ các tiêu chí về công nhận làng nghề của từng địa phương thì sẽ được xem xét để công nhận danh hiệu làng nghề theo quy định.

Nội dung cơ bản của các phương án quy hoạch phát triển làng nghề Trong kỳ xây dựng quy hoạch sẽ ưu tiên phát triển hệ thống làng nghề tại từng địa phương theo phương án:

Tiếp tục hỗ trợ phát triển các địa bàn, khu vực đã có thành tích trong phát triển làng nghề.

Quan tâm hỗ trợ các vùng có tiềm năng, thế mạnh trong phát triển làng nghề, nhất là phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung trong tương lai

để phát triển làng nghề công nghiệp hỗ trợ.

Hỗ trợ các vùng có tiềm năng, thế mạnh trong du lịch để phát triển làng nghề mang tính mỹ thuật, kỹ nghệ cao nhằm thu hút khách du lịch, kích thích ngành công nghiệp và du lịch cùng phát triển.

Tích cực hỗ trợ các địa phương, vùng miền có dân số ở độ tuổi từ 30 đến 39 chiếm tỷ trọng cao, nhất là dân số nữ; phát triển các làng nghề thủ công, tận dụng thời gian nhàn rỗi để sản xuất, góp phần cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân trong khu vực làng nghề.

Ưu tiên phát triển các làng nghề hỗ trợ cho sản xuất nông nghiệp, sơ chế hoặc chế biến sâu đối với hàng nông sản thực phẩm nhằm nâng cao giá trị sản phẩm hàng hóa trong nông nghiệp.

Ưu tiên phát triển các làng nghề sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, gắn với việc hình thành các khu công nghiệp, cụm công nghiệp để hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm; xây dựng liên kết dọc trong sản xuất công nghiệp; nâng cao tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm sản xuất trong nước.

Khuyến khích phát triển các ngành nghề sản xuất sản phẩm thủ công, mỹ nghệ để duy trì, gìn giữ nét văn hóa dân tộc, cung ứng sản phẩm đặc trưng cho khách du lịch; góp phần tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu trong nước.

b) Xây dựng và thực thi các chính sách cho phát triển làng nghề

Hiện nay, nước ta phát triển các làng nghề với các mục tiêu: Giải quyết việc làm, nâng cao đời sống cho người lao động, góp phần đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

Đồng thời bảo tồn, phát triển nghề, làng nghề theo hướng nâng cao quy mô, chất lượng, hiệu quả làng nghề và bảo vệ môi trường.

Với những mục tiêu thiết yếu như trên, nước ta đã đặt công tác phát triển làng nghề lên hàng đầu với việc xây dựng và thực thi hàng loạt các chính sách phát triển cụ thể như sau:

+ Chính sách hỗ trợ vốn, đầu tư, tín dụng

Ngân sách Trung ương hỗ trợ một phần kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và xử lý môi trường cho các làng nghề, cụm cơ sở ngành nghề nông thôn. Đối với các tỉnh khó khăn về nguồn thu ngân sách, ngân sách địa phương hỗ trợ một phần trong dự toán hàng năm.

Tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển nghề và làng nghề ở nông thôn được UBND tỉnh xem xét hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay của các tổ chức tín dụng (từ nguồn vốn ngân sách tỉnh) cho đầu tư mở rộng sản xuất và đầu tư cơ sở sản xuất mới. Thời gian hỗ trợ không quá 3 năm đối với cho vay dài hạn kể từ

ngày vay vốn. Đối với khoản vay đã được hỗ trợ lãi suất theo chính sách kích cầu của Chính phủ thì chỉ được hỗ trợ phần chênh lệch lãi suất còn lại.

+ Chính sách ưu đãi về xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật

Các dự án đầu tư vào cụm công nghiệp thuộc làng nghề được ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí san lấp mặt bằng với mức 20.000 đồng cho một mét vuông trên diện tích đất thuê.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân và cơ sở làng nghề nông thôn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng làng nghề, cụm cơ sở ngành nghề nông thôn. Nhà nước hỗ trợ đầu tư hạ tầng làng nghề và ngoài hàng rào các cụm cơ sở ngành nghề nông thôn.

Các cơ sở làng nghề nông thôn có dự án đầu tư, có hiệu quả được:

Tạo điều kiện thuận lợi về giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc thuê đất tại các cụm cơ sở ngành nghề nông thôn;

Đối với dự án đầu tư đòi hỏi nghiêm ngặt về xử lý ô nhiễm môi trường, bảo đảm yêu cầu nghiên cứu, sản xuất sản phẩm mới được ưu tiên thuê đất tại các khu, cụm công nghiệp tập trung;

Các cơ sở làng nghề nông thôn di dời ra khỏi khu dân cư đến địa điểm quy hoạch được ưu đãi về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất và hỗ trợ kinh phí để di dời.

+ Ưu đãi về hỗ trợ quảng cáo, xúc tiến thương mại

Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ cho các cơ sở làng nghề nông thôn hoạt động xúc tiến thương mại theo quy định hiện hành của Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng địa phương để hỗ trợ các cơ sở làng nghề nông thôn xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý xuất xứ hàng hoá, có chính sách bảo hộ sở hữu thương hiệu.

Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trong làng nghề khi tham gia hội chợ, triển lãm được hỗ trợ 50% tiền thuê diện tích gian hàng tại hội chợ, triển lãm ở tỉnh ngoài; từ 20% đến 30% (tùy từng thị trường) tiền thuê diện tích gian hàng tại hội chợ, triển lãm ở nước ngoài, từ nguồn vốn khuyến công của tỉnh.

Hỗ trợ kinh phí xây dựng, đăng ký thương hiệu sản phẩm làng nghề (thương hiệu chung); mức hỗ trợ không quá 35 triệu đồng cho một thương hiệu từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học của tỉnh.

Các xã có làng nghề truyền thống, xã nghề khi xây dựng biển quảng bá làng nghề được hỗ trợ không quá 50 triệu đồng cho UBND xã từ nguồn vốn khuyến công của tỉnh.

Các tổ chức hội ngành nghề (thành lập theo quy định của pháp luật) ở các xã

có làng nghề truyền thống, gắn với tuyến du lịch, được hỗ trợ xây dựng một nhà trưng bày giới thiệu sản phẩm. Mức hỗ trợ không quá 500 triệu đồng cho một xã từ ngân sách tỉnh.

+ Chính sách hỗ trợ, chuyển giao khoa học công nghệ

Cơ sở làng nghề nông thôn khi thực hiện các hoạt động triển khai ứng dụng kết quả khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ, sản xuất sản phẩm mới và thực hiện các dịch vụ khoa học công nghệ hay tiếp nhận tiến bộ khoa học kỹ thuật từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thì được hưởng các ưu đãi theo chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học công nghệ.

Cơ sở làng nghề nông thôn thực hiện đề tài nghiên cứu độc lập hoặc phối hợp với các cơ quan nghiên cứu khoa học để tạo ra công nghệ mới, hoàn thiện sản phẩm nghiên cứu có khả năng thương mại hoá thuộc lĩnh vực làng nghề nông thôn thì được Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ.

Ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí khuyến nông, khuyến ngư, khuyến công hỗ trợ cơ sở làng nghề nông thôn về các nội dung: thông tin, tuyên truyền; xây dựng mô hình, chuyển giao khoa học công nghệ; bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo; tư vấn và dịch vụ.

+ Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, truyền nghề, tập huấn nâng cao trình độ quản trị doanh nghiệp

Hỗ trợ đào tạo nghề, truyền nghề từ 3 tháng đến 1 năm: áp dụng đối với doanh nghiệp trong nước, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh có cam kết bố trí việc làm cho học viên sau đào tạo. Thời gian tập huấn: không quá bảy ngày. Hỗ trợ 100% học phí và tiền mua tài liệu theo quy định của cơ sở đào tạo, thời gian đào tạo cho từng ngành nghề được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Người lao động chỉ được hỗ trợ đào tạo nghề một lần.

Hỗ trợ tập huấn nâng cao trình độ quản trị doanh nghiệp cho chủ các cơ sở sản xuất, lãnh đạo các doanh nghiệp làng nghề. Hoạt động này do Sở Công thương tổ chức thực hiện. Các cơ sở sản xuất có nhu cầu gửi danh sách đề nghị hỗ trợ tập huấn nâng cao trình độ quản trị doanh nghiệp về Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã (qua Phòng Kinh tế hạ tầng) trước ngày 15/6 hàng năm để tổng hợp nhu cầu.

Các dự án đầu tư cơ sở dạy nghề nông thôn được hưởng các chính sách về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước theo quy định để đào tạo nguồn nhân lực đối với các ngành nghề cần phát triển theo quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn.

Ngân sách địa phương hỗ trợ một phần chi phí lớp học cho các cơ sở làng nghề nông thôn trực tiếp mở lớp truyền nghề.

Các nghệ nhân làng nghề nông thôn tổ chức truyền nghề được thu tiền học phí của học viên trên nguyên tắc thỏa thuận; được thù lao theo quy định của cơ sở đào tạo khi tham gia giảng dạy tại các cơ sở đào tạo; được hưởng các ưu đãi về thuế trong hoạt động truyền nghề theo quy định hiện hành.

Lao động nông thôn khi tham gia học nghề được hỗ trợ kinh phí đào tạo theo chính sách hỗ trợ dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn; được vay vốn từ chương trình quốc gia giải quyết việc làm.

+ Chính sách khen thưởng làng nghề

Tổ chức, cá nhân trong làng nghề nếu du nhập nghề mới từ ngoài tỉnh (thuộc lĩnh vực, ngành nghề khuyến khích) có quy mô sử dụng từ 100 lao động trở lên, thời gian ổn định từ 2 năm trở lên, được UBND huyện, thành phố đề nghị, UBND tỉnh tặng bằng khen và thưởng 10 triệu đồng, từ nguồn vốn khuyến công của tỉnh.

Phát triển được một làng nghề có nghề mới (thuộc lĩnh vực, ngành nghề khuyến khích), đủ tiêu chuẩn được UBND tỉnh cấp bằng công nhận làng nghề và thưởng 20 triệu đồng, từ nguồn kinh phí khuyến công của tỉnh.

Các xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn, làng nghề, xã nghề được UBND tỉnh cấp bằng công nhận và thưởng 5 triệu đồng cho làng nghề, 25 triệu đồng cho xã nghề, từ nguồn kinh phí khuyến công của tỉnh.

c) Nâng cao năng lực của các chủ thể phát triển làng nghề.

Trong nội dung phát triển làng nghề, các chủ thể phát triển làng nghề đóng vai trò quan trọng, do đó cần quan tâm nâng cao năng lực lãnh đạo quản lý cho đối tượng này. Chủ thể phát triển làng nghề bao gồm:

+ Bộ máy quản lý nhà nước về phát triển làng nghề:

Cấp Trung ương: các Bộ, ngành (chủ quản, liên quan), Tổng cục, các cơ quan trực thuộc Chính phủ có liên quan đến phát triển làng nghề.

Các cấp chính quyền địa phương: UBND cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và các sở, ban, ngành liên quan đến công tác phát triển làng nghề.

Tổ hợp tác, HTX nông nghiệp có kinh doanh phát triển làng nghề. Các tổ hợp tác và HTX chủ yếu đáp ứng dịch vụ đầu vào, đầu ra, còn sản xuất do các hộ gia đình đảm nhận. Ở một số làng nghề, Hợp tác xã tổ chức xưởng sản xuất tập trung ở một số công đoạn cần thiết và liên kết với các doanh nghiệp để tiêu thụ sản phẩm và đóng vai trò liên kết giữa doanh nghiệp và hộ gia đình trong sản xuất, kinh doanh.

Với bộ máy quản lý điều hành như trên có nhiệm vụ:

Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách phát ngành nghề, làng nghề gắn với hộ gia đình và hợp tác xã trên địa bàn cấp xã;

Chủ trì thẩm định, tổ chức thực hiện và hướng dẫn các địa phương triển khai quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển ngành nghề nông thôn gắn với làng nghề, hợp tác xã và hộ gia đình;

Tổng hợp báo cáo thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, chương trình, đề án, kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn trong phạm vi cả nước;

Xây dựng trình Bộ chương trình, kế hoạch khuyến khích phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn hàng năm;

Đầu mối phối hợp với các cơ quan có liên quan và địa phương để giải quyết những nội dung liên quan đến phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn;

Tổ chức các hoạt động chuyển giao tiến bộ kỹ thuật; tư vấn đầu tư; cung cấp thông tin, triển lãm, hội chợ và quảng bá sản phẩm cho các làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn.

+ Hiệp hội làng nghề:

Là đầu mối để các nghệ nhân, cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, doanh nhân, các nhà nghiên cứu có điều kiện tiếp xúc, trao đổi, tìm hiểu nhu cầu, thị hiếu người tiêu dùng trong và ngoài nước, tìm kiếm thị trường nguyên liệu. Đồng thời là cầu nối để triển khai ứng dụng công nghệ mới vào hoạt động sản xuất của làng nghề và công tác đào tạo, truyền nghề.

+ Các chủ thể làm nghề: Là những tập thể, cá nhân trực tiếp đầu tư, góp vốn làm nghề, họ là người giữ vai trò quyết định về quy mô sản xuất, vốn, chất lượng sản phẩm,....

1.1.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển làng nghề

Phát triển làng nghề chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố. Sau đây là một số nhân tố chủ yếu:

a) Nhân tố thị trường:

+ Về nhu cầu thị trường: Nhu cầu thị trường là nhân tố chủ yếu tác động đến sự hình thành, tồn tại và phát triển làng nghề. Bởi vì sản phẩm làng nghề là hàng hoá, do đó phải được thị trường chấp nhận thì mới tiêu thụ được. Trước hết, nhu cầu thị trường làm xuất hiện nghề và từ đó dần dần hình thành nên làng nghề. Đối với các làng nghề, nhu cầu thị trường thay đổi yêu cầu sản phẩm làng nghề thay đổi phù hợp. Điều này buộc các làng nghề phải thay đổi chủng loại sản phẩm hoặc thay đổi mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường và phải nâng cao sức cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại trên thị trường. Nhu cầu thị

trường càng lớn, càng bền vững thì việc sản xuất của các làng nghề càng ổn định và bền vững. Làng nghề nào thích ứng với sự biến động của thị trường thì tồn tại và phát triển. Ngược lại làng nghề nào không đáp ứng được sự thay đổi của nhu cầu thị trường thì sẽ bị mai một dần, có làng bị mất đi.

+ Thị trường công nghệ: Được hình thành tự phát trên cơ sở các thiết bị công nghệ truyền thống, một số người lao động, hộ thủ công đã tách ra chuyên sửa chữa, cải tiến một số công đoạn cho hiệu quả hơn. Hoặc một số hộ có số vốn dồi dào chuyển sang buôn bán máy móc, thiết bị trong phạm vi làng. Vì vậy, nhìn chung thị trường công nghệ nhỏ hẹp, chắp vá chưa đáp ứng nhu cầu hiện đại hóa làng nghề.

Hiện nay có thể nói chưa có nhiều tổ chức nghiên cứu, cơ quan có thẩm quyền vào cuộc để nghiên cứu, giúp làng nghề thực hiện chuyển giao, tiếp nhận công nghệ hiện đại.

+ Thị trường lao động: Được hình thành theo thời vụ, cơ cấu lao động trong làng nghề được phân hóa như sau: Lực lượng cơ bản nhất ở tại địa phương bao gồm lao động địa phương chuyên nghiệp; lao động địa phương bán chuyên nghiệp là những người trong gia đình tham gia khi công việc cần kíp hoặc công việc của hộ rỗi rãi; lao động làm thuê ở địa phương khác đến làm việc với tư cách đi học việc, như các ngành chạm, khắc, thêu, ren... Thực tế hiện nay tại một số làng nghề, lao động chuyên nghiệp là những người trong độ tuổi trung niên hoặc là người đã lập gia đình, còn đối với lao động trẻ thì quan niệm nghề truyền thống của cha ông chỉ là tạm thời.

b) Nhân tố vốn:

Muốn tiến hành sản xuất yếu tố đầu tiên cần có là vốn, vốn là yếu tố vật chất đầu tiên, quyết định quy mô sản xuất của các chủ thể sản xuất kinh doanh trong làng nghề. Trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, cạnh tranh khốc liệt trên thị trường đòi hỏi các cơ sở sản xuất kinh doanh trong làng nghề phải có lượng vốn lớn đầu tư công nghệ, đổi mới trang thiết bị ở một số công đoạn sản xuất phù hợp để thay thế lao động thủ công, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu mở rộng thị trường.

Vốn tồn tại dưới hai hình thức: vốn tài chính và vốn hiện vật, trong đó vốn tài chính trong làng nghề là tiền; còn vốn hiện vật tồn tại dưới hình thức vật chất của quá trình sản xuất trong làng nghề như cơ sở vật chất của các hợp tác xã thủ công trước kia, máy móc, nguyên liệu và đặc biệt còn có nguồn vốn phi vật chất là kinh nghiệm bí quyết nghề nghiệp.

Cơ cấu nguồn vốn tại các làng nghề bao gồm nguồn vốn trong nước và

nguồn vốn nước ngoài. Về thu hút vốn đầu tư nước ngoài có thể nói ở làng nghề là rất ít, còn nguồn vốn trong nước bao gồm: vốn tự có của các chủ thể sản xuất kinh doanh trong làng nghề được tích lũy lại; nguồn vốn tín dụng phi chính thức vay giữa các hộ với nhau; nguồn vốn tín dụng chính thức vay từ các ngân hàng thương mại. Hiện nay có một số làng nghề còn được nhận một khoản vốn vay ưu đãi được trích ra từ các chương trình quốc gia xóa đói giảm nghèo, vốn của các tổ chức xã hội, đoàn thể.

c) Nhân tố khoa học công nghệ:

Ngày nay khoa học công nghệ đang trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, được xác định là động lực của CNH-HĐH, khoa học công nghệ là yếu tố quyết định về chất để tăng năng suất lao động, quyết định lợi thế cạnh tranh và tốc độ phát triển kinh tế nói chung và công nghiệp nói riêng của mỗi quốc gia. Công nghệ tiên tiến phù hợp với tiềm năng nguồn lực, trình độ vận dụng, khả năng quản lý sẽ là động lực mạnh mẽ cho sự phát triển kinh tế nhanh, bền vững, nguồn khoa học công nghệ được biểu hiện trên nhiều mặt:

- + Trình độ người lao động, đội ngũ các nhà nghiên cứu;
- + Cơ sở vật chất tiến bộ phục vụ nghiên cứu, triển khai sản xuất;
- + Khả năng tiếp thu, ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ;

Có thể nói tất cả các làng nghề đều chưa đáp ứng được ba tiêu chí trên. Đặc thù nghề thủ công truyền thống đòi hỏi công nghệ tùy thuộc từng công đoạn làm sản phẩm mà áp dụng cho phù hợp để hạn chế ảnh hưởng môi trường, tăng năng suất... Công nghệ hóa sản xuất, giảm bớt tính chất lao động nặng nhọc nhưng phải đảm bảo tính độc đáo, tinh xảo của sản phẩm truyền thống.

d) Nhân tố nguồn nguyên liệu:

Cũng như bất kỳ quá trình sản xuất, khối lượng, chủng loại nguyên vật liệu và khoảng cách giữa nguồn cung cấp nguyên liệu có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng, giá thành, lợi nhuận của các doanh nghiệp. Nguồn nguyên liệu chính tại địa phương trong nước, đây chính là lợi thế của làng nghề. Thị trường nguyên liệu không chính thức, phương thức thanh toán do hai bên tự thỏa thuận, phụ thuộc thời vụ do tư thương cung cấp nên giá cả lên xuống theo mùa. Sử dụng nguyên liệu đa dạng hoặc thay thế sẽ là xu hướng cần được quan tâm để làng nghề phát triển bền vững.

e) Vị trí địa lý:

Số liệu thống kê cho thấy nhiều làng nghề phát triển đều nằm ở vị trí thuận lợi về giao thông hoặc gần nguồn nguyên liệu. Những vị trí như vậy thuận tiện trong chuyên chở nguyên vật liệu, trao đổi và buôn bán sản phẩm,... Đặc biệt là

trước kia, do điều kiện về giao thông chưa phát triển thì yếu tố “bến sông bãi chợ” luôn đóng vai trò chính trong việc vận chuyển, buôn bán của làng nghề.

f) Truyền thống làm nghề:

Mỗi làng nghề truyền thống đều có những kinh nghiệm, kỹ thuật, thói quen nghề nghiệp, bí quyết riêng trong sản xuất, kinh doanh. Những kinh nghiệm, kỹ thuật, thói quen nghề nghiệp, bí quyết này tạo nên nét độc đáo riêng của từng làng nghề và nằm trong tay các nghệ nhân, thợ giỏi, được truyền từ đời này sang đời khác để lưu giữ và phát triển nghề truyền thống tại địa phương. Những yếu tố truyền thống giúp cho làng nghề giữ được những bí mật nghề nghiệp, làm cho sản phẩm của làng nghề có tính độc đáo, mang đặc trưng riêng của từng làng nghề.

Trên đây là một số nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến sự phát triển các làng nghề, các nhân tố có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Trong đó có những nhân tố có mặt tác động tích cực và có mặt tác động tiêu cực.

1.1.2.4. Các tiêu chí đánh giá phát triển làng nghề

a) Tiêu chí đánh giá phát triển làng nghề về kinh tế

Việc phát triển làng nghề đồng nghĩa với tăng năng suất lao động, gia tăng giá trị sản lượng, thu hút lao động vào ngành nghề phi nông nghiệp, nâng cao thu nhập, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, thay đổi mô hình sản xuất tiêu dùng, thông qua:

Tăng năng suất lao động nhằm giảm chi phí, hạ giá thành, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm làng nghề. Năng suất lao động phụ thuộc vào các yếu tố sau:

Thực hiện tốt công tác dạy nghề, truyền nghề trong làng nghề đảm bảo cho người lao động theo nghề có khả năng duy trì, bảo tồn các kỹ xảo truyền thống, tích lũy được kinh nghiệm, ngày càng thành thục, khéo léo.

Có khả năng ứng dụng công nghệ tiên tiến vào một số công đoạn sản xuất nhưng vẫn đảm bảo sự tinh xảo, độc đáo của nghề truyền thống; gia tăng hàm lượng chất xám trong sản phẩm; tiết kiệm tiêu hao năng lượng, giảm bớt mức độ nặng nhọc cho người lao động; nâng cao hiệu suất sử dụng tư liệu sản xuất; giảm bớt sự phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên trong quá trình sản xuất.

Các chủ thể sản xuất kinh doanh trong làng nghề được trang bị các kiến thức về marketing, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm; tổ chức quản lý sản xuất khoa học và hiệu quả.

Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động nông thôn theo hướng CNH-HĐH. Điều này thể hiện qua: Tăng tỷ trọng công nghiệp - TTCN, dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp; chuyển lao động từ sản xuất nông nghiệp có thu

nhập thấp sang ngành nghề phi nông nghiệp có thu nhập cao hơn; tạo ra một nền kinh tế đa dạng ở nông thôn.

Gia tăng giá trị sản lượng, làm tăng giá trị sản phẩm hàng hóa, đóng góp đáng kể cho kinh tế địa phương.

Góp phần thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển; kích thích sự ra đời và phát triển các ngành nghề liên quan mật thiết với nó như dịch vụ, thương mại, vận tải, thông tin liên lạc.v.v..

Từng bước hình thành phố chợ sầm uất, các trung tâm giao lưu buôn bán, dịch vụ và trao đổi hàng hóa, dần dần tạo lập cụm dân cư với lối sống đô thị ngày một rõ nét, tiến đến đô thị hóa trở thành các thị tứ, thị trấn.

b) Tiêu chí đánh giá phát triển làng nghề về xã hội

Sự phát triển làng nghề sẽ tạo thêm việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động, góp phần xóa đói giảm nghèo, tăng quỹ phúc lợi, nâng cao trình độ dân trí, xây dựng nông thôn mới, bảo tồn văn hóa vùng miền ở làng nghề, thông qua:

Tạo thêm nhiều việc làm mới, thu hút nhiều lao động vào các ngành nghề phi nông nghiệp, nhất là lao động nông nhàn, tăng thêm thu nhập cho lao động nông thôn.

Giải quyết việc làm không chỉ trong làng nghề mà còn thu hút lao động các vùng lân cận, từ đó tạo ra động lực phát triển KT-XH địa phương.

Tận dụng và thu hút nhiều loại lao động, từ lao động thời vụ nông nhàn đến lao động trên độ tuổi hay dưới độ tuổi, hạn chế di cư từ vùng này sang vùng khác.

Các làng nghề phát triển tạo ra nguồn tích lũy lớn và ổn định cho ngân sách địa phương, từ đó đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật nông thôn (hệ thống điện, trường học, cấp thoát nước.v.v.); tăng sức mua của người dân và thu hẹp khoảng cách thành thị - nông thôn.

Nâng cao học vấn của người dân, thể hiện trình độ dân trí văn minh cao hơn; góp phần xóa đói giảm nghèo; giải quyết tốt các vấn đề xã hội như văn hóa, giáo dục, chăm sóc sức khỏe của người dân trong làng nghề, giảm tệ nạn xã hội...

Phát triển làng nghề gắn liền với bảo tồn giá trị văn hóa dân tộc vì nó là sự kết tinh của lao động vật chất và lao động tinh thần, được tạo nên bởi bàn tay tài hoa và óc sáng tạo của người thợ thủ công. Giữ gìn và phát huy được tính đa dạng và bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động lễ hội hay hương ước của làng nghề.

c) Tiêu chí đánh giá phát triển làng nghề về môi trường

Tiêu chí đánh giá phát triển làng nghề về môi trường phải đảm bảo giảm thiểu tác hại ô nhiễm môi trường do quá trình sản xuất kinh doanh gây ra; có kế

hoạch, quy hoạch khai thác, sử dụng tiết kiệm nguồn nguyên liệu; phòng ngừa, hạn chế các bệnh nghề nghiệp; thông qua:

Bảo vệ môi trường sống không bị ô nhiễm, hạn chế các bệnh nghề nghiệp.

Gắn liền tái tạo tài nguyên, có ý thức nâng cao chất lượng môi trường sinh thái làng nghề.

Khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm, có kế hoạch, quy hoạch vùng nguyên liệu cho làng nghề. Hoặc làng nghề phải nghiên cứu, hướng tới sử dụng nguyên liệu nhân tạo, đa dạng hóa, thay thế nguồn nguyên liệu.

1.2. Kinh nghiệm phát triển làng nghề ở một số tỉnh và bài học cho tỉnh Hải Dương

1.2.1. Kinh nghiệm phát triển làng nghề ở một số tỉnh

1.2.1.1. Tỉnh Thái Bình

15 năm qua (2010 - 2024), phong trào khôi phục, phát triển nghề và làng nghề ở Thái Bình liên tục phát triển. Đến nay, UBND tỉnh Thái Bình đã cấp bằng công nhận 145 làng nghề; dẫn đầu là huyện Hưng Hà với 52 làng nghề, xã nghề; huyện Kiến Xương có 40 làng; huyện Quỳnh Phụ có 35 làng; các địa phương khác có từ 15 đến 20 làng, xã nghề.

Phong trào phát triển nghề và làng nghề ở Thái Bình đã mang lại lợi ích kinh tế - xã hội khá lớn. Năm 2011, giá trị sản xuất (tính theo giá cố định 2005) của các làng nghề mới đạt 660 tỷ đồng, đến năm 2015 đạt 1.408 tỷ đồng, năm 2020 đạt 2.520 tỷ đồng; năm 2024, đạt 7.127 tỷ đồng, chiếm 20,8% tổng giá trị sản xuất của toàn ngành công nghiệp, giải quyết việc làm cho hàng vạn lao động nông thôn. Năm 2024, giải quyết việc làm cho hơn 150.000 người. Nhiều nơi, giá trị sản xuất của nghề và làng nghề chiếm từ 45 -50% trong tổng giá trị sản xuất của các ngành kinh tế, đưa tốc độ phát triển kinh tế địa phương thời gian qua tăng bình quân 13 - 14%/năm, như ở các xã: Thái Phương, Canh Tân, Tân Lễ (Hưng Hà); Hồng Thái, Lê Lợi (Kiến Xương); Vũ Hội, Nguyên Xá (Vũ Thư).

Đạt được kết quả trên là có sự quan tâm lãnh đạo chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền địa phương: Tỉnh ủy Thái Bình khóa có Nghị quyết về phát triển nghề và làng nghề. UBND tỉnh ban hành tiêu chí công nhận các địa phương đạt danh hiệu "Làng nghề, xã nghề". Ban hành cơ chế, chính sách nhằm phát triển nghề và làng nghề như: hỗ trợ công tác đào tạo, truyền nghề, dạy nghề; tôn vinh các doanh nghiệp, nghệ nhân, thợ giỏi; ưu tiên tăng nguồn vốn khuyến công, vốn đào tạo dạy nghề, truyền nghề; ưu tiên hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng nông thôn, hạ tầng cụm công nghiệp gắn với hệ thống xử lý môi trường.

1.2.1.2. Tỉnh Bắc Ninh

Làng nghề ở Bắc Ninh hình thành và phát triển từ lâu đời, hoạt động ở hầu hết các ngành kinh tế chủ yếu. GTSX của các làng nghề tăng nhanh, luôn chiếm từ 75-80% GTSX công nghiệp ngoài quốc doanh và khoảng 30% GTSX công nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh. Đến năm 2024 tỉnh đã quy hoạch và đầu tư xây dựng 21 cụm công nghiệp làng nghề. Hiện nay, toàn tỉnh có 62 làng nghề và đặc biệt là có những làng nghề phát triển rất mạnh như làng nghề sản xuất sắt thép Đa Hội và Trịnh Xá (xã Châu Khê, Từ Sơn), làng nghề sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ Đồng Kỵ (xã Đồng Quang, Từ Sơn), xã Phong Khê. Để phát triển làng nghề, Bắc Ninh đã có một số giải pháp:

Sau ngày tái lập tỉnh, Tỉnh uỷ Bắc Ninh đã ban hành nhiều nghị quyết chỉ đạo việc xây dựng, phát triển làng nghề, ngành nghề TTCN như: Nghị quyết 04-NQ/TU về phát triển làng nghề TTCN (1998); Nghị quyết số 12- NQ/TU về: “Xây dựng và phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp - TTCN”(2020), Nghị quyết 02-NQ/TU về xây dựng và phát triển KCN, cụm công nghiệp đa nghề và làng nghề (5-2001);... UBND tỉnh có Quyết định 87/2024/QĐ-UB về quy chế quản lý, sử dụng quỹ khuyến công ...

Quy hoạch tạo mặt bằng cho sản xuất, xây dựng mô hình khu công nghiệp làng nghề đạt tiêu chuẩn môi trường. Khuyến khích phát triển các cụm công nghiệp làng nghề và đa nghề nhằm quy hoạch lại các cơ sở sản xuất, nâng lên quy mô lớn. Tỉnh đã có chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp đầu tư sản xuất trong khu công nghiệp: miễn tiền thuê đất trong 10 năm liền và giảm 50% cho những năm tiếp theo hoặc được miễn và giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, được xét hỗ trợ thêm 10-30% giá trị đền bù thiệt hại về đất (nếu có).

Ưu tiên sử dụng quỹ khuyến công cho các cơ sở sản xuất trong các làng nghề, nhất là chương trình nhân cấy nghề mới. Thực hiện nhiều chương trình hỗ trợ cho các làng nghề về các lĩnh vực như vốn, thị trường, khoa học công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực...

Thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Quyết định số 193/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ để đáp ứng được nhu cầu vay vốn của các doanh nghiệp, hộ sản xuất trong các làng nghề. Quan tâm, hỗ trợ các doanh nghiệp làng nghề đổi mới thiết bị công nghệ, kết hợp cổ truyền với hiện đại.

Thành lập và tạo điều kiện cho hoạt động các hội, hiệp hội nghề nghiệp theo nhóm sản phẩm, tạo liên kết giữa các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất với nhau, giữa người sản xuất, cung ứng nguyên liệu với những người chế biến, tiêu thụ để thống nhất định hướng sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ từ trung ương và các tổ chức nước ngoài, huy động nguồn đóng góp của các tổ chức kinh tế trong nước hỗ trợ các chương trình, dự án giải quyết ô nhiễm môi trường trong các làng nghề. Ngoài chính sách của tỉnh, các huyện còn có những giải pháp riêng hỗ trợ làng nghề phát triển. Huyện Từ Sơn chủ trương phát triển kinh tế dựa trên những làng nghề sẵn, xây dựng 2 cụm công nghiệp làng nghề là cụm sắt thép Châu Khê và cụm đồ gỗ mỹ nghệ Đồng Quang, đẩy nhanh tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng 4 cụm công nghiệp làng nghề và đa nghề: sắt Đa Hội, đồ gỗ cao cấp Đồng Kỵ. Huyện Thuận Thành vừa duy trì hoạt động các ngành nghề truyền thống, vừa xây dựng một số chương trình, đề án như xây dựng cụm công nghiệp Dâu, phát triển dâu tơ tằm,...

1.2.1.3. Thành phố Hà Nội

Theo thống kê của Sở Công thương thành phố Hà Nội, từ năm 2020- 2024 số lượng làng nghề của Hà Nội đã tăng mạnh từ 1.280- 1.350 làng. Trong đó, 250 làng thuần nông được cấy nghề và hiện nay các nghề này vẫn được duy trì và phát triển.

Giá trị sản xuất của khu vực làng nghề ngày càng tăng. Năm 2024, giá trị sản xuất của khu vực làng nghề dự kiến đạt 14.000 tỷ đồng. Có những làng nghề vượt mức trăm tỷ như: Làng nghề dệt kim La Phù (Hoài Đức) đạt 810 tỷ đồng/năm; gốm Bát Tràng 360 tỷ đồng/năm; chế biến nông sản thực phẩm Minh Khai (Hoài Đức) 179 tỷ đồng/năm,.....

Sự phát triển mạnh mẽ cả về chất và lượng của khu vực làng nghề ở Hà Nội là có sự hậu thuẫn mạnh mẽ từ chính quyền thành phố. UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND, ngày 04/8/2024 quy định về chính sách khuyến khích phát triển làng nghề thành phố Hà Nội thay thế Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 02/05/2018 về chính sách khuyến khích phát triển làng nghề thành phố Hà Nội; quy định cụ thể về: Hỗ trợ đào tạo nghề, truyền nghề, tập huấn nâng cao trình độ quản trị doanh nghiệp; hỗ trợ xúc tiến thương mại; hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng làng nghề. Chính sách bao gồm:

Hỗ trợ đào tạo nghề, truyền nghề, tập huấn nâng cao trình độ quản trị doanh nghiệp.

Hỗ trợ xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu làng nghề: Đáng chú ý là hỗ trợ các làng nghề được Ủy ban nhân dân thành phố quyết định công nhận, có trong kế hoạch và dự toán thực hiện hàng năm xây dựng thương hiệu làng nghề 100% kinh phí (không quá 100 triệu đồng/01 làng nghề/01 nội dung) để thực hiện các nội dung: đào tạo, tập huấn kiến thức về xây dựng và quảng bá thương hiệu;...

Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng làng nghề: về hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi

trường; hỗ trợ xây dựng hạ tầng phục vụ du lịch làng nghề.

1.2.1.4. Tỉnh Quảng Nam

Quảng Nam hiện có 61 làng nghề, đa dạng về quy mô và loại nghề truyền thống. Những làng nghề này sau khi khôi phục hoạt động khá tốt còn trở thành những điểm đến hấp dẫn đối với du khách trong và ngoài nước.

Làng rau Trà Quế (thôn Trà Quế, xã Cẩm Hà, thành phố Hội An) là một trường hợp điển hình. Từ năm 2003, khi tour "Một ngày làm cư dân phố cổ" ra đời, nhiều du khách, đặc biệt là du khách nước ngoài, đã đến thăm Trà Quế và trực tiếp tham gia việc trồng rau với các nhà vườn. Sau nhiều năm đưa vào khai thác, đến nay đã có hàng ngàn du khách trong và ngoài nước đến thăm làng rau Trà Quế và tỏ ra rất thích thú với điểm đến du lịch này.

Tại làng gốm Thanh Hà, nằm bên bờ sông Thu Bồn, thuộc xã Cẩm Hà, cách phố cổ Hội An khoảng 2km, người dân nơi đây đã mở ra các dịch vụ như hướng dẫn du khách cách làm gốm từ khâu nhào đất sét, nắn hình thù đến cách nung sao cho có màu bóng đẹp không bị cháy, bị chai.... Du khách đến đây, ngoài việc tha hồ lựa chọn các sản phẩm lưu niệm bằng gốm độc đáo, còn được tận mắt chứng kiến những thao tác điêu luyện từ những bàn tay tài hoa của các nghệ nhân làng nghề này.

Bên cạnh đó, tỉnh đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền quảng bá về du lịch làng nghề như tổ chức thành công các Hội chợ triển lãm hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống của tỉnh mỗi năm một lần, tổ chức tham gia các hội chợ triển lãm, hội chợ du lịch trong nước và ngoài nước. Giới thiệu thông tin chi tiết về các sản phẩm làng nghề trên các tạp chí, các phương tiện thông tin đại chúng, các sách báo, ấn phẩm mà khách du lịch thường quan tâm theo dõi. Đẩy mạnh việc trưng bày, giới thiệu sản phẩm ở các thành phố, đô thị lớn là nơi tập trung nhiều du khách. Các cửa hàng trưng bày này có thể kết hợp giới thiệu về những truyền tích, giai thoại về các vị tổ sư, những người thợ cùng với kinh nghiệm kết tinh trí tuệ nét đẹp văn hóa của những làng nghề.

1.2.2. Một số bài học rút ra từ sự phát triển làng nghề của một số tỉnh

Thứ nhất, phải quán triệt sâu sắc vị trí, vai trò của phát triển làng nghề đối với quá trình phát triển kinh tế của mỗi địa phương, coi ngành nghề nông thôn và làng nghề là một nội dung phát triển kinh tế quan trọng.

Thứ hai, muốn phát triển nghề, làng nghề có hiệu quả trước hết phải có sự hỗ trợ tích cực từ phía Nhà nước bằng việc ban hành những cơ chế chính sách, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho sản xuất kinh doanh; hỗ trợ về tài chính và tiếp cận nguồn vốn, trong đó cần có cơ chế, chính sách cho các hộ tại làng nghề

vay vốn không cần thế chấp; đồng thời có chính sách đồng bộ về vùng cung cấp nguyên liệu.

Thứ ba, chú trọng công tác đào tạo nghề cho người lao động, khuyến khích tư nhân và các tổ chức xã hội mở cơ sở đào tạo nghề cho nông dân. Ưu tiên sử dụng quỹ khuyến công cho các cơ sở sản xuất trong các làng nghề, nhất là chương trình nhân cấy nghề mới. Thông qua các tổ chức chính trị - xã hội phát động các phong trào phát triển nghề. Lựa chọn phát triển những ngành nghề phù hợp với điều kiện của địa phương để phát triển.

Thứ tư, phải xây dựng quy hoạch phát triển làng nghề và tổ chức tốt công tác triển khai thực hiện quy hoạch.

Thứ năm, thành lập quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ để đáp ứng được nhu cầu vay vốn của các doanh nghiệp, các hộ sản xuất trong các làng nghề đối với thế chấp không đủ điều kiện theo yêu cầu của các ngân hàng thương mại nhà nước. Tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ từ trung ương và các tổ chức nước ngoài, huy động nguồn đóng góp của các tổ chức kinh tế trong nước hỗ trợ các chương trình, dự án phát triển làng nghề.

Thứ sáu, quan tâm, hỗ trợ các doanh nghiệp làng nghề đổi mới thiết bị công nghệ, kết hợp cổ truyền với hiện đại.

Thứ bảy, thành lập và tạo điều kiện cho hoạt động các hội, hiệp hội nghề nghiệp theo nhóm sản phẩm, tạo liên kết giữa các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất với nhau, giữa người sản xuất, cung ứng nguyên liệu với những người chế biến, tiêu thụ để thống nhất định hướng sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, tránh cạnh tranh không lành mạnh.

Thứ tám, kết hợp phát triển du lịch với làng nghề.

Thứ chín, đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng (giao thông, điện, mặt bằng sản xuất...); ưu đãi đầu tư, xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường xuất khẩu,... tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất phát triển; triển khai các giải pháp phát triển bền vững môi trường.

- Thứ mười, ngoài các chính sách của tỉnh thì các huyện, thành, thị và xã phải có những giải pháp của riêng mình hỗ trợ làng nghề phát triển.

Tiểu kết chương 1

Chương 1 đã trình bày cơ sở lý luận về làng nghề và phát triển làng nghề trên địa bàn cấp tỉnh. Kinh nghiệm phát triển làng nghề ở một số tỉnh và bài học rút ra cho tỉnh Hải Dương. Việc nghiên cứu những vấn đề ở Chương 1 là hết sức quan trọng, đặt nền tảng vững chắc để nghiên cứu Chương 2 và Chương 3 của đề án này.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG, GIAI ĐOẠN 2021-2024

2.1. Khái quát đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội tỉnh Hải Dương có ảnh hưởng tới phát triển làng nghề

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội

Về điều kiện tự nhiên

Hải Dương nằm trong tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; gần thủ đô Hà Nội - trung tâm kinh tế của cả nước, nên có điều kiện phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề.

Diện tích tự nhiên của tỉnh Hải Dương là 1.656,0 Km². Hải Dương được chia làm 2 vùng: vùng đồi núi và vùng đồng bằng. Vùng đồi núi nằm ở phía bắc tỉnh, chiếm 11% diện tích tự nhiên, phù hợp với việc trồng cây ăn quả, cây lấy gỗ và cây công nghiệp ngắn ngày. Vùng đồng bằng còn lại chiếm 89% diện tích tự nhiên do phù sa sông Thái Bình bồi đắp, đất màu mỡ, thích hợp với nhiều loại cây trồng, sản xuất được nhiều vụ trong năm.

Về đặc điểm kinh tế:

Tình hình kinh tế của tỉnh giai đoạn 2021 – 2024, ước tính năm 2025: Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh năm 2021 tăng 9,3%, năm 2022 tăng 5,3%, năm 2023 tăng 7,3%; năm 2024 tăng 7,7%, ước tính năm 2025 tăng 7,5%, bình quân 5 năm (2021- 2025) tăng 7,4% (giai đoạn 2006 - 2010 tăng bình quân 9,8%).

Kết cấu hạ tầng nông thôn trong những năm qua có nhiều cải thiện. Thông qua thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, nhiều vùng nông thôn được đổi mới mạnh mẽ. Dự kiến đến hết năm 2025, có 100% số xã đạt tiêu chí nông thôn mới về: cơ sở vật chất trường học, cơ sở vật chất văn hóa,...

Về đặc điểm xã hội:

Dân số trung bình của Hải Dương năm 2024 là 1.763 ngàn người, chủ yếu là dân tộc kinh. Mật độ dân số Hải Dương cao so với các tỉnh trong cả nước (1.065 người/km²), gần 80% dân số Hải Dương sống ở khu vực nông thôn, là tỉnh có tỷ lệ dân số nông thôn cao trong cả nước, với diện tích đất canh tác bình quân đầu người thấp.

Trên địa bàn tỉnh hiện có các trường đại học: Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương, Đại học Hải Dương, Đại học Sao Đỏ và các trường cao đẳng: Cao đẳng Dược, Cao đẳng nghề, Cao đẳng Khách sạn - Du lịch cùng với nhiều trung tâm dạy nghề ở các huyện, hàng năm đào tạo khoảng 11.000 - 12.000 lao động kỹ thuật.

** Tiềm năng du lịch:*

Tổng lượt khách du lịch năm 2025 ước đạt 3,125 triệu lượt khách, giai đoạn 2021-2025 số lượng khách du lịch ước tính tăng bình quân 7,2%/năm; trong đó khách quốc tế tăng 5,3%/năm. Đáng chú ý là tỉnh có một số điểm du lịch có thể khai thác giới thiệu sản phẩm làng nghề như: Côn Sơn- Kiếp Bạc; Đảo Cò, Gốm Chu Đậu,...

2.1.2. Những đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của Hải Dương ảnh hưởng đến phát triển làng nghề:

Thuận lợi:

Hải Dương có hệ thống giao thông đa dạng và kết cấu hạ tầng đã có nhiều tiến bộ,... tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu, vận chuyển hàng hoá trong và ngoài nước.

Đất đai, khí hậu của Hải Dương phù hợp cho việc phát triển các cây nguyên liệu cho phát triển tiểu thủ công nghiệp, làng nghề. Tài nguyên khoáng sản thiên nhiên của Hải Dương phong phú, đa dạng, trong đó có nhiều loại phù hợp với phát triển nghề với trữ lượng lớn (như vật liệu xây dựng) là nguồn nguyên liệu dồi dào cho phát triển nghề.

Kinh tế Hải Dương trong những năm qua đã đạt được nhiều kết quả tiến bộ. Nhiều khu, cụm công nghiệp được thành lập và đi vào hoạt động có hiệu quả; đặc biệt là chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới được triển khai tích cực,... là tiền đề để phát triển các ngành, nghề dịch vụ khác.

Lực lượng lao động ở khu vực nông thôn của Hải Dương khá dồi dào. Sau nhiều năm thực hiện chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước, trong sự giao lưu kinh tế - xã hội mở rộng, người Hải Dương đã tiếp thu được nhiều tư duy kinh tế mới, khắc phục được những yếu điểm của tư duy kinh tế truyền thống, một số người đã mạnh dạn đầu tư phát triển sản xuất.

Có tiềm năng phát triển du lịch, có thể kết hợp phát triển du lịch làng nghề và phát triển các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, gốm sứ.

Có các trường đại học, cao đẳng, trường dạy nghề, tạo điều kiện đào tạo, cung cấp lao động quản lý và lao động kỹ thuật.

Khó khăn:

Những năm qua, cùng với quá trình đô thị hóa và sự phát triển mạnh của công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh; nên dịch vụ xây dựng và các hoạt động gia công, lắp ráp, hàng may mặc, giày da, linh kiện điện tử.v.v. đã thu hút lực lượng lao động rất lớn. Việc duy trì, mở rộng làng nghề gặp trở ngại nhất định.

Hạ tầng kỹ thuật tối thiểu tại các điểm TTCN, khu vực sản xuất tập trung

trên địa bàn tỉnh hầu hết chưa được xây dựng; phần lớn các làng nghề tổ chức sản xuất tự phát.v.v. là nguyên nhân chủ yếu gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường hiện nay. Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng nông thôn còn thấp kém; đường giao thông nhỏ hẹp; hệ thống cấp thoát nước, dịch vụ văn hoá - xã hội còn khó khăn, làm hạn chế lớn đến phát triển làng nghề.

Người dân có điều kiện để phát triển các nghề như trồng trọt, chăn nuôi, áp lực tìm kiếm các nghề khác để làm kế sinh nhai không lớn. Trong khi đó thu nhập bước đầu của ngành nghề nông thôn thường là thấp, chưa thực sự cạnh tranh nên chưa hấp dẫn người dân tìm kiếm, mở mang các ngành nghề khác.

Các chương trình dạy nghề chưa đổi mới, chưa phù hợp với điều kiện phát triển nghề, chưa gắn kết với sản xuất.

2.2. Thực trạng phát triển làng nghề ở tỉnh Hải Dương

2.2.1. Về thực hiện các nội dung phát triển làng nghề

2.2.1.1. Lập kế hoạch, quy hoạch phát triển làng nghề ở tỉnh Hải Dương

Trong thời gian qua công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển làng nghề TTCN đã được UBND tỉnh quan tâm thực hiện, cụ thể như:

Chỉ đạo định hướng quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội cho từng địa phương gắn với quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Quy hoạch dân cư, khu vực sản xuất làng nghề gắn với đảm bảo môi trường.

Xác định phương hướng phát triển cho các ngành nghề, sản phẩm TTCN truyền thống của từng huyện, thị xã, thành phố và từng xã, phường, thị trấn. Hoàn thiện, bổ sung chính sách khôi phục, đổi mới, phát triển nghề TTCN truyền thống và mở ra nghề mới. Có kế hoạch đào tạo nghề TTCN cho người lao động.

Quy hoạch các cụm công nghiệp vừa và nhỏ ở các địa bàn, có kết cấu hạ tầng đồng bộ. Sắp xếp hợp lý ngành nghề theo hướng mở rộng quy mô hoặc đầu tư theo chiều sâu.

Định hướng phát triển nghề có triển vọng, chuyển hướng sang sản xuất sản phẩm mới ở những nơi nghề cũ đã lỗi thời. Hỗ trợ các làng nghề TTCN đổi mới máy móc, kỹ thuật, công nghệ,... Công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển làng nghề TTCN của tỉnh và của các địa phương trong tỉnh còn nhiều bất cập. Phần lớn các làng nghề đều tập trung tại vùng nông thôn; nhiều làng nghề phát triển còn mang tính tự phát, nơi có hệ thống kết cấu hạ tầng còn hạn chế cả số lượng và chất lượng.

2.2.1.2. Tổ chức thực hiện phát triển làng nghề

a) Tổ chức bộ máy điều hành, quản lý phát triển làng nghề:

UBND tỉnh Hải Dương:

Cơ quan chủ trì tham mưu: Sở Công Thương;

Cơ quan phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Lao động- Thương binh và Xã hội; Liên minh các HTX tỉnh; các đoàn thể chính trị-xã hội tỉnh: Hội LHPN, Hội Nông dân, Tỉnh đoàn. Trong đó:

+ Trung tâm Dịch vụ việc làm 8/3 tỉnh Hải Dương thuộc Hội LHPN tỉnh đã tổ chức tư vấn, hỗ trợ cho một số làng nghề về đào tạo nghề cho Phụ nữ nông thôn;

+ Trung tâm Dạy nghề và hỗ trợ nông dân thuộc Hội Nông dân tỉnh đã tổ chức tư vấn, hỗ trợ cho một số làng nghề về đào tạo nghề cho Hội viên Hội nông dân.

+ Trung tâm Dịch vụ và giới thiệu việc làm thuộc Sở Lao động- Thương binh và Xã hội tích cực tham gia hỗ trợ đào tạo nghề cho con em khu vực nông thôn.

UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh:

Cơ quan chủ trì tham mưu: Phòng Kinh tế hạ tầng,

Cơ quan phối hợp: Phòng Tài chính- Kế hoạch, Phòng Nông nghiệp và PTNT, các đoàn thể chính trị- xã hội: Hội LHPN, Hội Nông dân, Huyện đoàn,...

UBND các xã, phường, thị trấn:

Bố trí cán bộ phụ trách mảng công tác Tiểu thủ công nghiệp- Giao thông xây dựng.

Các đoàn thể chính trị: Hội LHPN, Hội Nông dân,

Ban Chi uỷ chi bộ đảng, trường thôn: Là lực lượng nòng cốt tuyên truyền, phát triển làn nghề ở thôn, làng.

b) Xây dựng và thực thi các chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề:

Trong những năm gần đây, chính phủ và tỉnh đã ban hành nhiều cơ chế chính sách tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế làng nghề và hộ sản xuất tiếp cận thị trường. Các chính sách như:

** Về chính sách hỗ trợ vốn:*

Vốn là một trong những yếu tố quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh của các làng nghề. Theo kết quả khảo sát để có vốn đầu tư, các làng nghề Hải Dương đã huy động chủ yếu từ 3 nguồn chính :

Một là, nguồn vốn tự có, đây là nguồn vốn chủ yếu cho sản xuất kinh doanh ở các làng nghề, chiếm khoảng 70 – 80% tổng số vốn đầu tư.

Hai là, nguồn vốn hỗ trợ từ các chương trình của Nhà nước như: hỗ trợ kinh phí cho đầu tư xây dựng cơ bản, hỗ trợ khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề (*tổ chức các lớp truyền nghề, nhân cấy nghề, đào tạo nghề cho người lao động*), hỗ trợ từ chương trình khuyến công của Trung ương và của tỉnh,...

Ba là, nguồn vốn vay. Vốn vay đang trở thành một nguồn vốn quan

trọng đối với sự phát triển của các làng nghề; vốn vay đáp ứng được nhu cầu vốn lưu động cho các hộ và cơ sở, phục vụ cho việc mua nguyên vật liệu, trả lương cho công nhân và tổ chức tiêu thụ sản phẩm. Tuy nhiên, hầu hết các hộ gia đình, các cơ sở sản xuất, các DNTN ở làng nghề đều thiếu vốn, vay vốn các ngân hàng thương mại rất khó khăn vì thiếu tài sản bảo đảm hoặc do giá trị tài sản bảo đảm thấp. Do đó, đã ảnh hưởng rất lớn đến việc đổi mới kỹ thuật và công nghệ; chất lượng sản phẩm không được nâng cao, mẫu mã đơn điệu, dẫn đến không chiếm lĩnh được thị trường; hiệu quả trong kinh doanh không cao.

Tỉnh đã chỉ đạo tuyên truyền, triển khai cơ chế hỗ trợ tiếp cận nguồn vốn theo quy định tại Nghị định số 41/2010/NĐ/CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ cho các cơ sở sản xuất TTCN, hộ gia đình trong các làng nghề. Các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng thông báo công khai mức cho vay không có bảo đảm bằng tài sản, điều kiện, thủ tục cho vay cụ thể trên cơ sở tuân thủ các quy định hiện hành về cho vay của tổ chức tín dụng; nhằm tạo điều kiện cho các cơ sở TTCN và làng nghề được tiếp cận các nguồn vốn, nhất là vốn vay trung hạn, dài hạn đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh.

Bảng 2.1: Quy mô đầu tư vốn tại làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương

ĐVT: triệu đồng

STT	Nhóm làng nghề	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Làng nghề mộc	250	330	380	425
2	Làng nghề kim hoàn	315	358	415	466
3	Làng nghề thêu ren	120	135	176	198
4	Làng nghề SX hương	80	95	107	116
5	Làng nghề giấy da	262	298	354	392
6	Làng nghề mây tre đan	45	68	88	97
7	Làng nghề lược bí	82	98	115	129
8	Làng nghề chiếu cói	95	136	175	212
	Tổng	1.249	1.518	1.810	2.035

(Nguồn: Số liệu tổng hợp của Sở Công Thương năm 2024)

Qua Bảng 2.1 ta thấy nguồn vốn đầu tư tại các làng nghề trên địa bàn tỉnh

Hải Dương đã có sự chuyển biến theo hướng tích cực qua các năm. Cụ thể năm 2021 tổng số nguồn vốn đầu tư là 1.249 triệu đồng, năm 2022 tổng số nguồn vốn đầu tư là 1.518 triệu đồng tăng lên 269 triệu đồng so với năm 2021 tương ứng 22%, năm 2023 tổng nguồn vốn đầu tư vào làng nghề là 1.810 triệu đồng tăng thêm 292 triệu đồng tương đương tỷ lệ tăng là 19%, sang tới năm 2024 tổng nguồn vốn đầu tư đạt con số là 2.035 triệu đồng tăng 225 triệu đồng tương ứng 12%. Nguồn vốn đầu tư chủ yếu tập trung vào ngành có giá trị sản xuất cao như nghề mộc, nghề kim hoàn,... và đầu ít ở các nhóm nghề như mây tre đan, sản xuất hương,... Thiếu vốn sẽ dẫn đến khó khăn trong sản xuất và nguy cơ mai một nghề rất cao chính vì thế các cấp quản lý cần ban hành nhiều chính sách vay vốn có cơ chế ưu đãi để không bị mất cân bằng về vốn giữa các nhóm làng nghề.

** Về chuyển giao công nghệ:*

Tỉnh Hải Dương quan tâm khuyến khích phát triển khoa học và đổi mới công nghệ sản xuất. Nâng cao năng lực công nghệ của các cơ sở TTCN và làng nghề thông qua chương trình hỗ trợ chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Hỗ trợ các cơ sở TTCN và làng nghề mức kinh phí tương đương 50% giá trị máy móc thiết bị hiện đại hoặc chi phí chuyển giao công nghệ tiên tiến (tối đa không quá 100 triệu đồng/cơ sở) thông qua các đề án khuyến công trung ương và địa phương. Thực tế hiện nay, trình độ công nghệ của mỗi nhóm làng nghề khác nhau có những tính chất và mức độ khác nhau. Do đó, không thể đánh giá trình độ công nghệ chung cho làng nghề. Cụ thể : như nghề thủ công : mây tre giang đan, thêu ren, chạm khắc gỗ,.. thì công việc thủ công là chính. Việc đổi mới công nghệ ở làng nghề cũng đòi hỏi khác với đổi mới công nghệ ở các doanh nghiệp công nghiệp vì nó phải có sự kết hợp công nghệ hiện đại và thủ công truyền thống. Trong thực tế nhiều sản phẩm gia công bằng bàn tay con người có giá trị kinh tế, văn hoá và xã hội rất cao. Ở đây có giá trị tinh hoa của bàn tay người nghệ nhân, thợ giỏi.

Bảng 2.2: Mức độ sử dụng công nghệ tại các làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương

DVT: %

Trình độ	Hộ gia đình	Doanh nghiệp
Thủ công	75	15
Nửa cơ khí	15	45
Cơ khí	10	35
Thiết bị hiện đại	0	5

(Nguồn: Khảo sát của tác giả)

Qua Bảng 2.2 ta có thể thấy mức độ sử dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất tại các làng nghề còn chưa phổ biến. Tại các hộ gia đình sản xuất thì các thiết bị thủ công vẫn chiếm chủ yếu là 75%, tại các doanh nghiệp sản xuất thì tỷ lệ này chỉ là 15%. Các thiết bị nửa cơ khí tại các hộ gia đình mới chỉ chiếm 15%, còn tại các doanh nghiệp sản xuất chiếm 45%. Các doanh nghiệp sản xuất tại làng nghề đã đầu tư ứng dụng các thiết bị cơ khí chiếm 35% tổng các thiết bị công nghệ còn hộ gia đình mới chỉ là 10%. Thiết bị hiện đại mới đang được sử dụng ở các doanh nghiệp thôi và cũng chỉ chiếm 5% trên tổng số các thiết bị hiện có tại các doanh nghiệp này.

Tuy nhiên, xét về tổng thể ; trình độ công nghệ tại các làng nghề trên địa bàn tỉnh có những bước phát triển nhất định. Các làng nghề chế biến nông sản, thực phẩm công nghệ đã được đổi mới rất nhiều. Các nghề như chế biến gỗ, nghề kim hoàn,... công nghệ cũng đã có nhiều thay đổi, việc đầu tư máy móc, thiết bị cơ khí, điện tử đã nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đáp ứng được ngày càng cao nhu cầu của thị trường.

Về khuyến công, khuyến nông:

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 41/2010/NĐ-CP về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông thôn và Nghị định 210/2023/NĐ-CP về chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Với lợi thế là một tỉnh có nhiều làng nghề truyền thống, cùng với lực lượng lao động dồi dào, những năm qua Hải Dương đã triển khai nhiều chương trình hoạt động khuyến công, hỗ trợ làng nghề sản xuất.

Bảng 2.3: Tổng hợp các chương trình, đề án, dự án ưu tiên đầu tư

Số TT	Tên Chương trình, đề án	Kinh phí thực hiện năm 2021-2024 (ĐVT: Tỷ VNĐ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Ngân sách TW	Ngân sách ĐP	Doanh nghiệp
1	Chương trình Xúc tiến thương mại tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2024	11,4	-	5,5	5,9
2	Chương trình đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề	9,0	2,5	2,5	4,0
3	Chương trình hỗ trợ chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật	12,5	3,0	1,0	8,5
4	Các dự án hỗ trợ đầu tư hệ thống tiêu thoát nước và xử lý nước thải tại các làng nghề	10,0	-	5,0	5,0
5	Đề án “ Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp giai đoạn 2021-2024”	4,0	-	4,0	-
	Tổng cộng	46,9	5,5	18,0	23,4

(Nguồn: Số liệu tổng hợp của Sở Công Thương năm 2024)

Về đào tạo lao động:

Thực tế Việt Nam nói chung và ở Hải Dương nói riêng đều không có trường lớp nào đào tạo nghề cho lao động ở các làng nghề, nhất là các nghề thủ công truyền thống. Lao động chủ yếu được đào tạo thông qua truyền nghề, cầm tay chỉ việc. Vì vậy vai trò của nghệ nhân và thợ giỏi là rất quan trọng trong việc giữ nghề, đào tạo nghề cho thế hệ sau. Lực lượng nghệ nhân, thợ giỏi của các làng nghề trên địa bàn tỉnh khá đông đảo và giữ vai trò quan trọng trong duy trì và phát triển nghề. Tuy nhiên, cơ chế, chính sách nhằm tôn vinh, đãi ngộ đối với nghệ nhân và thợ giỏi còn hạn chế. Trước năm 2024, hoạt động của các nghệ nhân tại các làng nghề chưa dành được sự quan tâm thỏa đáng. Ngày 29/6/2022, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND về Quy chế phong tặng danh hiệu Nghệ nhân

ngành TTCN tỉnh Hải Dương. Trong các tháng cuối năm 2024, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh đã tiếp nhận hồ sơ, thẩm định và trình UBND tỉnh quyết định tặng danh hiệu Nghệ nhân ngành TTCN tỉnh Hải Dương cho 12 cá nhân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn để có cơ chế đãi ngộ, tôn vinh thỏa đáng đối với các nghệ nhân của tỉnh. Đồng thời tỉnh từng bước quan tâm đầu tư cho đào tạo nguồn nhân lực làng nghề.

Bảng 2.4: Đầu tư cho đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Hải Dương

ĐVT: tỷ đồng

STT	Hình thức đào tạo	Nguồn kinh phí hỗ trợ			
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Truyền nghề tại cơ sở sản xuất	0,14	0,21	0,18	0,16
2	Lớp tập huấn ngắn ngày	0,56	0,66	0,55	0,42
3	Hội thảo có quy mô	0,38	0,29	0,35	0,54
4	Trường dạy nghề	0,42	0,64	0,52	0,98
	Tổng	1,5	1,8	1,6	2,1

(Nguồn: Số liệu tổng hợp của Sở Công Thương năm 2024)

Qua Bảng 2.4 ta thấy nguồn kinh phí đầu tư vào đào tạo nguồn nhân lực tương đối cao và tăng dần qua các năm. Cụ thể, năm 2021 nguồn kinh phí hỗ trợ là 1,5 tỷ đồng, sang năm 2022 nguồn kinh phí này tăng lên đạt 1,8 tỷ đồng, nguồn kinh phí đầu tư cho đào tạo nguồn nhân lực năm 2023 giảm xuống còn 1,6 tỷ đồng, bước sang năm 2024 nguồn kinh phí này đã tăng trở lại đạt 2,1 tỷ đồng. Tỉnh Hải Dương cũng đã chú trọng trong đầu tư theo nhiều hình thức đào tạo để hiệu quả đầu tư cao hơn, tránh lãng phí nguồn kinh phí như mở các trường dạy nghề, tổ chức các lớp tập huấn ngắn ngày, tổ chức các hội thảo cũng như là hỗ trợ kinh phí cho truyền nghề tại cơ sở.

** Về sở hữu trí tuệ:*

Tỉnh Hải Dương đã hỗ trợ 510 triệu đồng đăng ký bảo hộ 112 nhãn hiệu và 14 kiểu dáng công nghiệp cho các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn. Tạo cơ chế thoáng nhất có thể, hướng dẫn doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn để mở rộng sản xuất- kinh doanh; phối hợp với các ngân hàng thương mại trên địa bàn triển khai nhiều gói tín dụng hỗ trợ phát triển TTCN, sản xuất tại các làng nghề.. Khai

thác và huy động tối đa mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế trong tỉnh, thu hút các nguồn vốn từ tỉnh ngoài, từ nước ngoài để phát triển TTCN và làng nghề trên cơ sở công khai định hướng qui hoạch, tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh.. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới công tác quản lý Nhà nước đối với sản xuất công nghiệp, TTCN và làng nghề trên địa bàn tỉnh. Đơn giản hoá các thủ tục hành chính trong chấp thuận dự án đầu tư theo cơ chế "một cửa", "một cửa liên thông". Giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc để các dự án đã được chấp thuận đầu tư nhanh chóng triển khai xây dựng và sản xuất kinh doanh; đồng thời tăng cường quản lý các loại hình doanh nghiệp sau Đăng ký kinh doanh và sau khi cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Tiếp tục triển khai hỗ trợ các cơ sở TTCN và làng nghề đăng ký, xác lập quyền sở hữu công nghiệp (nhãn hiệu hàng hoá, kiểu dáng công nghiệp, chỉ dẫn địa lý) đối với các sản phẩm và dịch vụ theo Đề án “Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp giai đoạn 2021-2025” của tỉnh Hải Dương.

Về quảng bá, giới thiệu sản phẩm:

Tỉnh đã đẩy mạnh được công tác xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường cho các sản phẩm TTCN và làng nghề. Gắn kết các cơ sở TTCN và làng nghề với các tổ chức thương mại để tạo lập hệ thống lưu thông hàng hoá rộng khắp, hiệu quả. Tích cực phổ biến, tuyên truyền triển khai thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; thúc đẩy mở rộng thị trường, nhất là thị trường nội địa cho các sản phẩm TTCN và làng nghề trong tỉnh. Đẩy mạnh phát triển các Du lịch tại gắn với làng nghề trong tỉnh như: làng chế tác vàng bạc Châu Khê, Lương Ngọc; làng chạm khắc gỗ Đông Giao; làng thêu ren Xuân Nẻo; làng giấy da Hoàng Diệu... Khuyến khích sản xuất và cung ứng các sản phẩm làng nghề truyền thống phục vụ các lễ hội, các điểm tham quan du lịch tại các khu di tích lịch sử, văn hoá để tiêu thụ và quảng bá thương hiệu sản phẩm, xuất khẩu tại chỗ. Triển khai cơ chế hỗ trợ phát triển thị trường cho các cơ sở TTCN và làng nghề. Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí quảng cáo cho doanh nghiệp và sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh (tối đa không quá 30 triệu đồng/cơ sở/năm); hỗ trợ 50% kinh phí thuê gian hàng tham gia hội chợ triển lãm trong nước (tối đa không quá 25 triệu đồng/cơ sở/năm). Thông qua Chương trình xúc tiến thương mại trọng điểm của tỉnh; hàng năm, mỗi khi tổ chức Hội chợ thương mại thường niên sẽ tổ chức 01 gian hàng (khoảng 30-50 m²) để trưng bày các sản phẩm làng nghề trong tỉnh (bố trí kinh phí hỗ trợ bao gồm cả kinh phí thuê gian hàng và tổ chức, quản lý gian hàng).

Về kết cấu hạ tầng:

Việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn nói chung, hạ tầng tại các làng nghề nói riêng trong những năm qua đã được quan tâm nhất định. Trong giai đoạn 2015-2020, thực hiện đề án xây dựng, phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh, nguồn vốn đầu tư và hỗ trợ đầu tư của nhà nước đạt trên 520,9 tỷ đồng; trong đó ngân sách trung ương hỗ trợ qua Chương trình dự án GTNT2, GTNT3 gần 55 tỷ đồng. Ngoài ra, triển khai thực hiện các chương trình, dự án bảo vệ môi trường nông thôn, tỉnh Hải Dương đã hỗ trợ các xã, thôn mua xe chở rác và dụng cụ thu gom rác; hỗ trợ đầu tư các dự án cải tạo kênh mương và xử lý nước thải; tuy nhiên mức độ đầu tư thực tế ít nhiều còn hạn chế. Tính đến hết năm 2024, mới có 23 xã có làng nghề đã xây dựng được bãi chôn lấp rác hợp vệ sinh, ngân sách địa phương hỗ trợ 500 triệu đồng/xã; 04 làng nghề giấy da tại Hoàng Diệu đã tranh thủ sự hỗ trợ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Mô hình xử lý chất thải tại làng nghề giấy da xã Hoàng Diệu; tổng kinh phí trên 6,74 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn trung ương 4,56 tỷ và vốn đối ứng địa phương trên 2,18 tỷ. Việc triển khai các dự án cải tạo kênh mương và xử lý nước thải chưa được nhiều.

Chính sách thị trường đầu ra:

Nhìn chung, thị trường tiêu thụ sản phẩm hiện nay của các làng nghề Hải Dương chủ yếu vẫn là tại chỗ, nhỏ lẻ và phân tán. Kết quả khảo sát tại 61 làng nghề trong tỉnh cho thấy, thị trường tiêu thụ chính của sản phẩm làng nghề hiện nay là thị trường nội địa, chiếm tỷ trọng khoảng 90%; phần còn lại (khoảng 10%) được xuất khẩu ra nước ngoài thông qua các doanh nghiệp ở Hà Nội hoặc thành phố Hồ Chí Minh. Khả năng cạnh tranh của các sản phẩm làng nghề Hải Dương còn yếu, do chất lượng thấp, quy mô sản xuất nhỏ, phân tán và phụ thuộc nhiều vào trung gian. Kết quả khảo sát cho thấy khoảng 85% sản phẩm làng nghề tiêu thụ qua kênh công ty tư nhân, thương lái,... Các hộ kinh doanh còn gặp khó khăn do cơ sở hạ tầng làng nghề kém; khó tiếp cận thông tin thị trường, ứng dụng công nghệ mới, mở rộng quy mô sản xuất, ô nhiễm môi trường ngày càng trầm trọng. Hiện nay, sản phẩm làng nghề trong tỉnh chủ yếu đáp ứng nhu cầu trong nước. Một số ít sản phẩm làng nghề bắt đầu tham gia xuất khẩu như: gỗ mỹ nghệ, gốm sứ, thêu ren...

2.2.1.3. Đánh giá của các cán bộ quản lý phát triển làng nghề về nội dung phát triển làng nghề tại tỉnh Hải Dương

Để đánh giá về công tác phát triển làng nghề ở tỉnh Hải Dương, tác giả đã tiến hành khảo sát đối với 53 cán bộ tại các phòng ban cơ quan liên quan đến hoạt động quản lý phát triển làng nghề của tỉnh, để có thể thấy rõ hơn hiện

trạng của những công tác này trong thời gian qua.

Bảng 2.5: Đánh giá của cán bộ về công tác phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Nhóm	Câu hỏi	1	2	3	4	5	Điểm TB
Lập kế hoạch, quy hoạch phát triển	Công tác lập kế hoạch phát triển làng nghề được triển khai có sự bài bản	5	16	23	3	6	2.8
	Các kế hoạch phát triển được xây dựng với căn cứ khoa học và thực tiễn đầy đủ	7	18	24	2	2	2.5
	Quy hoạch phát triển làng nghề thể hiện sự cân đối giữa phát triển và môi trường	6	17	23	4	3	2.6
	Quy hoạch phát triển làng nghề thể hiện sự cân đối giữa yếu tố truyền thống và hiện đại	5	16	25	4	3	2.7
Tổ chức bộ máy điều hành quản lý phát triển	UBND Tỉnh Hải Dương có quy định cụ thể, rõ ràng về đơn vị, phòng ban thực hiện nhiệm vụ quản lý về phát triển làng nghề	6	18	23	3	3	2.6
	Trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị, phòng ban trong quản lý phát triển làng nghề là không chồng chéo	5	15	21	5	7	2.9
Tổ chức bộ máy điều hành quản lý phát triển	Cơ cấu tổ chức nhân sự của các phòng ban quản lý phát triển làng nghề là hợp lý	6	16	23	3	5	2.7
	Chất lượng cán bộ các phòng ban quản lý phát triển làng nghề là tốt	5	19	21	4	4	2.7
	Các quy trình quản lý là đơn giản, dễ thực hiện	6	18	22	3	4	2.5
Công tác xây dựng và thực hiện chính sách hỗ	Chính sách nhà nước về hỗ trợ phát triển làng nghề là rất thiết thực, phù hợp với yêu cầu của các làng nghề	7	19	21	6	0	2.5
	Chính sách mới ban hành có sự đồng bộ, nhất quán cao với các chính sách đã thực hiện	3	15	22	7	6	3.0
	Các chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề được giới thiệu và hướng dẫn chi tiết, cụ thể cho người lao động trong các làng nghề	6	19	23	4	1	2.5
	Các chính sách hỗ trợ khi được thực hiện đều cho thấy hiệu quả hỗ trợ rõ ràng đối với sự phát triển của các làng nghề	4	16	21	5	7	2.9
	Những chính sách không còn phù hợp với						

trợ phát triển	thực tế việc hỗ trợ phát triển làng nghề đều được thay thế, bổ sung một cách nhanh chóng, kịp thời	5	18	23	5	2	2.6
----------------	--	---	----	----	---	---	-----

(Nguồn: Kết quả điều tra, khảo sát của tác giả)

Nhìn chung nội dung phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương đang được các cán bộ đánh giá ở mức khá, điểm trung bình đạt được là từ 2.5 điểm đến 3.0 điểm.

Công tác lập kế hoạch, quy hoạch phát triển được đánh giá ở mức điểm số cao nhất là 2.8 về triển khai có sự bài bản, chuyên nghiệp trong công tác lập kế hoạch phát triển làng nghề, và điểm trung bình thấp nhất ở nội dung các kế hoạch phát triển được xây dựng với căn cứ khoa học và thực tiễn đầy đủ.

Về tổ chức bộ máy điều hành quản lý phát triển: điểm số trung bình dao động từ mức 2.6 điểm đến 2.9 điểm. Trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị, phòng ban trong quản lý phát triển làng nghề được đánh giá là không chồng chéo với mức điểm trung bình là 2.9 điểm. Cơ cấu tổ chức nhân sự của các phòng ban quản lý phát triển làng nghề được đánh giá là chưa hợp lý ở mức điểm 2.7 và chất lượng cán bộ các phòng ban quản lý phát triển làng nghề được cũng đánh giá ở mức điểm này. Riêng về các quy trình quản lý được đánh giá ở mức điểm là 2.5 đang thể hiện sự hạn chế trong quy trình này.

Công tác xây dựng và thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề được đánh giá khá cao với điểm số trung bình là 3.0 điểm về sự đồng bộ, nhất quán cao của các chính sách mới ban hành với các chính sách đã thực hiện. Các chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề chưa được giới thiệu và hướng dẫn chi tiết, cụ thể cho người lao động trong các làng nghề và đang được đánh giá là chưa tốt với điểm số trung bình chỉ đạt 2.5 điểm. Cũng đạt mức điểm số trung bình 2.5 điểm là về chính sách nhà nước về hỗ trợ phát triển làng nghề, những chính sách này là chưa thiết thực, chưa phù hợp với yêu cầu của các làng nghề.

Qua khảo sát trên, ta đã nhận thấy được những yếu kém và bất cập trong nội dung phát triển kinh tế làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương, thiết nghĩ tỉnh Hải Dương cần có những giải pháp thiết thực hơn để cải thiện những yếu kém còn tồn tại này.

2.2.2. Kết quả phát triển làng nghề

2.2.2.1. Phát triển về số lượng làng nghề

Tính đến cuối năm 2024, toàn tỉnh có 65 làng nghề được UBND tỉnh quyết định công nhận danh hiệu làng nghề (*danh sách 65 làng nghề tại biểu phụ lục*). Trong đó năm 2021, UBND tỉnh cấp bằng công nhận làng nghề cho 05 làng; năm

2023 công nhận 04 làng nghề và năm 2024 hoàn thiện thủ tục xét công nhận 02 làng nghề mới. Các làng nghề mới được công nhận chủ yếu là làng nghề mới du nhập và phát triển.

2.2.2.2. Phát triển về kinh tế làng nghề

Giá trị sản xuất của làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Bảng 2.6: Giá trị sản xuất của các làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Số TT	Nhóm làng nghề	Giá trị sản xuất (tỷ đồng)				Tăng/ giảm					
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	2022/2021		2023/2022		2024/2023	
						ST	Tỷ lệ (%)	ST	Tỷ lệ (%)	ST	Tỷ lệ (%)
1	Làng nghề mộc (5 làng)	59,0	71,8	86,5	97,5	12,8	22	14,7	20	11,0	13
2	Làng nghề kim hoàn (8 làng)	62,1	76,7	94,6	113,4	14,6	24	17,8	23	18,8	20
3	Làng nghề thêu ren (05 làng)	31,3	34,3	41,9	51,1	3,0	10	7,5	22	9,2	22
4	Làng nghề SX hương (04 làng)	24,1	25,1	26,7	28,1	1,0	4	1,7	7	1,4	5
5	Làng nghề giấy da (5 làng)	55,2	61,9	68,3	72,5	6,7	12	6,4	10	4,2	6
6	Làng nghề mây tre đan (5 làng)	28,5	28,6	28,7	29,7	0,1	0,4	0,1	0,3	1,0	4
7	Làng nghề lược bí (5 làng)	10,3	11,1	11,4	12,3	0,8	8	0,3	3	0,9	8
8	Làng nghề chiếu cói (5 làng)	22,1	23,2	24,9	25,2	1,1	5	1,7	7	0,3	2
	Tổng số	292,5	333,7	383,0	430,8	41,2	14	49,3	15	47,8	12

(Nguồn: Khảo sát TT khuyến công và tư vấn PTCN Hải Dương năm 2024)

Qua Bảng 2.6 ta thấy, giá trị sản xuất tại các làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương đều tăng qua các năm. Cụ thể, tổng giá trị sản xuất của làng nghề năm 2021 là 292,5 tỷ đồng, năm 2022 giá trị sản xuất này là 333,7 tỷ đồng tăng 41,2 tỷ đồng so với năm 2021 tương ứng với tỷ lệ tăng là 14%, năm 2023 giá trị sản xuất tăng thêm 49,3 tỷ đồng đạt mức 383,0 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ tăng là 15%, sang tới năm 2024 giá trị sản xuất của làng nghề là 430,8 tỷ đồng tiếp tục tăng 47,8 tỷ đồng so với năm 2023 tương đương 12%. Giá trị sản xuất tại các làng nghề trên địa bàn tỉnh có xu hướng tăng là một tín hiệu đáng mừng, tuy nhiên thì tỷ lệ tăng rất không đồng đều, điều này đặt ra câu hỏi cho cơ quan quản lý làng nghề của tỉnh yêu cầu có những

chính sách đổi mới thiết thực và sâu sát hơn trong công tác phát triển kinh tế làng nghề để giá trị sản xuất sẽ tăng cao hơn nữa trong những năm tới đây. Ta xét về giá trị sản xuất của từng nhóm làng nghề, hầu hết giá trị sản xuất các nhóm làng nghề đều có xu hướng tăng chỉ có nhóm nghề mây tre đan có xu hướng giảm. Nhóm nghề kim hoàn có giá trị sản xuất tăng cao nhất. Năm 2021, giá trị sản xuất của nhóm nghề này là 62,1 tỷ đồng, sang năm 2022 giá trị này là 76,7 tỷ đồng tăng 14,6 tỷ đồng so với năm 2021 tương đương 24%, năm 2023 giá trị sản xuất tăng thêm 17,8 tỷ đồng so với năm 2022 đạt mức 94,6 tỷ đồng, năm 2024 giá trị sản xuất của nhóm nghề kim hoàn là 113,4 tỷ đồng tăng 18,8 tỷ đồng so với năm 2023 tương ứng 20%. Điều trên cho thấy trong thời gian qua mặc dù các làng nghề sản xuất gặp phải những khó khăn chung trong hoạt động sản xuất và tiêu thụ do sự ảnh hưởng của kinh tế toàn cầu, song các làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương vẫn cố gắng duy trì và phát huy hết sức, vượt qua những khó khăn để nâng cao giá trị sản xuất ở một số làng nghề có tiềm năng góp phần giữ gìn nét đẹp truyền thống và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân làm nghề.

a) Về thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh

Theo kết quả khảo sát tại các làng nghề trên địa bàn tỉnh mức thu nhập từ các làng nghề đạt mức trung bình khá. Tuy vậy mức thu nhập này cao hơn nhiều so với thu nhập từ làm ruộng, đặc biệt là vùng đất hẹp người đông như Hải Dương. Thu nhập từ các làng nghề được thể hiện qua Bảng 2.7 dưới đây:

Bảng 2.7: Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh làng nghề tỉnh Hải Dương

ĐVT: triệu đồng

Nhóm làng nghề	Thu nhập từ nghề				Thu nhập bình quân một hộ			
	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Làng nghề mộc	39.010	71.845	86.545	97.556	41,2	75,9	91,5	103,1
Làng nghề kim hoàn	52.100	76.759	94.654	113.425	100,0	147,3	181,7	217,7
Làng nghề thêu ren	21.315	34.352	41.923	55.165	39,8	64,2	78,4	103,1
Làng nghề SX hương	16.178	25.129	31.789	40.127	39,2	60,8	77,0	97,2
Làng nghề giấy da	45.268	61.956	68.324	72.459	60,5	82,8	91,3	96,9
Làng nghề mây tre đan	18.592	27.595	35.768	44.795	30,2	44,8	58,1	72,7

Làng nghề lược bí	6.323	11.168	16.453	25.315	34,6	61,0	89,9	138,3
Làng nghề chiếu cói	18.156	24.278	28.896	33.279	65,5	87,6	104,3	120,1

(Nguồn: Số liệu tổng hợp của Sở Công thương năm 2024)

Qua Bảng 2.7 ta thấy thu nhập từ các làng nghề và thu nhập bình quân một hộ có xu hướng tăng dần qua các năm. Nhóm làng nghề đang mang lại thu nhập cao nhất hiện nay là nghề kim hoàn. Cụ thể năm 2021 thu nhập từ làng nghề kim hoàn là 39.010 triệu đồng, năm 2022 thu nhập từ nghề này là 71.845 triệu đồng, sang tới năm 2023 thu nhập từ nghề này đạt mức 94.654 triệu đồng và năm 2024 thu nhập từ nghề này đạt mức 113.425 triệu đồng. Bên cạnh nhóm nghề kim hoàn thì nhóm nghề mộc và sản xuất giấy da cũng đang có thu nhập tương đối cao. Năm 2021, thu nhập từ nhóm nghề mộc là 39.010 triệu đồng, năm 2022 thu nhập này tăng lên đạt mức 71.845 triệu đồng, năm 2023 thu nhập từ làng nghề này là 86.545 triệu đồng và năm 2024 thu nhập này là 86.545 triệu đồng. Tuy nhiên, bên cạnh đó có một số ngành nghề còn có thu nhập chưa cao; chủ yếu là tận dụng thời gian nông nhàn để tranh thủ sản xuất, tăng thêm thu nhập như: thêu ren; làm hương, dệt chiếu,... Mức thu nhập từ các làng nghề này chỉ khoảng từ 25.315 triệu đồng đến 55.165 triệu đồng. Ta thấy hiện nay còn nhiều ngành nghề nông thôn, nhất là trong các làng nghề còn có mức thu nhập không đồng đều giữa các ngành nghề. Chính vì vậy mà nhà nước và tỉnh cần sát sao hơn trong việc quy hoạch và phát triển làng nghề để có thể cải thiện những bất cập trên. Dưới đây ta cùng xét thêm về tình hình thu nhập bình quân lao động và năng suất lao động bình quân tại các làng nghề để có cái nhìn cụ thể hơn.

Bảng 2.8: Thu nhập bình quân lao động và năng suất lao động bình quân tại các làng nghề

ĐVT: triệu đồng

Nhóm làng nghề	Thu nhập bình quân một lao động				Năng suất lao động bình quân			
	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm
	2021	2022	2023	2024	2021	2022	2023	2024
Làng nghề mộc	1,3	1,5	1,8	2	1,6	1,8	2,15	2,3
Làng nghề kim hoàn	1,8	2,1	2,5	2,8	2,1	2,5	2,85	3,0
Làng nghề thêu ren	0,87	1,05	1,18	1,27	1,15	1,3	1,50	1,65

Làng nghề SX hương	0,56	0,78	0,89	0,99	0,71	0,95	1,12	1,25
Làng nghề giấy da	1,45	1,65	1,95	2,15	1,72	1,95	2,26	2,45
Làng nghề mây tre đan	0,58	0,81	0,95	1,15	0,75	0,98	1,22	1,41
Làng nghề lược bí	0,55	0,85	1,15	1,30	0,71	0,99	1,32	1,51
Làng nghề chiếu cói	1,25	1,55	1,6	1,75	1,5	1,72	1,85	1,9

(Nguồn: Số liệu tổng hợp của Sở Công Thương năm 2024)

Bên cạnh việc tạo công ăn việc làm, các làng nghề còn góp phần tăng thu nhập cho người dân. Trên thực tế, tại các địa phương có nghề đời sống của người làm nghề khá hơn nhiều so với các hộ thuần nông khác. Qua khảo sát người lao động tại các làng nghề cho thấy thu nhập bình quân mỗi lao động nhìn chung vẫn còn thấp. Có làng nghề thu nhập lao động khá cao như nghề kim hoàn, nghề mộc hay sản xuất giấy da. Cụ thể năm 2024 nghề kim hoàn tạo cho người lao động thu nhập bình quân khoảng 2,8 triệu đồng, nghề mộc là 2 triệu và nghề sản xuất giấy da là 2,15 triệu đồng. Tuy nhiên có một vài nghề lại cho thu nhập chưa được cao như nghề đan lát mây tre, sản xuất hương, cũng trong năm 2024 thu nhập bình quân lao động từ nghề mây tre đan là 1,15 triệu đồng, nghề sản xuất hương là 0,99 triệu đồng. Nguyên nhân chính là do đặc thù của những sản phẩm này và thị trường tiêu thụ ngày một thu hẹp.

2.2.2.3. Phát triển về mặt xã hội

Việc phát triển các làng nghề ngoài ý nghĩa về mặt kinh tế còn có vai trò quan trọng về mặt xã hội trong việc tạo công ăn việc làm cho những lao động thường xuyên làm nghề và lao động thời vụ tại các cơ sở sản xuất trong thời gian nông nhàn. Trong những năm qua, số lượng lao động trong các làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương tăng lên đáng kể, được thể hiện qua Bảng 2.9 dưới đây:

Bảng 2.9: Số lượng lao động các làng nghề trên địa bàn tỉnh

DVT: người

Nhóm làng nghề	Số lượng lao động				Tăng/ giảm					
	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	2022/2021		2023/2022		2024/2023	
					SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
Làng nghề mộc	2.838	2.856	2.934	2.976	18	0,6	78	2,7	42	1,4
Làng nghề kim hoàn	1.263	1.329	1.434	1.566	66	5,2	105	7,9	132	9,2

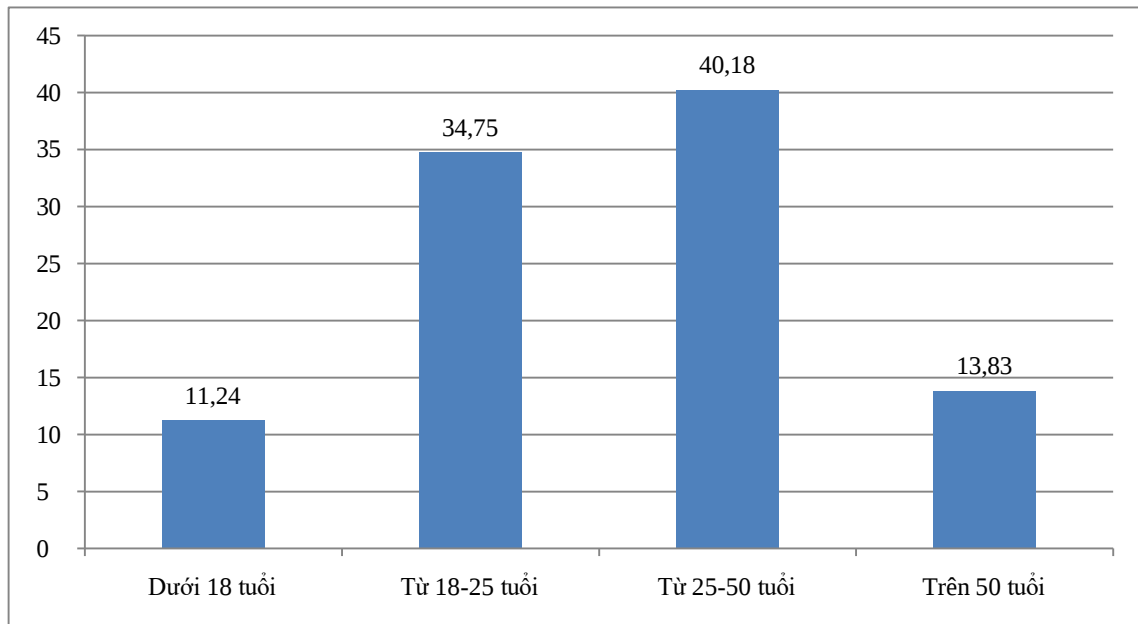
Làng nghề thêu ren	2.505	2.565	2.583	2.676	60	2,4	18	0,7	93	3,6
Làng nghề SX hương	939	930	918	910	-9	-1,0	-12	-1,3	-8	-0,9
Làng nghề giấy da	2.244	2.289	2.358	2.451	45	2,0	69	3,0	93	3,9
Làng nghề mây tre đan	1.848	1.502	1.487	1.452	-346	-18,7	-15	-1,1	-35	-2,4
Làng nghề lược bí	849	873	906	960	24	2,8	33	3,8	54	6,0
Làng nghề chiếu cói	1.431	1.506	1.497	1.488	75	5,2	-9	-0,6	-9	-0,6
Tổng số	13.920	13.850	14.120	14.479	-67	-0,5	267	1,9	362	

(Nguồn: Số liệu tổng hợp của Sở Công Thương năm 2024)

Các làng nghề phát triển đã thu hút một lực lượng nông thôn tương đối lớn, hầu hết số lượng lao động tại các làng nghề đều tăng dần qua các năm, riêng chỉ có làng nghề sản xuất hương và mây tre đan và sản xuất hương là có số lượng lao động giảm dần qua các năm. Điều này làm cho tổng số lao động tăng giảm thất thường. Năm 2021 tổng số lao động tại các làng nghề là 13.920 người, năm 2022 tổng số lao động tăng lên là 13.850 người giảm 67 người so với năm 2021 tương ứng 0,5%, sang năm 2023 tổng số lao động lại tăng thêm 267 người đạt mức 14.120 người tương ứng với tỷ lệ tăng là 1,9%, sang tới năm 2024 thì tổng số lao động tại các làng nghề trên địa bàn tỉnh là 14.479 tiếp tục tăng 362 người so với năm 2023 tương đương với tỷ lệ tăng là 2,5%. Xét thấy lao động tại một số nhóm nghề đang giảm dần, nguyên nhân của sự giảm sút ở đây là do thu nhập còn thấp và đặc thù của những nhóm nghề này yêu cầu sự khéo léo mà lao động nông thôn khó có thể đáp ứng. Chính vì thế cần sự quan tâm hơn nữa của cấp lãnh đạo tỉnh về chính sách đào tạo dạy nghề nâng cao chất lượng tay nghề của lao động.

a) Về cơ cấu dân số tại các làng nghề

Qua điều tra khảo sát của tác giả tại các làng nghề cho thấy, đa số lao động tại các làng nghề là lao động trẻ tập trung từ 18-50 tuổi, là lứa tuổi vẫn còn sức khoẻ tốt, chỉ có khoảng 14% số lao động sản xuất có độ tuổi trên 50 tuổi. Tỷ lệ lao động cao tuổi làm việc tại các làng nghề tùy thuộc vào công việc và đòi hỏi trình độ tay nghề cao và sức khoẻ. Lao động ở lứa tuổi vị thành niên ở các làng nghề chiếm 11,24% tổng số lượng lao động, lượng lao động này chủ yếu sống bằng làm nghề và nếu tính thêm con số vừa làm thêm nghề vừa đi học thì tỷ lệ người lao động trong độ tuổi này khá lớn. Có thể thấy làng nghề phát triển đã tạo ra được một lượng việc làm lớn, không đòi hỏi cao về trình độ nên sẽ tạo điều kiện nâng cao thu nhập của hộ gia đình tại làng nghề.

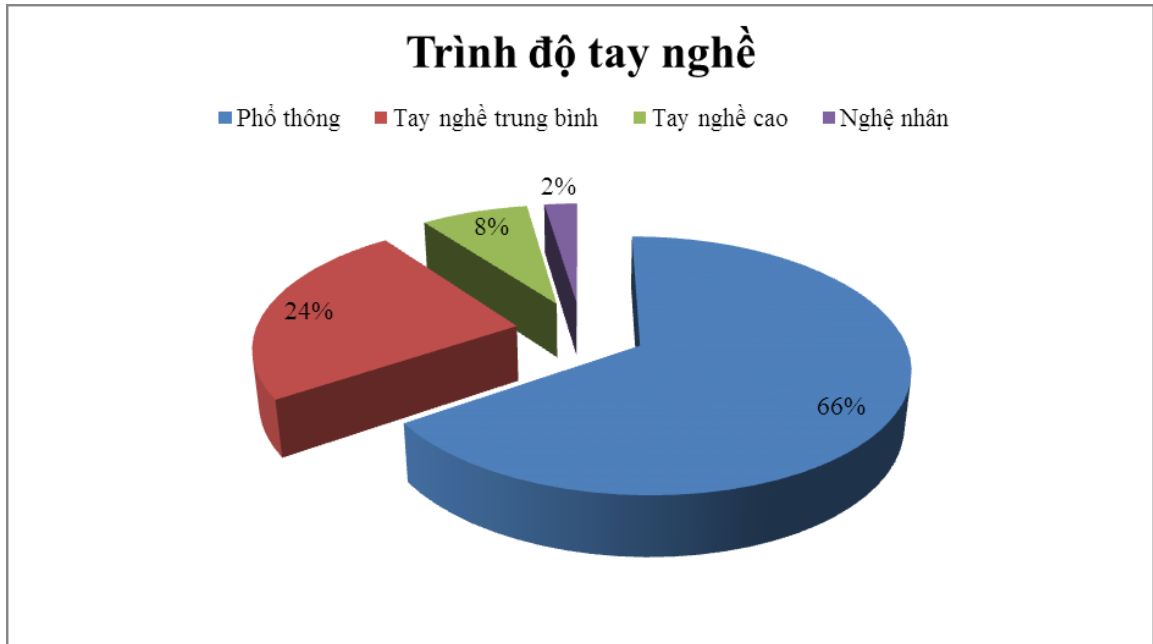
Hình 2.1: Cơ cấu dân số tại làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương

(Nguồn: Khảo sát của tác giả)

b) Về trình độ tay nghề lao động tại các làng nghề

Qua điều tra khảo sát của tác giả tại các làng nghề cho thấy số lượng lao động có trình độ phổ thông và tay nghề trung bình chiếm đa số trong các làng nghề. Số lao động có tay nghề cao chỉ chiếm 8% trong tổng số lao động (có trên 20 năm kinh nghiệm) và những người được coi là bậc thầy của nghề trong làng-những nghệ nhân-chiếm một tỷ lệ khiêm tốn là 2%. Trên thực tế, tỷ lệ trên cũng có biến động theo đặc tính của từng nghề. Những nghề đòi hỏi có tay nghề cao như đục chạm gỗ, thêu ren thì tỷ lệ thợ thành nghề có thể lên đến hơn 15% đối với những nghề đơn giản thì chỉ chiếm khoảng 5%. Điều này có thể dẫn đến sự thiếu hụt của lực lượng nghệ nhân, những người có kinh nghiệm sáng tạo ra sản phẩm mới.

Hình 2.2: Trình độ lao động tại các làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương



(Nguồn: Số liệu tổng hợp của Sở Công Thương năm 2024)

c) Về đào tạo nguồn nhân lực

Để phát triển bền vững, người lao động nói chung đặc biệt là các lãnh đạo chủ chốt tại các làng nghề nói riêng cần phải được trang bị những kiến thức và quản lý kinh doanh hiện đại. Có như vậy khả năng quản lý, điều hành các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp mới được đảm bảo và phát triển theo kịp với xu thế phát triển trong hoạt động quản lý. Do những khó khăn trong khâu thống kê về số lượng lao động đào tạo tay nghề tại các cơ sở, do đó, trong nghiên cứu này, tác giả chỉ xem xét đến công tác đào tạo đối với các đối tượng là lãnh đạo các cơ sở sản xuất và doanh nghiệp tại các làng nghề. Hiện trạng đào tạo nguồn nhân lực là các lãnh đạo các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp tại các làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 2.10: Đào tạo nguồn nhân lực tại các làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương năm 2024

STT	Nghịệp vụ đào tạo	Số lượng lãnh đạo được đào tạo	
		Nhóm tự đào tạo	Nhóm được hỗ trợ đào tạo
1	Nghịệp vụ quản lý	65	35
2	Nghịệp vụ kinh doanh	55	26
3	Nghịệp vụ marketing	48	14
4	Kỹ năng mềm	23	8
	Tổng	191	83

(Nguồn: Khảo sát của tác giả)

Qua Bảng 2.10 ta thấy việc đào tạo nghịệp vụ cho lãnh đạo tại các làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương còn rất ít và chủ yếu là các nhóm tự đào tạo. Cụ thể năm 2024 số lượng lãnh đạo được đào tạo theo hình thức tự đào tạo là 191 người, còn số lượng lãnh đạo được hỗ trợ đào tạo là 83 người. Bên cạnh đó về các nghịệp vụ được đào tạo chưa được đa dạng và thiết thực, mới chỉ có sự đào tạo về nghịệp vụ kinh doanh, quản lý, marketing, kỹ năng mềm. Từ những hiện trạng trên, UBND tỉnh Hải Dương cần ban hành những chính sách về hỗ trợ đào tạo cho nguồn nhân lực tại các làng nghề, mở rộng hơn các nghịệp vụ đào tạo. Chỉ có như thế thì mới có thể phát triển các làng nghề một cách bền vững.

d) Về hoạt động giao lưu văn hoá tại các làng nghề

Sự phát triển hoạt động sản xuất tại các làng nghề cũng kéo theo sự phát triển đối với các hoạt động văn hóa, vui chơi của người lao động. Một trong những nét văn hóa truyền thống khá phổ biến tại các địa phương trong tỉnh là các hoạt động giao lưu văn hóa, ca hát, thi tay nghề giữa các làng lân cận với nhau, và thông qua việc hỗ trợ từ chính quyền các cấp, hoạt động giao lưu văn hóa này cũng ngày càng được quan tâm, phát triển.

Bảng 2.11: Thống kê hoạt động giao lưu văn hoá làng nghề tỉnh Hải Dương

STT	Loại hoạt động giao lưu	Số lượng			
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Cuộc thi tìm kiếm “Nghệ nhân giỏi”	8	10	11	13
2	Lễ hội truyền thống tôn vinh làng nghề	18	18	19	19
3	Cuộc thi giao lưu tay nghề truyền thống	6	7	8	9
4	Cuộc thi ảnh “Gìn giữ vẻ đẹp truyền thống”	5	7	8	11
	Tổng	37	42	46	51

(Nguồn: Số liệu tổng hợp của Sở Công Thương năm 2024)

Hoạt động giao lưu văn hoá có diễn ra giữa các làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương và cũng tăng dần trong những năm vừa qua. Cụ thể năm 2021 số lượng hoạt động giao lưu là 37, năm 2022 đã có 42 hoạt động giao lưu tăng 5 lượt hoạt động, sang năm 2023 số lượng hoạt động giao lưu là 46 và năm 2024 số lượng hoạt động giao lưu này đã đạt con số 51. Về các hình thức của hoạt động giao lưu thì chưa được đa dạng, mới chỉ có một vài hình thức như: các cuộc thi về tay nghề hay cuộc thi ảnh, các lễ hội truyền thống tôn vinh,...

Làng nghề thủ công truyền thống là nơi lưu giữ kho tàng di sản văn hóa vật thể và phi vật thể vô cùng phong phú; là nơi biểu hiện cụ thể, sinh động bản sắc văn hóa. Chính vì vậy việc giao lưu văn hoá giữa các làng nghề chính là phương pháp hữu hiệu để bảo tồn và phát huy những giá trị này. Chính quyền tỉnh Hải Dương cần đầu tư hơn nữa trong việc tổ chức các hoạt động giao lưu văn hoá để gìn giữ nét đẹp văn hoá này.

2.2.2.3. Phát triển làng nghề với bảo vệ môi trường

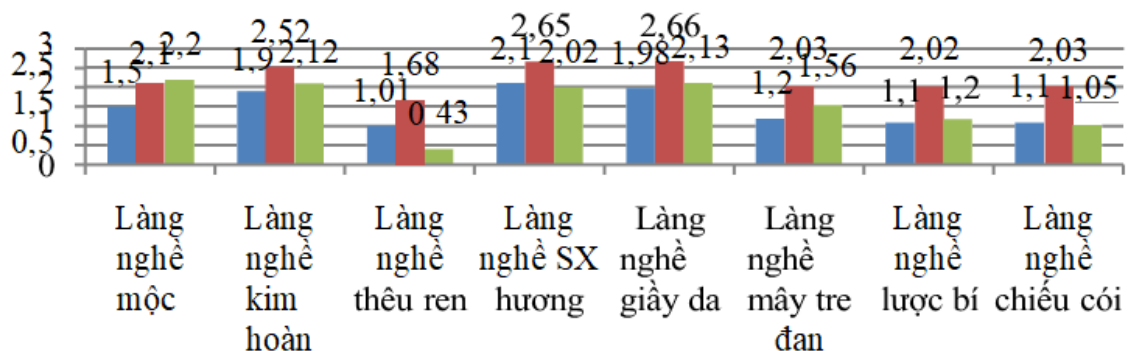
Cùng với sự phát triển kinh tế của các làng nghề, mức sống của người dân được tăng lên nhưng chất lượng môi trường sống tại các làng nghề đã và đang có nguy cơ bị đe dọa. Bên cạnh những lợi ích về kinh tế-xã hội cho các làng nghề thì cần nhìn thấy những tác động tiêu cực về môi trường. Trên quan điểm kinh tế về môi trường, liệu những lợi nhuận do hoạt động làng nghề mang lại có thực chất là do thặng dư sức lao động hay là do sự huỷ hoại môi trường mang đến.

Ô nhiễm làng nghề là nguyên nhân gây ra các bệnh, dịch cho người dân lao động và sinh sống ở chính làng nghề và khu vực phụ cận. Xu hướng này đang gia tăng trong những năm gần đây. Ô nhiễm môi trường làng nghề làm giảm năng suất nông nghiệp tại các địa phương, tác động xấu tới phát triển kinh tế xã hội, kìm hãm sự phát triển du lịch làng nghề; gây ra các tổn thất kinh tế không nhỏ và dẫn tới xung đột môi trường tại làng nghề.

Nhiều doanh nghiệp, hộ sản xuất ở làng nghề thiếu ý thức bảo vệ môi trường, việc áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường chưa được triển khai triệt để. Các cụm công nghiệp làng nghề triển khai chậm, không đồng bộ về hạ tầng, chi phí cao, chưa tạo thuận lợi cho việc chuyển dịch cơ sở ô nhiễm, bố trí lại các doanh nghiệp làng nghề.

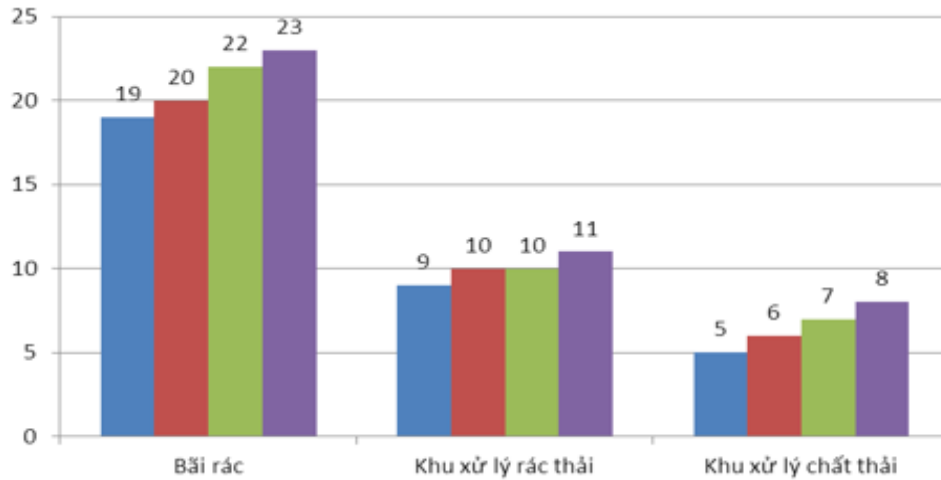
Ô nhiễm tại làng nghề không chỉ ảnh hưởng trực tiếp gây ra các bệnh nghề nghiệp, ảnh hưởng đến sức khỏe và tuổi thọ của cư dân làng nghề mà còn ảnh hưởng lớn đến đời sống và sự phát triển kinh tế, xã hội của nhân dân nhiều vùng xung quanh. Dưới đây là khảo sát của tác giả đánh giá của người dân về ô nhiễm tại làng nghề:

Hình 2.3: Đánh giá của người dân về ô nhiễm môi trường tại làng nghề



(Nguồn: Khảo sát của tác giả)

- Dưới đây là hiện trạng công tác xử lý ô nhiễm môi trường tại làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương:



Hình 2.4 : Xử lý ô nhiễm môi trường tại làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương

(Nguồn: Số liệu tổng hợp của Sở Công Thương năm 2024)

Ta thấy, công tác đầu tư cho xử lý ô nhiễm môi trường chưa được chú trọng. Số lượng bãi rác, khu xử lý rác thải, khu xử lý chất thải còn quá ít so với lượng làng nghề trên địa bàn tỉnh. Số lượng làng nghề tăng nhanh qua các năm, tuy nhiên số lượng bãi rác và khu xử lý lại tăng lên không đáng kể. Cụ thể năm 2021 số lượng bãi rác là 19 đến năm 2024 mới chỉ là 23 bãi rác tăng thêm 4, năm 2021 số khu xử lý rác thải là 9 đến năm 2024 số lượng khu xử lý rác thải là 11 tăng 2 khu, số khu xử lý chất thải năm 2021 là 5 và tăng lên 8 vào năm 2024.

Để giải quyết nạn ô nhiễm, các đơn vị quản lý tỉnh tăng cường kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất, tích cực hướng dẫn thực hiện các biện pháp cải thiện công nghệ, cải tạo hạ tầng kỹ thuật... Đồng thời, triển khai hỗ trợ trang thiết bị, phương tiện thu gom rác thải; quy hoạch xây dựng khu xử lý chất thải hợp vệ sinh; khuyến khích các cơ sở sản xuất di chuyển xưởng sản xuất vào CCN hoặc điểm tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn. Các Sở, ngành và chính quyền các địa phương cần có chính sách khuyến khích và đa dạng hóa đầu tư cho bảo vệ môi trường làng nghề như xã hội hóa việc xử lý môi trường làng nghề; xử lý nghiêm những cơ sở gây ô nhiễm môi trường, những cơ sở công nghệ cũ lạc hậu; tiếp tục nghiên cứu chuyển giao công nghệ sạch thân thiện với môi trường. Các địa phương cần lồng ghép chương trình bảo vệ môi trường làng nghề vào các chương trình mục tiêu quốc gia, có như vậy môi trường trong các làng nghề hiện nay mới sớm được cải thiện.

2.3. Đánh giá thực trạng về phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải

Dương

2.3.1. Những thành tựu đã đạt được

Quy mô, cơ cấu sản xuất

Trong những năm qua, sự phát triển của các làng nghề ở Hải Dương đã góp phần tạo ra khối lượng sản phẩm, các mặt hàng phong phú, đa dạng đáp ứng yêu cầu sản xuất và đời sống nhân dân; đóng góp đáng kể vào tăng thu ngân sách, tăng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh; thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội nông thôn theo hướng công nghiệp hoá. Giá trị sản xuất TTCN-LN năm 2024 chiếm 23,1% trong tổng GTSX công nghiệp toàn tỉnh, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm là 21,4%/năm. Các huyện, thị xã, thành phố đạt kết quả sản xuất TTCN tăng cao so với mục tiêu là Bình Giang tăng 32,7%/năm, Chí Linh tăng 31,3%/năm, Tứ Kỳ tăng 26,2%/năm, Nam Sách tăng 23,8%/năm, thành phố Hải Dương tăng 21,3%/năm, Kim Thành tăng 20,3%/năm .v.v. Sản xuất TTCN của các huyện đạt mức tăng chậm so với mục tiêu là: Thanh Hà tăng 13,7%/năm, Thanh Miện tăng 14,4%/năm, Ninh Giang tăng 16,5%/năm.... Số lượng cơ sở làng nghề trong tỉnh tăng đáng kể trong 4 năm qua.

Vốn cho sản xuất

Cùng với phát triển sản xuất TTCN, các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh tiếp tục quan tâm quy hoạch, trình duyệt và triển khai thu hút các dự án đầu tư thứ cấp vào các cụm công nghiệp. Hết năm 2024, toàn tỉnh đã có 31 cụm công nghiệp chính thức đi vào hoạt động, thu hút 296 dự án đầu tư, với tổng vốn đầu tư đạt trên 7.000 tỷ đồng; tạo việc làm thường xuyên cho trên 59.000 lao động trong tỉnh.

Cơ sở hạ tầng và nguồn nguyên liệu

Về cơ sở hạ tầng thì đã có quan điểm chỉ đạo của Tỉnh uỷ về khôi phục và phát triển làng nghề, các cơ quan quản lý cấp nhà nước cấp tỉnh, huyện đã triển khai nhiều biện pháp như tiến hành quy hoạch cụm làng nghề, xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và nhiều biện pháp hỗ trợ khác giúp phát triển làng nghề.

Sản phẩm và thị trường tiêu thụ

Về sản phẩm: Các làng nghề tại Hải Dương có một đội ngũ lao động lành nghề khéo léo, tâm huyết với nghề. Việc truyền nghề theo hình thức “cha truyền, con nối” những người thợ cố gắng kế thừa và phát huy truyền thống gia đình, nhờ đó đã tạo ra những sản phẩm thủ công tinh xảo, được chế tác khéo léo, mang phong cách văn hoá riêng đã góp phần củng cố tăng cường và phát huy giá trị truyền thống.

Về thị trường tiêu thụ: Các sản phẩm của làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương hiện đã có mặt khá phổ biến cả ở thị trường trong nước cũng như quốc tế.

Đạt được thành quả đó tỉnh Hải Dương đã chú trọng trong tìm kiếm mở rộng thị trường cho sản phẩm thủ công mỹ nghệ của các làng nghề, giới thiệu quảng bá ngày một rộng rãi hơn tới bạn bè năm châu

Việc làm và đời sống của người lao động

Các làng nghề ở Hải Dương phát triển đã góp phần quan trọng giải quyết việc làm, tăng thu nhập, xoá đói giảm nghèo cho nông dân trong tỉnh. Các làng nghề tạo điều kiện thuận lợi để nông dân trong tỉnh tận dụng triệt để thời gian nông nhàn sản xuất theo phương châm “ly nông bất ly hương”; góp phần an sinh xã hội khu vực nông thôn; góp phần quan trọng thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn hiện nay.

Ảnh hưởng đến môi trường

Quá trình mở cửa hội nhập đã tạo điều kiện cho làng nghề sản xuất ra những sản phẩm có thẩm mỹ và chất lượng cao. Chính vì thế nhiều làng nghề đã được đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng hình thành các khu sản xuất tách biệt với khu dân cư đã góp phần cải thiện đáng kể tình trạng ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động và góp phần xây dựng nông thôn mới. Công tác bảo vệ môi trường với mục tiêu phát triển bền vững cơ bản đều được các doanh nghiệp công nghiệp, TTCN và làng nghề trong tỉnh quan tâm thực hiện. Hầu hết các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp đều triển khai lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường. Việc đầu tư hệ thống xử lý rác thải, nước thải và triển khai các biện pháp bảo vệ môi trường đều được triển khai tại hầu hết các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp có nguồn chất thải nguy hại đều thực hiện ký hợp đồng với các cơ sở có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

Đóng góp của làng nghề đối với phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh

Nghề và làng nghề không ngừng phát triển đã làm cho quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Hải Dương thay đổi theo hướng tích cực. Diện mạo nông thôn từng bước thay đổi, hệ thống kết cấu hạ tầng không ngừng được hoàn thiện. Ở nhiều vùng nông thôn, xuất hiện các cụm làng nghề, các thị tứ, thị trấn, xóa dần cách biệt giữa thành thị và nông thôn. Nhờ có thu nhập cao, các làng nghề đã đầu tư xây dựng được nhiều cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống. Các công trình chung của xã như: điện, đường, trường, học, trạm xá, trụ sở UBND đều khang trang hơn, trong đó có sự đóng góp chung sức ủng hộ chương trình xây dựng nông thôn mới của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trong làng nghề.

Cùng với kết cấu hạ tầng, đời sống vật chất tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Ở các làng nghề phát triển mạnh không có hộ thuộc diện đói nghèo, tỷ

lệ hộ có nhà kiên cố cao tầng, có đồ dùng và các phương tiện sinh hoạt đầy đủ ngày càng gia tăng. Các làng nghề ở nông thôn phát triển còn góp phần xóa bỏ các tập tục lạc hậu, lối làm ăn nhỏ còn tồn đọng ở nông thôn tạo ra nếp nghĩ, cách làm ăn mới theo tác phong của nền sản xuất công nghiệp, mở rộng giao lưu hàng hóa. Trong các làng nghề các tệ nạn xã hội cũng giảm đáng kể.

2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân

- Về những hạn chế:

Các làng nghề TTCN tại tỉnh Hải Dương phát triển còn chậm. Số lượng làng nghề tại các địa phương trong tỉnh chưa đồng đều. Quy mô của từng làng nghề còn nhỏ. Các hoạt động sản xuất chủ yếu dựa trên mô hình hộ gia đình; các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh theo mô hình doanh nghiệp, hợp tác xã còn ít và hạn chế. Nhiều làng nghề cổ truyền, có thương hiệu nhiều năm trong lịch sử, bị mai một, thất truyền nhưng chưa khôi phục được như: Gốm Quao (Nam Sách); thêu ren Mao Điền (Cẩm Giàng);

Ngành nghề sản xuất tại các làng nghề còn hẹp. Việc du nhập, nhân cấy nghề mới để hình thành các làng nghề còn hạn chế. Phát triển làng nghề chủ yếu dựa trên nền tảng các địa phương với các ngành nghề đã có; kết quả du nhập nghề mới còn ít. Các làng nghề mới chỉ tập trung ở một vài nghề thủ công như thêu ren, sản xuất đồ mộc, bún bánh, vật liệu xây dựng,... chưa tạo thêm, du nhập ngành nghề mới; nhất là ngành nghề sản xuất sản phẩm hỗ trợ cho doanh nghiệp lớn, liên kết theo chuỗi giá trị.

Hoạt động sản xuất, kinh doanh tại các làng nghề có dấu hiệu giảm sút trong thời gian gần đây. Xét trên tổng thể, số lượng làng nghề tăng, số lao động tại các làng nghề cũng tăng; song tính riêng trong nội bộ từng làng nghề, số hộ và số lao động đang có xu hướng giảm tương đối. Nhiều làng nghề đã được công nhận song không phát huy được, sản xuất giảm sút như làng Mây giang xiên Tào Khê và Đào Lâm (Thanh Miện); .v.v. Một số làng nghề có nguy cơ mai một, không thể tồn tại được do không còn phù hợp với thị trường như: Thêu tranh An Dương, Ghép trúc La Ngoại (Thanh Miện); Làng nghề lược Vạc (Bình Giang)..... Kết quả của khảo sát thực tế tại 61 làng nghề đã được công nhận cho thấy số làng nghề phát triển tốt: có 48 làng (chiếm tỷ lệ 78,7%); số làng nghề chưa phát huy tác dụng là 5 làng (chiếm tỷ lệ 8,2%); và số làng nghề đang gặp khó khăn, có nguy cơ mai một là 8 làng (chiếm tỷ lệ 13,1%).

Thu nhập của lao động ở một số làng nghề thấp, không ổn định, một số lao động trẻ, lao động có nghề bỏ đi tìm việc ở thành phố hoặc làm tại các nhà máy trong khu công nghiệp để hy vọng có việc làm ổn định, dẫn đến hiện nay lao động

tại các làng nghề thiếu trầm trọng.

Chất lượng và sức cạnh tranh sản phẩm làng nghề chưa cao, thị trường tiêu thụ còn hẹp, chủ yếu tiêu thụ trong nước; chưa xuất khẩu được nhiều ra thị trường nước ngoài. Toàn tỉnh chưa phát triển được những sản phẩm làng nghề mang tính đặc trưng riêng có để cung ứng cho du khách trong và ngoài tỉnh mua làm quà lưu niệm.

Qui mô của đa số các cơ sở sản xuất trong các làng nghề còn nhỏ lẻ phân tán, manh mún. Công nghệ và trang thiết bị sản xuất còn lạc hậu, chủ yếu vẫn là thủ công. Thiết bị, nhà xưởng sản xuất còn thiếu và nghèo nàn.v.v. Do đó, năng suất lao động còn thấp, hàng hóa sản xuất ra có chất lượng chưa cao, sức cạnh tranh yếu, thu nhập của người lao động chưa ổn định.

Sản xuất tại các làng nghề còn gây ô nhiễm môi trường; các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm, chế biến thực phẩm bún, bánh đa chưa triển khai thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn theo đúng quy định mà còn đổ thải ngay tại ao hồ, kênh mương, các khu đất trống trong làng,... nhiều làng nghề trong tỉnh có các thông số môi trường như TSS, COD, BOD5, N- NH3,...vượt quy chuẩn cho phép.

- Về nguyên nhân của hạn chế:

+ Nhận thức của một bộ phận cán bộ và nhân dân về vai trò của nghề và làng nghề chưa toàn diện; các cấp, các ngành chưa tập trung cao cho công tác phát triển nghề, làng nghề; chưa xây dựng được quy hoạch tổng thể ngắn hạn cũng như dài hạn có tính khả thi cho phát triển làng nghề.

+ Nhiều cơ chế chính sách hỗ trợ cho phát triển làng nghề (hỗ trợ vốn, chuyển giao khoa học, công nghệ; xây dựng cơ sở hạ tầng, xúc tiến thương mại, chuyển giao khoa học công nghệ...) còn bất cập nên chưa tác động mạnh mẽ đến các cơ sở sản xuất làng nghề.

+ Tổ chức bộ máy quản lý phát triển nghề, làng nghề còn nhiều bất cập, chưa thống nhất. Trình độ quản lý và tổ chức sản xuất còn thấp, chưa được qua lớp đào tạo bồi dưỡng về quản lý kinh tế nên điều hành sản xuất còn lúng túng chưa nắm vững chính sách pháp luật các thủ tục cần thiết trong các hoạt động giao dịch kinh doanh.

+ Các làng nghề chưa quan tâm chú trọng đến công tác áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ, xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm làng nghề. Các sản phẩm của làng nghề chưa được quảng bá rộng rãi và tính cạnh tranh của sản phẩm chưa cao.

+ Do tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu mà những bất ổn của môi trường kinh tế vĩ mô ở nước ta nói chung và các làng nghề nói riêng bị rơi vào tình trạng khó khăn. Điều này đã làm nảy sinh các những tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp, hộ gia đình và hậu quả là hàng loạt doanh nghiệp đã phải ngừng sản xuất từ đó làm ảnh hưởng đến sức mua của thị trường và ảnh hưởng đến đầu ra cho các sản phẩm của làng nghề.

+ Công tác đào tạo nguồn nhân lực cho làng nghề còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ lao động được đào tạo mang tính chuyên nghiệp còn ít, phần lớn người lao động được đào tạo qua phương pháp “cầm tay chỉ việc”.

+ Các cấp, các ngành và các chủ thể làm nghề chưa thấy rõ được vị trí, vai trò của du lịch đối với phát triển làng nghề do đó chưa khai thác có hiệu quả tiềm năng du lịch của địa phương gắn với quảng bá, tiêu thụ sản phẩm làng nghề.

+ Nguồn vốn ngân sách dành cho phát triển nghề, làng nghề còn ít. Nội dung công tác khuyến công mới đáp ứng được một phần nhu cầu phát triển nghề và làng nghề, chưa có cơ chế thu hút các nguồn vốn khác, chưa có nguồn kinh phí riêng để phục vụ cho phát triển nghề, làng nghề.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 đã trình bày khái quát đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội tỉnh Hải Dương có ảnh hưởng tới phát triển làng nghề. Phân tích thực trạng phát triển làng nghề ở tỉnh Hải Dương, Về thực hiện các nội dung phát triển làng nghề, lập kế hoạch, quy hoạch phát triển làng nghề ở tỉnh Hải Dương, kết quả phát triển làng nghề, đánh giá những thành tựu đã đạt được, những hạn chế và nguyên nhân về phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Qua đó làm cơ sở để đề xuất giải pháp phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương ở chương 3.

Chương 3

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035

3.1. Định hướng, mục tiêu và quan điểm phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2026- 2030, tầm nhìn đến năm 2035

3.1.1. Định hướng, mục tiêu phát triển làng nghề

3.1.1.1. Định hướng

Một là, phát triển làng nghề gắn với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Hai là, phát triển mạnh các làng nghề truyền thống, làng nghề mới có sản phẩm tiêu thụ mạnh và có tiềm năng lợi thế của tỉnh, chú trọng phát triển và nâng cao chất lượng sản phẩm phù hợp thị hiếu và nhu cầu thị trường tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Quan tâm phát triển nghề và làng nghề đi đôi áp dụng công nghệ mới, sử dụng hợp lý nguồn nguyên liệu và xử lý ô nhiễm, bảo vệ môi trường làng nghề.

Ba là, phát triển làng nghề gắn với phát triển du lịch góp phần thúc đẩy xuất khẩu tại chỗ, tạo thêm nhiều việc làm mới. Hướng phát triển các làng nghề truyền thống, độc đáo, mang bản sắc văn hóa dân tộc gắn với địa danh, tuyến du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch cộng đồng.

Bốn là, phát triển gắn với bảo tồn, khôi phục các làng nghề truyền thống, nghề truyền thống có từ lâu đời, tồn tại và phát triển góp phần tạo nên nền văn hóa dân tộc đang có nguy cơ bị mai một.

3.1.1.2. Mục tiêu

- Mục tiêu tổng quát:

Phát triển nghề, làng nghề góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động nông thôn theo hướng tăng tỷ trọng ngành nghề, giảm tỷ trọng nông – lâm – ngư; bảo đảm phát triển một cách bền vững, thông qua bảo tồn, phát huy được các yếu tố truyền thống, sử dụng nhiều lao động tại chỗ, sử dụng nguồn nguyên vật liệu trong nước và không gây ảnh hưởng đến ô nhiễm môi trường; đồng thời chú trọng phát triển các sản phẩm thủ công tiêu biểu thế mạnh của tỉnh có giá trị kinh tế cao, gắn sản xuất làng nghề với các hoạt động du lịch, văn hoá, lễ hội truyền thống, góp phần đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

Mục tiêu cụ thể:

+ Duy trì làng nghề hiện có hoạt động có hiệu quả, đồng thời tạo mọi điều kiện hỗ trợ khôi phục làng nghề truyền thống, thành lập làng nghề mới nhằm giải quyết nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người lao động ở nông thôn, đặc

biệt là lao động nông nghiệp bị thu hồi đất sản xuất do quá trình công nghiệp hóa, đô thị hoá. Phần đầu từ nay đến năm 2030, mỗi năm phát triển mới từ 4- 5 làng nghề, thu hút thêm 3-5 nghìn lao động vào sản xuất TTCN và làng nghề theo kế hoạch của UBND tỉnh Hải Dương đã đề ra.

+ Xây dựng và cải tạo hạ tầng kỹ thuật trong làng nghề theo hướng vừa phục vụ sản xuất vừa phục vụ nhu cầu sinh hoạt của người dân như hệ thống giao thông, cấp thoát nước, điện.v.v..

+ Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm truyền thống có giá trị văn hóa, xây dựng và phát triển làng nghề kết hợp với du lịch.

+ Hình thành lực lượng lao động có tay nghề và trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, lực lượng đội ngũ chủ cơ sở sản xuất tại các làng nghề có trình độ quản lý, trình độ tổ chức kinh doanh, tiếp thị sản phẩm, cải tiến mẫu mã...

+ Xã hội hóa việc đầu tư phát triển nghề và làng nghề, xử lý ô nhiễm môi trường cho làng nghề theo hướng khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia.

3.1.2. Quan điểm phát triển làng nghề

- Thứ nhất, phát triển làng nghề là xu thế tất yếu khách quan trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; là bộ phận cấu thành quan trọng trong sản xuất công nghiệp của tỉnh. Do đó phát triển nghề và làng nghề phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển KT- XH tỉnh Hải Dương.

- Thứ hai, phát triển làng nghề không chỉ là một yêu cầu phát triển kinh tế, mà còn là yêu cầu của việc duy trì và phát triển văn hóa - xã hội. Kết hợp hài hòa giữa phát triển làng nghề để góp phần tăng trưởng kinh tế, xây dựng nông thôn mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn với bảo vệ môi trường, sinh thái và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

- Thứ ba, phát triển làng nghề phải đặt trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Quá trình toàn cầu hóa kinh tế đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới tác động toàn diện đến đời sống kinh tế của các quốc gia, nên không thể nào không tác động đến làng nghề, đòi hỏi các làng nghề đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng, hạ giá thành để tăng sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

- Thứ tư, phát triển các làng nghề phải dựa trên nội lực của từng địa phương nhằm khai thác có hiệu quả các nguồn lực từ các địa phương khác trong cả nước và quốc tế. Phát triển làng nghề với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và trong cả nước là một chỉnh thể thống nhất, có mối quan hệ biện chứng.

- Thứ năm, phát triển làng nghề phải dựa trên sự kết hợp hài hòa các yếu tố truyền thống với hiện đại; dân tộc với quốc tế; giữa bản sắc văn hóa riêng với những giá trị văn hóa, thẩm mỹ của nhân loại.

3.1.3. Dự báo các yếu tố tác động đến phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh

3.1.3.1. Đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển TTCN và làng nghề

Việc phát triển của các làng nghề TTCN, phụ thuộc rất lớn vào quan điểm, định hướng của Đảng và Nhà nước thông qua ban hành, thực thi các chủ trương, chính sách và pháp luật; phù hợp với các quy luật kinh tế khách quan về phát triển TTCN.

Với các chủ trương, đường lối, chính sách đúng đắn. Nhà nước công nhận về pháp lý sự tồn tại, phát triển, vai trò tác dụng tích cực lâu dài của các thành phần kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh trong nền kinh tế quốc dân sẽ giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác tiềm năng, khôi phục, mở ra nhiều nghề mới, cơ sở sản xuất được cải tạo, được tổ chức sản xuất, quản lý theo hướng hiện đại thúc đẩy sản xuất trong toàn bộ nền kinh tế nói chung, các làng nghề nói riêng phát triển.

Thực tế kinh tế Việt Nam những năm qua, nhất là từ khi đổi mới nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường, định hướng XHCN; chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần được cụ thể hoá bằng chính sách và pháp luật; nên sản xuất công nghiệp nói chung, làng nghề TTCN đã phát triển tích cực; đóng góp phần quan trọng trong CNH, HĐH kinh tế đất nước.

Trong các tỉnh thuộc Vùng đồng bằng sông Hồng, có nhiều tỉnh đạt kết quả tích cực trong phát triển làng nghề, nhất là Thủ đô Hà Nội (*bao gồm tỉnh Hà Tây trước đây*) với 1.350 làng có nghề, trong đó 272 làng đã được công nhận là Làng nghề. Tỉnh Bắc Ninh có 62 làng nghề được công nhận, với xu hướng các làng nghề phát triển có quy mô ngày càng lớn.v.v.

3.1.3.2. Tác động từ loại hình tổ chức sản xuất tiểu thủ công nghiệp

Loại hình tổ chức sản xuất phù hợp sẽ thúc đẩy TTCN nói chung, các làng nghề nói riêng phát triển. Thực tế hiện nay, có nhiều loại hình đã, đang vận hành trong các làng nghề như: hộ sản xuất tại gia đình, tổ hợp tác, Hợp tác xã và loại hình doanh nghiệp dân doanh (*Công ty cổ phần, công ty TNHH, DNTN.v.v.*). Trong đó:

Loại hình sản xuất hộ gia đình là hình thức tổ chức sản xuất cổ truyền, phổ biến trong các làng nghề. Tư liệu sản xuất của xưởng thủ công là đồng sở hữu của các thành viên gia đình. Các thành viên gia đình lao động không phải lấy tiền công, mà là góp chung vào kết quả sản xuất của toàn cơ sở. Gia đình tự tổ chức lao động, chủ hộ đồng thời là người quản lý, người thợ cả, quyết định việc sản xuất kinh doanh và tài chính của cơ sở. Loại hình sản xuất này

có nhiều ưu điểm gọn nhẹ, năng suất lao động cao, bảo tồn công nghệ cổ truyền, tiết kiệm chi phí quản lý, tận dụng lao động, sản phẩm có sức cạnh tranh và hiệu quả kinh tế cao.

Song sản xuất hộ gia đình cũng có một số nhược điểm về tài chính, về thị trường, về cải tiến công cụ và đổi mới công nghệ. Do đó, để các làng nghề phát triển phù hợp với xu thế hiện nay, cần mở rộng các loại hình sản xuất theo hướng phát triển tổ hợp tác, mô hình doanh nghiệp dân doanh.v.v.

Tổ hợp tác sản xuất là hình thức liên kết sản xuất, có tính hiệp tác của một số thợ thủ công hoặc một số hộ gia đình để sản xuất kinh doanh một hoặc một số sản phẩm. Mô hình này hoạt động theo nguyên tắc khách quan, tự nguyện và cùng có lợi. Sự hợp tác có thể thực hiện ở tất cả các khâu hoặc một khâu nào đó trong việc sản xuất hoàn chỉnh sản phẩm; hoặc chỉ trong khâu tiêu thụ sản phẩm, bán thành phẩm hay việc thu mua nguyên vật liệu, vật tư trên thị trường. Sự hợp tác đó có thể thực hiện trên một cơ sở pháp lý, hoặc tín chấp theo phong tục tập quán của cộng đồng. Loại hình HTX TTCN là mô hình kinh tế tập thể, đã phát triển khá thịnh vượng trong một thời gian dài. Tuy nhiên, trong cơ chế thị trường hiện nay, loại hình này đang tồn tại những điểm chưa phù hợp, nên đã hạn chế sự phát triển.

Loại hình doanh nghiệp dân doanh (*DNTN, công ty TNHH, công ty cổ phần*) là loại hình sản xuất tiên tiến, có trình độ xã hội hoá cao trong khu vực kinh tế nông thôn. Các hình thức này tuy chưa phổ biến ở làng nghề song bước đầu nó đóng vai trò liên kết, hợp tác trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm có hiệu quả. Mô hình này, sẽ hạn chế phần nào những khiếm khuyết của sản xuất hộ gia đình, thích ứng với cơ chế thị trường hội nhập.

Các loại hình sản xuất trên, tồn tại đan xen nhau, hợp tác và hỗ trợ cùng phát triển tại các làng nghề, góp phần thực hiện mục tiêu CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.

3.1.3.3. Tác động của quá trình huy động vốn đầu tư toàn xã hội

Vốn đầu tư là nguồn lực quan trọng đầu tiên, khởi đầu cho quá trình sản xuất kinh doanh. Cùng với lao động, nguồn vốn đầu tư là hai nguồn lực quan trọng và tất yếu của mỗi quá trình sản xuất.

Vốn đầu tư được chủ doanh nghiệp, chủ cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng để thuê mặt bằng, đầu tư xây dựng nhà xưởng, mua máy móc thiết bị, đầu tư cho công nghệ, đầu tư cho kết cấu hạ tầng, thuê mướn nhân công...để tiến hành sản xuất kinh doanh theo ngành nghề đã đăng ký.

Trước đây, một thời gian dài ngành nghề trong các làng, xóm được xem như một nghề phụ, tự cung tự cấp của ngành nông nghiệp. Do đó, nguồn vốn để sản

xuất kinh doanh chủ yếu là tự tích lũy của các hộ gia đình, rất nhỏ bé và quá trình tích lũy gặp nhiều khó khăn.

Hiện nay, Nhà nước đang có những chính sách phù hợp để thu hút, huy động nhiều nguồn vốn đầu tư, hoặc đầu tư vào kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội, để hỗ trợ tiểu thủ công nghiệp nông thôn và các làng nghề phát triển. Khuyến khích xã hội hoá các nguồn vốn đầu tư xây dựng nông thôn mới.

Quá trình huy động vốn đầu tư của xã hội đạt hiệu quả sẽ có tác động thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, qua đó các hoạt động trong khu vực CNNT nói chung, làng nghề nói riêng sẽ phát triển theo.

3.1.3.4. Yếu tố liên quan đến kỹ thuật, công nghệ sản xuất và môi trường sinh thái

Một là, về đặc trưng kỹ thuật:

Kỹ thuật cá nhân người thợ "thủ công" quyết định sự ra đời, tồn tại, phát triển của nghề. Sản phẩm TTCN chủ yếu phụ thuộc vào tài khéo léo, sáng tạo, nhạy cảm của đôi mắt, khối óc và bàn tay của người thợ, tức là tay nghề của người thợ thủ công. Do đó, vai trò cá nhân của các thợ thủ công lành nghề, có kỹ thuật cao có ảnh hưởng nhất định đến sự hình thành và phát triển của các làng nghề. Cần coi trọng và có chế độ đãi ngộ thích hợp với các Nghề nhân nghề TTCN trên địa bàn tỉnh.

Hai là, về công nghệ sản xuất:

TTCN là tiền thân của công nghiệp hiện đại. Tiểu thủ công nghiệp đã ra đời từ một nền kinh tế nông nghiệp tự nhiên. Người nông dân tách ra khỏi sản xuất nông nghiệp thành một người sản xuất độc lập. Vì vậy, công nghệ sản xuất, kỹ thuật có ảnh hưởng rất lớn đến sự tồn tại và phát triển của các làng nghề nói riêng; công nghiệp nông thôn nói chung. Quá trình đổi mới công nghệ của các làng nghề thường diễn ra theo tuần tự từ thủ công - bán cơ giới - cơ giới hóa - hiện đại từng khâu.

Ba là, tác động đến môi trường:

Lịch sử phát triển của hệ thống làng nghề Việt Nam nói chung, làng nghề của Hải Dương nói riêng phần lớn theo tính tự phát, kiểu phong trào. Khi nền kinh tế phát triển, quy mô các làng nghề lớn dần gặp nhiều vấn đề khó khăn, đặc biệt là vấn đề ô nhiễm môi trường.

Môi trường lao động tại các làng nghề trong tỉnh hiện nay rất đáng lo ngại. Nguy cơ tiếp xúc với bụi, nóng, tiếng ồn, hoá chất rất cao. Các chất gây ô nhiễm môi trường xung quanh chủ yếu là nước thải độc hại, hơi khí độc, hoá chất, bụi và tiếng ồn, đã ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của rất nhiều làng nghề TTCN và cộng đồng xã hội.

3.1.3.5. Các yếu tố liên quan đến thị trường tiêu thụ sản phẩm của các làng nghề

Trong nền kinh tế thị trường có sự định hướng của nhà nước, các quy luật kinh tế như quy luật giá trị, quy luật cung cầu.v.v. luôn tồn tại và vận hành một cách khách quan. Do đó, thị trường tiêu thụ sản phẩm có vai trò quyết định đến sự tồn tại và phát triển của mọi ngành sản xuất vật chất nói chung và sản xuất tại các làng nghề nói riêng. Khi đó, việc xác định sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào và sản xuất cho ai? quyết định sự thành bại của doanh nghiệp cũng như của mọi làng nghề.

Động lực thúc đẩy các làng nghề TTCN phát triển chính là yếu tố thị trường cho sản xuất. Những làng nghề TTCN thích ứng với cơ chế thị trường thì sẽ phát triển nhanh và ngược lại. Chỉ có trên cơ sở trao đổi được sản phẩm TTCN, thì tái sản xuất mở rộng mới có thể thực hiện được và khi tái sản xuất mở rộng ngày càng có hiệu quả sẽ thúc đẩy các làng nghề TTCN phát triển bền vững.

Do đó, việc xác định, định hướng phát triển làng nghề cần quan tâm đặc biệt tới yếu tố thị trường tiêu thụ. Tuy nhiên, với lợi thế riêng có, mang tính đặc trưng của sản xuất TTCN (*làm thủ công, đơn chiếc, có tính mỹ nghệ.v.v.*) thì việc xác định yếu tố thị trường cần xét thêm trên các khía cạnh, trào lưu tiêu dùng trong từng giai đoạn.

Thực tế hiện nay, xu thế thị trường quốc tế đang chuyển đổi theo xu hướng không chỉ vì công dụng của sản phẩm mà còn kèm theo ý nghĩa của sản phẩm, bối cảnh sản xuất ra sản phẩm hay tính đạo nghĩa mà sản phẩm đó mang lại. Các thông tin cụ thể về sản phẩm được làm bằng nguyên liệu gì? sử dụng phương pháp gì để sản xuất? thể hiện tính xã hội như thế nào? ngày càng được quan tâm. Trong đó, các thông tin liên quan đến việc sử dụng nguyên liệu không xâm hại môi trường (*mây, tre, lá...*), thông tin liên quan đến phương thức sản xuất hoàn toàn thủ công từ bàn tay của người lao động hoặc các sản phẩm đơn chiếc, mang tính độc đáo.v.v. là những yếu tố tác động tích cực lên xu hướng mua sắm hiện đại. Đây sẽ là cơ hội tốt để các cơ sở TTCN trong các làng nghề tung ra thị trường các sản phẩm truyền thống của mình, mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc, địa phương nhưng với giá trị tăng thêm cao.

Tuy nhiên, hiện tại thị trường tiêu thụ một số sản phẩm làng nghề của Hải Dương đang gặp khó khăn nhất định do không còn phù hợp với nhu cầu của người dân thành phố. Có nhiều làng nghề có nguy cơ mai một, không thể tiếp tục sản xuất do nhu cầu thị trường giảm; các làng chậm đổi mới sản phẩm, chậm cải tiến mẫu mã như: Thêu tranh An Dương, Ghép trúc La Ngoại; Làng nghề

mây, giang xiên Tào Khê, Đào Lâm (Thanh Miện); Làng nghề lược Vạc (Bình Giang). Một số nghề cổ truyền bị thất truyền cũng do không còn nhu cầu thị trường.

3.1.3.6. Tác động từ sự phát triển của các Khu, Cụm công nghiệp tập trung

Sự phát triển của các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp tập trung cũng có tác động đáng kể đến sự hình thành và hoạt động của các làng nghề. Các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp hình thành và phát triển, thu hút nhiều dự án đầu tư của các doanh nghiệp; qua đó tạo sức hấp dẫn về lao động và việc làm cho nhân dân, người lao động trong khu vực.

Sự tác động của quá trình phát triển các KCN, CCN đến quá trình hình thành và hoạt động của các làng nghề diễn ra theo hai chiều hướng: một là thu hút lao động trẻ từ các làng nghề vào làm việc trong các doanh nghiệp; gây khó khăn về nguồn nhân lực cho sự phát triển, mở rộng của các làng nghề. Song theo chiều tích cực, khi các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp phát triển sẽ là cơ hội tốt để phát triển các làng nghề sản xuất công nghiệp hỗ trợ làm vệ tinh cho doanh nghiệp trong Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp. Ngoài ra, khi người lao động trong các doanh nghiệp đã lớn tuổi, hoặc do hoàn cảnh điều kiện gia đình, không thu xếp được thời gian làm việc theo dây chuyền công nghiệp; có thể làm việc trong các làng nghề, vẫn đảm bảo duy trì và ổn định cuộc sống.

Do đó, cần phải vận dụng và có định hướng phát triển hợp lý đối với từng vùng, từng địa phương để tận dụng tối đa những tác động từ quá trình phát triển KCN, CCN nhằm phát triển các làng nghề TTCN một cách bền vững, hỗ trợ lẫn nhau.

3.2. Một số giải pháp phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035

3.2.1. Nhóm giải pháp về tổ chức triển khai phát triển làng nghề

3.2.1.1. Xây dựng quy hoạch phát triển làng nghề

Xây dựng quy hoạch phát triển làng nghề phải gắn với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh Hải Dương và quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội của các địa phương trong tỉnh. Đồng thời quy hoạch phát triển các làng nghề cần gắn với quy hoạch phát triển, xây dựng nông thôn mới; gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh. Ưu tiên phát triển làng nghề ở khu vực nông thôn, kết hợp chuyển đổi nghề, quy hoạch bố trí sản xuất ở khu vực tập trung, xa khu dân cư, đảm bảo vệ sinh môi trường; tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

Quy hoạch phát triển làng nghề gắn với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Sự phát triển của làng nghề TTCN sẽ làm cơ cấu lao động ở nông thôn

chuyển đổi sâu sắc. Trong phạm vi gia đình đã có sự phân công nội bộ hợp lý giữa các thành viên trong hộ. Sự chuyển biến nội bộ đó tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế trong vùng phát triển, cơ cấu kinh tế nông thôn chuyển dịch theo hướng CNH, HĐH, góp phần xây dựng nông thôn mới. Do đó, các làng nghề TTCN là yếu tố tác động, hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp đưa kinh tế nông nghiệp, nông thôn phát triển phù hợp với tiến độ CNH, HĐH. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, quá trình CNH, HĐH nông thôn sẽ định hướng, tạo điều kiện giúp cho các làng nghề phát triển vững mạnh.

Quy hoạch phát triển làng nghề cần kết hợp yếu tố hiện đại và yếu tố truyền thống; gắn với thị trường tiêu thụ.

Các sản phẩm truyền thống là giao thoa của nghệ thuật và kỹ thuật; của kinh tế và văn hóa. Trong đó, yếu tố truyền thống là đặc trưng nổi trội nhất của sản phẩm trong các làng nghề. Mỗi một sản phẩm thủ công truyền thống có một công nghệ, công cụ sản xuất khác nhau, chất lượng sản phẩm phụ thuộc vào trí tuệ, tay nghề của người thợ thủ công. Tuy nhiên, quá trình sản xuất vận động theo quy luật khách quan, chỉ những yếu tố tiến bộ được lưu giữ, hoàn thiện, bảo tồn và phát triển. Các làng nghề phải lấy sản xuất hàng hoá là hướng chính cho phát triển. Do đó, việc đổi mới về trang thiết bị, công nghệ mới làm tăng năng suất lao động, tạo ra sản phẩm đặc thù có giá trị sử dụng cao, phù hợp thị trường là xu thế tất yếu. Chính vì vậy, quá trình sản xuất tại các làng nghề cần phải kết hợp tốt giữa yếu tố truyền thống và yếu tố hiện đại để chế tạo ra các sản phẩm phù hợp thị hiếu người tiêu dùng, song vẫn đảm bảo thể hiện bản sắc văn hoá dân tộc. Người lao động cần phải được đào tạo nâng cao thường xuyên tay nghề để biết sử dụng máy móc, công nghệ hiện đại, tạo ra các sản phẩm ngày càng tốt hơn. Bên cạnh đó, phát triển làng nghề cần gắn chặt với hoạt động xúc tiến thương mại, du lịch đồng thời phải gắn hiệu quả kinh tế của làng với bảo vệ môi trường, bảo tồn và phát triển những di sản văn hóa truyền thống của địa phương.

Quy hoạch phát triển làng nghề phải đảm bảo mục tiêu duy trì và phát triển làng nghề hiện có, phát triển thêm làng nghề mới tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động.

Trong kỳ quy hoạch, cần phát triển làng nghề tiểu thủ công nghiệp trên cơ sở đa dạng hoá ngành nghề, để thỏa mãn nhu cầu đa dạng và ngày càng cao của sản xuất và tiêu dùng. Tuy nhiên, đa dạng hoá ngành nghề, sản phẩm của làng nghề TTCN phải lựa chọn quy mô, hình thức tổ chức sản xuất, công nghệ phù hợp tránh xu hướng tùy tiện, tự phát, kém hiệu quả. Định hướng phát triển làng nghề theo 02 nhóm chủ đạo: một là nhằm giải quyết

công ăn việc làm cho lao động nông thôn; hai là tạo ra các sản phẩm đặc thù, riêng có với giá trị tăng thêm cao. Các làng nghề giải quyết công ăn việc làm cho lao động nông thôn như: làng nghề sản xuất các sản phẩm phục vụ xuất khẩu, sản phẩm công nghiệp phụ trợ; chế tạo chi tiết nhựa, bảng mạch điện tử, sản xuất phụ liệu ngành may, giày; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chế biến NSTP phục vụ nông nghiệp, nông thôn.v.v.

Ưu tiên phát triển các khu vực sản xuất kinh doanh các sản phẩm truyền thống, những nghề tinh xảo có khả năng thu hút khách du lịch thông qua trưng bày sản phẩm, tổ chức sản xuất tại chỗ cho du khách xem như nghề gốm sứ Chu Đậu- Nam Sách, làng Gốm mỹ nghệ Đông Giao- Cẩm Giàng;....

Xây dựng chương trình hành động và kế hoạch triển khai thực hiện nhằm hạn chế tối thiểu tác động của sản xuất làng nghề đến môi trường; từng bước khắc phục các làng nghề bị ô nhiễm trầm trọng, cải thiện môi trường sống cho người dân.

Quy hoạch phát triển và xây dựng đồng bộ các cụm công nghiệp làng nghề nhằm tạo mặt bằng sản xuất và di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trong khu dân cư ra cụm công nghiệp làng nghề.

Bên cạnh đó, xây dựng đề án phát triển làng nghề truyền thống kết hợp với du lịch, đồng thời xây dựng kế hoạch sử dụng đất cho các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng và xử lý môi trường cho các làng nghề, cụm công nghiệp làng nghề.

3.2.1.2. Thành lập Hiệp hội làng nghề

Hiệp hội làng nghề là đòi hỏi khách quan trong quá trình phát triển nghề, làng nghề sản xuất ở cả nước nói chung và tỉnh Hải Dương nói riêng, do đó cần khuyến khích thành lập hiệp hội tại các làng nghề sản xuất. Việc thành lập và đi vào hoạt động của các hiệp hội làng nghề sẽ tạo điều kiện cho các nghệ nhân, cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, doanh nhân, các nhà nghiên cứu có điều kiện tiếp xúc, trao đổi, tìm hiểu nhu cầu, thị hiếu người tiêu dùng trong và ngoài nước, trong khu vực thông qua việc tổ chức các hội thảo, hội nghị chuyên đề. Bên cạnh đó, Hiệp hội làng nghề còn là cầu nối giữa các hội viên với chính quyền địa phương trong việc báo cáo và nắm bắt tình hình sản xuất và mở rộng sản xuất,... Hiệp hội cũng là tổ chức đại diện cho các hộ sản xuất trong việc hướng dẫn, tìm kiếm thị trường nguyên liệu và thị trường tiêu thụ. Đặc biệt, Hiệp hội sẽ đảm nhiệm vai trò kêu gọi các tổ chức hỗ trợ cho các hoạt động ứng dụng công nghệ mới vào hoạt động sản xuất của làng nghề và chịu trách nhiệm trong công tác đào tạo, truyền nghề. Để phát huy mạnh mẽ vai trò của hiệp hội làng nghề cần chú ý một số giải pháp sau:

Hoàn thiện bộ máy tổ chức và mô hình hoạt động để nâng cao chất lượng của

tổ chức Hiệp hội làng nghề, đảm bảo phát huy vai trò cầu nối giữa các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất làng nghề với cơ quan quản lý nhà nước. Lựa chọn giới thiệu những người có năng lực và kinh nghiệm quản lý điều hành, có tâm huyết với sự phát triển của hiệp hội. Xây dựng bổ sung hoàn thiện Quy chế hoạt động của Hiệp hội làng nghề đảm bảo đúng pháp luật, đem lại quyền lợi hiệu quả thiết thực cho các hội viên đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế xã hội. Kiến nghị nhà nước tạo điều kiện về kinh phí đào tạo tập huấn hàng năm để nâng cao trình độ năng lực quản lý điều hành cho ban lãnh đạo hội. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Ban chấp hành Hội, định kỳ báo cáo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ do hội phân công.

Xây dựng cơ chế phối hợp giữa tổ chức hiệp hội làng nghề với cơ quan quản lý địa phương để thúc đẩy khâu xuất khẩu sản phẩm của làng nghề.

Thường xuyên quan tâm tìm hiểu, khai thác nắm bắt đặc điểm, nhu cầu xu hướng của từng thị trường,... để kịp thời phổ biến cho các hội viên Hiệp hội giúp cho các cơ sở doanh nghiệp sản xuất tại làng nghề xây dựng được chiến lược phát triển sản phẩm của mình cho phù hợp hơn.

3.2.1.3. củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và đổi mới quản lý nhà nước về lĩnh vực phát triển làng nghề.

Trước hết chính quyền các cấp cần chú trọng củng cố, kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về lĩnh vực phát triển làng nghề từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở hoạt động có hiệu quả: Đối với Sở Công Thương thuộc UBND tỉnh cần quan tâm kiện toàn tổ chức, bộ máy và nâng cao chất lượng hoạt động của phòng chuyên môn về quản lý Công nghiệp- TTCN, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp, Trung tâm Xúc tiến thương mại; đối với phòng Kinh tế hạ tầng thuộc UBND cấp huyện cần phân công một Phó trưởng phòng có năng lực phụ trách mảng công tác TTCN và làng nghề và bố trí số lượng cán bộ hợp lý để theo dõi, quản lý mảng công tác này; đối với cấp xã cần quan tâm bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ chuyên môn phụ trách công tác TTCN, làng nghề và tăng cường tuyên truyền về phát triển làng nghề cho các cấp uỷ, chính quyền thôn.

Việc phát triển của các làng nghề TTCN, phụ thuộc rất lớn vào quan điểm, định hướng của Đảng và Nhà nước thông qua ban hành, thực thi các chủ trương, chính sách và pháp luật; phù hợp với các quy luật kinh tế khách quan về phát triển TTCN, làng nghề đi đôi với việc cụ thể hoá, quản lý, triển khai, tổ chức thực hiện của chính quyền các cấp. Do vậy chính quyền các cấp cần phải đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, khai thác tối đa mọi nguồn lực cho phát triển làng nghề. Triển khai rà soát, đơn giản hoá các thủ tục hành chính, nhất là

trong việc thuê đất, thực hiện thủ tục vay vốn,... để tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất tiếp cận được các chính sách một cách nhanh chóng và hiệu quả.

Kiên toàn đầu mối quản lý nhà nước về ngành nghề nông thôn nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với phát triển của các làng nghề TTCN trên địa bàn tỉnh. Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước thông qua công cụ kinh tế là chính, hỗ trợ tạo lập môi trường kinh doanh thông thoáng, bình đẳng, minh bạch, để xây dựng và hình thành hệ thống làng nghề TTCN phát triển bền vững.

Khuyến khích hình thành và hỗ trợ hoạt động cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, các hội, hiệp hội trong các làng nghề nhằm xây dựng mô hình cầu nối giữa người sản xuất - cung ứng và tiêu thụ sản phẩm với Cơ quan quản lý Nhà nước. Tạo sự liên kết, hỗ trợ phát triển sản xuất kinh doanh bền vững, hiệu quả.

3.2.1.4. Tăng cường liên kết kinh tế giữa cơ sở sản xuất nghề, làng nghề với các chủ thể khác

Việc gìn giữ, phát triển các làng nghề đang được UBND tỉnh chú trọng đặc biệt. UBND tỉnh cần hỗ trợ nhiều hơn cho nguồn vốn khuyến công. Bên cạnh đó, UBND tỉnh cần tăng cường chỉ đạo ngành công thương tập trung triển khai thực hiện chương trình xây dựng một số xã nghề tại các địa phương nhằm góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn. Đồng thời triển khai lồng ghép các chương trình, dự án phi chính phủ để phát triển các làng nghề... để các làng nghề có thể dễ dàng định hướng phát triển ổn định, bền vững. Tùy theo mức độ phát triển của sản phẩm nghề trong nền kinh tế thị trường mà có sự phát triển của loại hình kinh tế phù hợp. Để phát triển sản phẩm nghề cần có các giải pháp riêng, nhưng để phát triển loại hình kinh tế nào tác động hỗ trợ phát triển sản phẩm nghề tốt nhất thì cần phải được nghiên cứu đầy đủ theo hướng hỗ trợ phát triển làng nghề, như vậy mới có hướng đi phù hợp nhất.

Thực tế có thể chứng minh mô hình HTX có vai trò rất quan trọng trong việc duy trì và phát triển làng nghề. Với việc mở rộng hình thức kinh doanh, liên kết phát triển của mình, HTX có thể đảm bảo quyền lợi cho mỗi thành viên HTX. Các HTX nên phát triển hình thức kết hợp với du lịch, thông qua đó quảng bá được thương hiệu sản phẩm đối với du khách. Đó là một chiến lược cần thiết để có thể phát triển hơn nữa thương hiệu của mỗi làng nghề... Hiện nay, có rất nhiều làng nghề đang dần phát triển dựa trên nền tảng của mô hình đang phát huy rất tốt vai trò của mình trong việc tìm đầu ra cho sản phẩm của làng nghề. Để phát triển làng nghề truyền thống liên kết với du lịch UBND cần đẩy mạnh công tác thành lập các tổ hợp tác. Cách làm này sẽ mang lại hiệu quả bởi khi có sự liên kết, việc triển khai trở nên đồng bộ, phát huy được hiệu quả một cách tối đa.

Bên cạnh đó cần phát huy vai trò của các cơ quan có liên quan như: Trung tâm Dịch vụ việc làm 8/3 thuộc Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh trong việc tổ chức tư vấn, hỗ trợ đào tạo nghề cho phụ nữ ở các làng nghề, tư vấn thành lập làng nghề; Trung tâm Dạy nghề và hỗ trợ nông dân thuộc Hội Nông dân tỉnh đã tổ chức tư vấn, hỗ trợ cho một số làng nghề về đào tạo nghề cho Hội viên Hội nông dân; Trung tâm Dịch vụ và giới thiệu việc làm thuộc Sở Lao động- Thương binh và Xã hội tham gia hỗ trợ, đào tạo nghề cho con em khu vực nông thôn;....

3.2.2. Nhóm giải pháp về kinh tế

3.2.2.1. Về vốn cho phát triển làng nghề

Vốn là yếu tố quan trọng của quá trình sản xuất nói chung, của sản xuất tại các làng nghề TTCN nói riêng. Tuy nhiên, thực tế hiện nay nguồn vốn sản xuất kinh doanh trong các làng nghề TTCN thường rất nhỏ, chủ yếu là vốn tự có của chủ hộ kinh doanh. Do đó, về trước mắt cũng như trong lâu dài, Nhà nước có các chính sách nhằm hỗ trợ cung ứng vốn cho phát triển TTCN, nhất là tại các làng nghề.

Trước hết tại các làng nghề, cần khai thác có hiệu quả các nguồn vốn của chủ xí nghiệp, tiền lãi tái đầu tư, vốn vay bà con, bạn bè, tiết kiệm tiêu dùng để làm vốn đầu tư. Tạo lập môi trường kinh doanh ổn định, khuyến khích cơ sở sản xuất mở rộng sản xuất bằng nguồn vốn tự có hoặc tự huy động được, tăng cường tích lũy vốn cho đầu tư phát triển sản xuất.

Có kế hoạch mở rộng các loại hình tín dụng làng nghề, với lãi suất hoặc một cơ chế tạo vốn hợp lý. Phát triển các hình thức tín dụng nhân dân, công ty đầu tư tài chính, có chính sách bảo vệ lợi ích người đi vay và cho vay. Khai thác tốt các nguồn vốn viện trợ, nguồn vốn cho vay dự án doanh nghiệp vừa và nhỏ, dự án liên doanh liên kết sản xuất hoặc tiêu thụ sản phẩm với lãi suất ưu đãi cho các làng nghề.

Cải tiến thủ tục, kỹ thuật quản lý của các tổ chức tín dụng, quy định thế chấp vốn vay cho phù hợp với công nghiệp nông thôn và làng nghề. Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định 61/2010/NĐ-CP ngày 04/6/2010 của Chính phủ về khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; nhằm tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất làng nghề được tiếp cận các nguồn vốn, nhất là vốn vay trung hạn, dài hạn đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh.

Về cơ sở hạ tầng, đường giao thông, mặt bằng sản xuất.

Kết cấu hạ tầng kinh tế- kỹ thuật nông thôn là điều kiện vật chất để phát triển kinh tế nói chung, phát triển làng nghề TTCN nói riêng. Trên cơ sở xây dựng đồng

bộ hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn thì các cơ sở sản xuất TTCN mới có điều kiện phát triển. Giao lưu hàng hoá được đẩy mạnh giữa các vùng, địa phương trong cả nước, để giải quyết việc làm, tăng thu nhập, xây dựng nông thôn mới. Nhiều năm qua, Hải Dương đã đầu tư hàng nghìn tỷ đồng để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn trên địa bàn, đáp ứng yêu cầu nhất định của sản xuất và đời sống. Nhưng so với yêu cầu CNH, HĐH nông thôn, thì hệ thống hạ tầng đó vẫn trong tình trạng thấp kém, thiếu đồng bộ. Do đó, để góp phần phát triển làng nghề TTCN, cần triển khai thực hiện một số giải pháp gồm:

Về cơ sở hạ tầng: Cần có những chế tài về việc đóng góp tài chính để đầu tư, xử lý chất thải, xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề. Từng bước đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống cấp thoát nước, hệ thống xử lý chất thải... trong các làng nghề, các khu, cụm TTCN tập trung, theo phương châm nhà nước và nhân dân, doanh nghiệp cùng làm. Ngân sách Nhà nước (Trung ương và địa phương), thông qua nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường, hàng năm sẽ dành kinh phí từ 5 đến 10 tỷ đồng để hỗ trợ đầu tư hệ thống tiêu thoát nước và xử lý nước thải, thu gom rác thải tại tất cả các làng nghề đã được UBND tỉnh công nhận. Quá trình đầu tư và hỗ trợ đầu tư hệ thống xử lý môi trường tại các làng nghề cần được phân kỳ hợp lý theo từng giai đoạn; gắn với các làng nghề trọng điểm về nguy cơ gây ô nhiễm môi trường như: làng nghề chế biến thực phẩm, sản xuất giấy da... Trong đó cần chú trọng đầu tư các hạ tầng kỹ thuật, nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước và xử lý nước thải, rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Về hệ thống giao thông: làm tốt công tác khảo sát, quy hoạch đồng bộ hệ thống giao thông đảm bảo lưu thông hàng hoá; vừa xây dựng, vừa cải tạo, duy tu, bảo dưỡng hệ thống giao thông hiện có, nâng cấp tuyến giao thông liên huyện, liên xã, liên thôn, kiên cố hoá tuyến đường nội thôn trước mắt ở khu vực sản xuất TTCN; cùng với vốn đầu tư của ngân sách, đẩy mạnh huy động vốn đóng góp từ doanh nghiệp và dân cư; phân cấp quản lý, khai thác, công khai vốn đầu tư và triển khai thi công xây dựng một cách minh bạch, đảm bảo tiến độ.

Về mặt bằng sản xuất: Phát triển các cụm công nghiệp làng nghề, khu sản xuất tập trung. Trên cơ sở công khai quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch phát triển công nghiệp, tỉnh sẽ dành quỹ đất và thực hiện các biện pháp khuyến khích đầu tư xây dựng các cụm công nghiệp, khu vực sản xuất tập trung để các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuê làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh. Quy hoạch dành quỹ đất hợp lý để hình thành các khu vực sản xuất tập trung, xa khu dân cư. Khuyến khích các cơ sở sản xuất trong các làng nghề, khu dân cư chật hẹp di dời vào các khu sản xuất tập trung; nhằm

bảo đảm vệ sinh môi trường, tạo thuận lợi cho sản xuất kinh doanh phát triển theo hướng bền vững.

Về khai thác nguồn nguyên liệu

Đối với các nghề và làng nghề có nguồn nguyên liệu ổn định, sẵn có trong tỉnh hoặc trong nước thì cơ sở sản xuất cần tập trung vào việc ổn định nguyên liệu thu mua, nâng cao chất lượng nguyên liệu đầu vào. Dựa trên việc khảo sát nhu cầu nguyên liệu của các cơ sở sản xuất và kế hoạch sử dụng đất của tỉnh, Nhà nước cần có chính sách ổn định lâu dài đối với các vùng nguyên liệu đã có sẵn, đồng thời tiếp tục quy hoạch các vùng nguyên liệu mới trên địa bàn tỉnh để đáp ứng nhu cầu.

Đối với các nghề, làng nghề có nguồn nguyên liệu không ổn định như làng nghề giấy da, mây tre đan... giải pháp nguyên liệu cho các nghề cụ thể có thể được thực hiện theo hướng sau: Hoàn thiện tốt công tác tổ chức thu mua,

củng cố các thị trường thu mua hiện tại, mở rộng thị trường thu mua mới bằng cách xây dựng và hệ thống lại các đầu mối thu gom nguyên liệu trong và ngoài tỉnh. Nhà nước cần xây dựng chợ đầu mối tại làng nghề để thu gom nguyên liệu trên địa bàn huyện và các địa phương lân cận. Ngoài ra cần tăng cường liên kết với các địa phương khác để đảm bảo ổn định nguồn nguyên liệu cho sản xuất.

Về xúc tiến thương mại; mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm làng nghề

Về xúc tiến thương mại:

Duy trì tạp chí xúc tiến thương mại trên đài truyền hình tỉnh nhằm tăng cường các hình thức thông tin, quảng bá các tiềm năng thế mạnh, các sản phẩm truyền thống đặc trưng các làng nghề. Đẩy mạnh các chính sách đầu tư phát triển sản xuất của làng nghề tìm kiếm đối tác, duy trì và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; mời gọi các nhà đầu tư đến Hải Dương phát triển sản xuất kinh doanh. Tích cực tham gia các kỳ hội chợ, triển lãm về làng nghề truyền thống ở Việt Nam. Thường xuyên tổ chức các giao lưu văn hoá - thương mại giữa các làng nghề trong khu vực đồng bằng sông Hồng với các hình thức phong phú như: tọa đàm, trao đổi kinh nghiệm, trình diễn kỹ thuật chế tác sản phẩm, hội chợ triển lãm thủ công mỹ nghệ, trình bày giới thiệu các sản phẩm thủ công.

Về mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm: Thị trường nội địa hiện đang là thị trường quan trọng trong ngắn hạn để phát triển sản xuất TTCN. Các sản phẩm TTCN là đồ gỗ mỹ nghệ, đồ gỗ dân dụng, kim khí, cơ khí, vật liệu xây dựng.v.v. đang được tiêu thụ với khối lượng lớn phục vụ đời sống, sản xuất trên địa bàn tỉnh và các vùng phụ cận. Do đó các làng nghề cần đầu tư đổi mới công nghệ, có hoạt động quảng bá, tiếp thị sản phẩm; liên doanh, liên kết... để sản xuất sản

phẩm có chất lượng cao, mẫu mã hợp thị hiếu với giá cả cạnh tranh. Phát triển hình thức gia công sản phẩm, làm công nghiệp hỗ trợ hoặc làm dịch vụ cho doanh nghiệp lớn để giảm chi phí trung gian, tạo thị trường ổn định, sản phẩm hàng hoá có sức cạnh tranh cao trên thị trường. Bên cạnh đó, cần từng bước thâm nhập, tìm hướng đi thích hợp cho sản phẩm làng nghề thông qua thị trường nước ngoài; để đẩy mạnh xuất khẩu.

Trong nhiều năm qua, hoạt động xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ của Hải Dương nói chung, hàng của các làng nghề TTCN nói riêng còn hạn chế. Các sản phẩm làng nghề của tỉnh chủ yếu được xuất khẩu thông qua các doanh nghiệp lớn tại các tỉnh thành phố lớn trên cả nước, với số lượng không nhiều. Do đó, cần xây dựng đồng bộ chính sách, kế hoạch đầu tư nghiên cứu, kế hoạch khuyến khích sản xuất hàng TTCN dùng cho xuất khẩu. Sản phẩm xuất khẩu ra nước ngoài cần phù hợp thị hiếu và tiêu chuẩn quốc tế. Đẩy mạnh khuyến khích đầu tư công nghệ, cải tiến mẫu mã, kiểu dáng công nghiệp, khai thác được triệt để các năng lực truyền thống của địa phương để sản xuất. Phát huy lợi thế vốn có của các sản phẩm làng nghề bước đầu đã thâm nhập thị trường nước ngoài, đồng thời không ngừng tìm tòi, phát triển, mở ra các nghề mới, sản xuất sản phẩm mới phù hợp với thị hiếu và nhu cầu trên thế giới để khẳng định vị thế trên thị trường.

Về xây dựng thương hiệu làng nghề

Đây là một công việc mới hoàn toàn, vì vậy để việc xây dựng và định vị thương hiệu đạt được kết quả như mong muốn cần có một chiến lược bài bản, kế hoạch thực hiện cụ thể cho từng bước. Có thể thực hiện theo tiến trình như sau:

Trước tiên phải thường xuyên tổ chức tuyên truyền cho các chủ cơ sở sản xuất, về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc xây dựng thương hiệu. Khi họ đã nhận thức được tầm quan trọng của thương hiệu thì vận động họ tham gia các hiệp hội ngành nghề, hiệp hội làng nghề để có tư cách pháp nhân đứng ra đăng ký nhãn hiệu. Trình tự xây dựng thương hiệu làng nghề có thể thực hiện theo các bước sau:

Bước thứ nhất, xác định sứ mệnh của thương hiệu làng nghề bằng cách phân tích 4 nội dung chủ yếu sau:

- + Xác định đối tượng khách hàng của làng nghề, điều quan trọng là cần phải xác định thị trường của làng nghề, tức là tìm hiểu đối tượng khách hàng chính của làng nghề là ai? thuộc nhóm khách hàng nào?

- + Tìm hiểu những mong đợi của khách hàng về làng nghề bằng cách trả lời qua những câu hỏi như: Vì sao khách hàng muốn mua sản phẩm của làng nghề?

Khách hàng cần mua sản phẩm gì hoặc khách hàng muốn thỏa mãn điều gì khi đến làng nghề, khi mua sản phẩm?

+ Xác định giá trị cốt lõi đáp ứng mong đợi của khách hàng, tức là phải xác định lợi thế của làng nghề là điều đem lại lợi ích, làm thỏa mãn nhu cầu của nhóm khách hàng chính của làng nghề. Lợi thế ấy chính là những yếu tố tạo nên giá trị cốt lõi cho làng nghề như đặc tính sản phẩm, sự độc đáo, giá trị văn hóa kết tinh, làm cho làng nghề có sự khác biệt, đặc trưng riêng mà nơi khác không có.

+ Xác định triết lý theo đuổi của thương hiệu, tức là xác định đâu là niềm tin cơ bản, giá trị, nguyện vọng của làng nghề.

Bước thứ hai, xây dựng các yếu tố nhận dạng thương hiệu nhằm đảm bảo sự nhận biết của khách hàng và sự liên hệ trong tâm trí khách hàng về thương hiệu. Xây dựng các yếu tố thương hiệu cho làng nghề phải tuân theo triết lý chung làng nghề đã xác định cho thương hiệu.

+ Thiết kế logo, biểu tượng, đây là những yếu tố mang tính đồ họa đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành nên giá trị thương hiệu, đặc biệt về khả năng nhận biết thương hiệu, khi tạo logo cho thương hiệu phải đảm bảo các yêu cầu chung là có ý nghĩa, đơn giản, dễ vẽ, dễ nhớ, độc đáo.

+ Thiết kế câu khẩu hiệu (slogan), là một bộ phận cấu thành của thương hiệu, nó chiếm vị trí không kém phần quan trọng trong thương hiệu. Tương tự như biểu tượng, câu khẩu hiệu của làng nghề phải thể hiện được đặc trưng, ý nghĩa riêng của làng nghề, của sản phẩm.

+ Bao bì sản phẩm, thông thường đối với người tiêu dùng và nhà sản xuất, bao bì phải đáp ứng các yêu cầu sau: Phải xác định và thể hiện được thương hiệu, truyền tải những thông tin mô tả và thuyết phục về sản phẩm.

+ Làm tài liệu truyền thông giới thiệu về làng nghề, nội dung tài liệu phải ngắn gọn nhưng súc tích và giàu hình ảnh, tạo cho người đọc hay người xem sự yêu thích và mong muốn tìm hiểu về làng nghề.

Bước thứ ba là quản lý thương hiệu, bao gồm các công việc:

- + Xác định Tổ chức quản lý thương hiệu;
- + Lựa chọn hình thức bảo hộ pháp lý đối với thương hiệu;
- + Đăng ký xác lập quyền bảo hộ đối với thương hiệu;
- + Hình thành khuôn khổ chung để quản lý việc sử dụng thương hiệu.

Bước cuối cùng là quảng bá thương hiệu, có thể quảng bá thương hiệu làng nghề thông qua các hình thức sau:

- + Tham gia hội chợ triển lãm;

- + Tổ chức sự kiện;
- + Thông qua các tài liệu truyền thông;
- + Xây dựng trang web;
- + Quảng cáo.

Đồng thời phải không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng mạng lưới phân phối và tăng cường quảng bá thương hiệu.

3.2.3. Nhóm giải pháp về xã hội

3.2.3.1. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

Lao động là yếu tố quan trọng, quyết định của lực lượng sản xuất. Do đó, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực vô cùng quan trọng, nhất là trong các làng nghề TTCN sử dụng nhiều lao động và có lợi thế phát triển như: sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, chế biến nông sản, kim khí, chế tác vàng bạc... Quá trình đào tạo phải gắn với việc sử dụng lao động vào phát triển những ngành nghề TTCN truyền thống; giải quyết nhiều việc làm cho nông dân.

Xây dựng kế hoạch đào tạo lao động cho các làng nghề hiện đã được công nhận và đang triển khai hoạt động; xuất phát từ nhu cầu, đặc điểm của từng làng nghề, với những hình thức thích hợp. Quản lý và sử dụng có hiệu quả kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956 của Thủ tướng Chính phủ; kinh phí khuyến công trung ương, địa phương và Quỹ khuyến nông,...

Tăng cường hỗ trợ việc bồi dưỡng kiến thức quản trị kinh doanh, văn hoá, công nghệ, kỹ thuật... cho các chủ cơ sở sản xuất trong làng nghề bằng nhiều hình thức thích hợp. Mở các lớp tập huấn ngắn hạn về chuyên môn nghiệp vụ, quản lý, kế toán, tiếp thị, thị trường. Khuyến khích thành lập các câu lạc bộ giám đốc để thu hút đội ngũ các chủ doanh nghiệp tới sinh hoạt, học hỏi, trao đổi kinh nghiệm...

Đa dạng hoá các loại hình dạy nghề. Khuyến khích dạy nghề theo lối truyền nghề; phối kết hợp với các cơ sở đào tạo, dạy nghề ở trung tâm đô thị lớn, dạy nghề cho lao động làng nghề về kỹ thuật, mỹ thuật, tạo mẫu mã sản phẩm thủ công mỹ nghệ; nâng cao trình độ văn hoá cho dân cư ở vùng sản xuất TTCN.

Thực hiện tốt chế độ ưu đãi nghệ nhân, khuyến khích các nghệ nhân truyền nghề, đào tạo lớp thợ giỏi kế nghiệp. Nắm lực lượng nghệ nhân, những ông tổ nghề truyền thống, để tìm đến con cháu và dòng họ tổ nghề đã được truyền lại. Mở các hội thi mời các nghệ nhân, thợ thủ công giỏi trình diễn tay nghề, tôn vinh nghệ nhân, tôn vinh tổ nghề, có cơ chế công nhận phát minh, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật bằng những lợi ích vật chất, tinh thần xứng đáng... để thúc đẩy nâng cao

chất lượng nguồn nhân lực trong phát triển làng nghề.

3.2.3.2. Phát triển làng nghề gắn với du lịch

Hải Dương là một vùng quê văn hiến còn bảo tồn nhiều di sản văn hoá, mang đậm bản sắc dân tộc, với hơn 1.000 di tích lịch sử, trong đó gần 100 di tích được xếp hạng cấp Quốc gia... vì thế, tiềm năng du lịch làng nghề ở Hải Dương rất lớn, việc phát triển du lịch gắn với các làng nghề truyền thống là hướng phát triển phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế. Trong những năm gần đây, lượng khách du lịch đến thăm quan các danh thắng, các điểm dừng chân du lịch của Hải Dương duy trì tốc độ tăng trưởng khá cao. Nhu cầu khách nước ngoài mua các sản phẩm chạm khắc gỗ, tượng gỗ, tượng đồng, tượng gốm nhỏ, gốm mỹ nghệ, gốm sứ Chu Đậu,... ngày càng tăng. Do đó, cần khuyến khích đầu tư nghiên cứu mẫu mã, kiểu dáng phù hợp thị hiếu, sản phẩm có tính đặc trưng cao. Ngành du lịch cần phối hợp với các ngành chức năng trên địa bàn, tổ chức các tour du lịch di tích lịch sử, di tích văn hoá và du lịch làng nghề. Mở các cửa hàng giới thiệu sản phẩm TTCN truyền thống ở các điểm dừng chân nhằm thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm của các làng nghề TTCN.

Phát huy lợi thế của quần thể di tích du lịch trọng điểm quốc gia Côn Sơn - Kiếp Bạc để phát triển, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm thủ công mỹ nghệ của các làng nghề trong tỉnh dưới dạng quà tặng, hàng lưu niệm, mua sắm truyền thống.v.v. Tiếp tục quy hoạch, đầu tư xây dựng các tuyến giao thông nội tỉnh, nội huyện cùng với hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ; Gắn du lịch làng nghề với du lịch tâm linh, du lịch sinh thái, du lịch ẩm thực, mua sắm, du lịch về cội nguồn để tăng khả năng chiếm lĩnh thị trường.

3.2.4. Nhóm giải pháp về nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường

3.2.4.1. Giải pháp nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ cho các làng nghề

Đổi mới công nghệ và kỹ thuật trong sản xuất tại các làng nghề TTCN phải đặt trong bối cảnh cách mạng khoa học - công nghệ trên thế giới, trong nước và điều kiện kinh tế- xã hội của tỉnh. Trong kỳ quy hoạch, phát triển làng nghề TTCN cần nghiên cứu sự ảnh hưởng của khoa học kỹ thuật để xác định hướng đi đúng đắn. Trong đó xác định ngành nghề tiểu thủ công nghiệp phải phục hồi, hiện đại hoá, theo thứ tự ưu tiên, lấy thị trường làm động lực phát triển.

Xây dựng một cơ cấu công nghệ đa dạng nhiều trình độ, kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại, đi vào công nghệ hiện đại ở những khâu sản xuất quyết định; chọn lựa công nghệ vốn đầu tư thấp, thu hồi vốn nhanh, tạo nhiều việc làm. Do vậy cần triển khai một số biện pháp sau:

Một là, việc lựa chọn mô hình áp dụng kỹ thuật và công nghệ đối với từng ngành nghề TTCN, có thể chia làm hai nhóm: thứ nhất, nhóm sản xuất sản phẩm hàng hoá độc đáo, có tính cổ truyền dân tộc như trạm khảm gỗ, chế tác vàng bạc, đồ gốm mỹ nghệ,...nên phát huy công nghệ truyền thống, động viên phục hồi và phát triển, sử dụng kỹ thuật hiện đại ở những khâu cần thiết, phát huy sức sáng tạo của nghệ nhân; thứ hai, những mặt hàng mang giá trị sử dụng thông dụng như sản xuất gạch ngói, bún, bánh.v.v. cần đầu tư đổi mới tiến đến công nghệ hiện đại.

Hai là, có cơ chế huy động vốn từ nhiều nguồn, đặc biệt thu hút vốn từ khu vực ngoài nhà nước, vốn vay tín dụng ngân hàng, vốn hỗ trợ trực tiếp của nhà nước... Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia nghiên cứu và chuyển giao công nghệ sản xuất TTCN bằng nhiều nguồn vốn linh

hoạt, hiệu quả. Có chính sách ưu đãi về tín dụng, về thuế đối với cơ sở sản xuất đổi mới công nghệ tiên tiến, hiện đại, không gây ô nhiễm môi trường, tạo ra sản phẩm mới phục vụ xuất khẩu hoặc thay thế sản phẩm nhập khẩu.

Ba là, tăng cường hỗ trợ cho các cơ sở sản xuất TTCN lựa chọn công nghệ phù hợp với sản xuất và thị trường; hướng dẫn sử dụng máy móc thiết bị, công nghệ mới, tổ chức liên kết trong nghiên cứu. Đào tạo, bồi dưỡng, tăng cường thu hút cán bộ khoa học kỹ thuật, người có trình độ chuyên môn cao theo những hình thức thích hợp trên cơ sở tạo lập môi trường pháp lý phù hợp gắn kết giữa nhà khoa học, cơ sở nghiên cứu, triển khai nhanh chóng đề tài, sáng kiến ứng dụng công nghệ.

Sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí khuyến công trung ương và địa phương để hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến tại các cơ sở sản xuất trong làng nghề. Thực hiện hỗ trợ các cơ sở sản xuất trong làng nghề tổ chức mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất sản phẩm mới, sử dụng máy móc thiết bị tiên tiến để nhân rộng thông qua các đề án khuyến công hàng năm.

3.2.4.2. Giải pháp bảo vệ môi trường

- Đối với cơ sở sản xuất làng nghề:

Tăng cường công tác tuyên truyền Luật bảo vệ môi trường và các văn bản chỉ đạo của các cơ quan ban ngành nhằm nâng cao nhận thức trách nhiệm cộng đồng về công tác bảo vệ môi trường, nhất là đối với cơ sở sản xuất và người dân làng nghề.

Thực hiện việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc phải có bản cam kết bảo vệ môi trường tùy theo quy mô sản xuất. Tuân thủ quy trình xử lý khí thải, nước thải và thu gom rác thải, chất rắn trong làng nghề, khu vực có nghề.

Một số ngành nghề không được mở rộng quy mô sản xuất theo quy định phải thực hiện nghiêm các cam kết và các biện pháp trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết môi trường đã được phê duyệt và phải di dời dần ra cụm công nghiệp làng nghề;

Đưa các quy định cụ thể về môi trường vào hương ước, chỉ tiêu xây dựng Làng văn hoá, để mọi người thực hiện. Thu hút các nguồn vốn trong và ngoài nước cùng với vốn đóng góp của các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp làng nghề để cải tiến, áp dụng các thiết bị công nghệ tiên tiến trong sản xuất giảm thiểu ô nhiễm môi trường;

- Đối với Nhà nước:

Thực hiện quy hoạch và xây dựng các cụm công nghiệp làng nghề (đối với các làng nghề chưa có khu, cụm công nghiệp), đồng thời rà soát toàn bộ quy hoạch các khu, cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề đã được xây dựng để thực hiện đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, khu vực thu gom rác thải công nghiệp tập trung.

Thực hiện việc giám sát chất lượng môi trường, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện Luật bảo vệ môi trường, các quy định về môi trường, việc thu phí về môi trường và xử lý nghiêm đối với các trường hợp vi phạm về môi trường;

Tăng cường tuyên truyền giáo dục ý thức của người dân, cơ sở sản xuất làng nghề về bảo vệ môi trường, quy định chặt chẽ trách nhiệm, nghĩa vụ của họ trong việc đóng góp kinh phí bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó cần có bộ phận và cán bộ chuyên trách đủ năng lực, quyền lực và trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực thi công tác bảo vệ môi trường, có những chế tài cụ thể bảo đảm xử phạt nghiêm minh đối với những cơ sở sản xuất vi phạm các quy định bảo vệ môi trường.

3.2.5. Một số giải pháp khác

3.2.5.1. Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của phát triển làng nghề

Các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương cần đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, ý nghĩa to lớn trong phát triển các làng nghề cho đội ngũ cán bộ công chức, công nhân lao động và toàn thể nhân dân qua đó, tích cực quan tâm, định hướng du nhập nghề mới và phát triển làng nghề trong tình một cách bền vững.

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các chủ trương, chính sách về phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề gắn với bảo vệ môi trường; trong đó cần tập trung tuyên truyền các chính sách đầu tư, hỗ trợ của nhà nước đến các cấp, các ngành, các địa phương, các tổ chức, cá nhân, doanh

nghiệp và toàn thể nhân dân.

3.2.5.2. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp về phát triển làng nghề

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính nhằm khuyến khích, khai thác tối đa mọi nguồn lực cho phát triển sản xuất nói chung, làng nghề nói riêng. Triển khai rà soát các thủ tục hành chính trong thu hút đầu tư và hỗ trợ sản xuất kinh doanh; bổ sung, đơn giản hoá các thủ tục hành chính, nhất là trong việc thuê, đấu thầu, chuyển nhượng đất, vay vốn,... tạo điều kiện để các cơ sở sản xuất và các cá nhân tiếp cận được các chính sách một cách hiệu quả

Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với quá trình hoạt động và phát triển của các làng nghề TTCN trên địa bàn tỉnh. Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước thông qua công cụ kinh tế là chính, hỗ trợ tạo lập môi trường kinh doanh thông thoáng, cởi mở, bình đẳng, minh bạch, để xây dựng và hình thành hệ thống làng nghề TTCN cổ truyền và hiện đại. Thường xuyên nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh của các cơ sở công nghiệp nông thôn, các làng nghề trên địa bàn tỉnh, kịp thời triển khai biện pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn vướng mắc, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển.

Tiến hành điều tra, khảo sát toàn diện, xây dựng một chiến lược phát triển làng nghề phù hợp đặc thù của tỉnh. Khuyến khích xây dựng thương hiệu làng nghề, thương hiệu sản phẩm, nhất là sản phẩm thủ công mỹ nghệ có giá trị kỹ, mỹ thuật cao nhằm mục tiêu phát triển làng nghề một cách bền vững.

Tiểu kết chương 3

Trên cơ sở định hướng, mục tiêu phát triển làng nghề, quan điểm phát triển làng nghề, dự báo các yếu tố tác động đến phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương, đề án đã đề xuất một số giải pháp phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035.

KẾT LUẬN

Phát triển công nghiệp nông thôn nói chung, làng nghề tiểu thủ công nghiệp nói riêng là một chủ trương lớn của Đảng; nhằm thực hiện chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn. Trong những năm qua, các làng nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương đã hình thành, phát triển mạnh và đạt được những kết quả đáng khích lệ. Hệ thống làng nghề trong tỉnh đã thu hút và giải quyết việc làm thường xuyên cho hơn 31.500 lao động; thúc đẩy mạnh mẽ phân công lao động trong nội bộ từng thôn - xóm, thu hút lao động dôi dư, giải quyết việc làm cho lao động tại địa phương; tăng thu nhập cho khu vực nông nghiệp, nông thôn; thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đóng góp phần quan trọng trong tăng trưởng kinh tế và thực hiện an sinh, công bằng xã hội toàn tỉnh.

Đề tài ***“Phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương”*** đã giải quyết được các vấn đề chủ yếu sau:

- Hệ thống hoá và làm rõ các vấn đề lý luận về nghề, nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống, làng nghề mới; những tiêu chí phân loại làng nghề; chuỗi giá trị làng nghề; tiêu chí phát triển làng nghề, vai trò của việc phát triển làng nghề đối với phát triển kinh tế - xã hội.
- Nghiên cứu kinh nghiệm phát triển làng nghề ở một số địa phương trong nước từ đó rút ra các bài học kinh nghiệm cho tỉnh Hải Dương
- Giới thiệu tổng quan về đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh Hải Dương có ảnh hưởng đến phát triển làng nghề.
- Nghiên cứu, điều tra khảo sát và đi sâu phân tích, đánh giá thực trạng về phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương.
- Đề xuất các định hướng, mục tiêu, quan điểm phát triển, từ đó đưa ra hệ thống một số giải pháp phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đỗ Hoàng Toàn (2009), *Giáo trình Quản lý Nhà nước về kinh tế (tái bản)*, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
- [2] Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn
- [3] Thông tư số 116/2006/TT-BNN ngày 18/12/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ.
- [4] Quyết định số 49/2020/NĐ-CP ngày 12/4/2018 ra đời thay thế Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ đã quy định Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan QLN về làng nghề, ngành nghề nông thôn.
- [5] Quyết định số 13/2009/QĐ-UBND ngày 13/5/2009 về việc công nhận làng nghề công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tỉnh Hải Dương
- [6] Quyết định 820/QĐ-UBND năm 2013 ban hành Quy hoạch phát triển hệ thống làng nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương đến năm 2030, định hướng đến năm 2035
- [7] Nghị định 52/2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 về công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và một số chính sách phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Hải Dương
- [8] Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- [9] Chính phủ (2018). Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12/04/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.
- [10] Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.
- [11] Thủ tướng Chính phủ (2022), Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.
- [12] Thủ tướng Chính phủ (2022), Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 về việc phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2021-2025
- [13] Thủ tướng Chính phủ (2022), Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 về việc phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

[14] Thủ tướng Chính phủ (2022), *Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 về việc phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025*.

[15] Thủ tướng Chính phủ (2022), *Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 về việc phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025*.

[16] Quyết định số 49/2020/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 về việc ban hành *Quy định về công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và một số chính sách phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Hải Dương*.

[17] Mai thế Hồn (2000), “*Phát triển làng nghề trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở vùng ven thủ đô Hà Nội*”, Luận án tiến sĩ kinh tế.

[18] Trần Minh Yên (2003), “*Phát triển làng nghề truyền thống ở nông thôn Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*”.

[19] Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam (2003), “*Thực trạng và những giải pháp nhằm phát triển làng nghề tỉnh Bắc Ninh*”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Hà Nội.

[20] Nguyễn Thị Thọ (2005), “*Phát triển làng nghề ở huyện Từ Liêm trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn*”,.

[21] Nguyễn Trí Dĩnh (Chủ nhiệm) (2005), “*Những giải pháp nhằm phát triển làng nghề ở một số tỉnh đồng bằng sông Hồng*”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Hà Nội.

[22] Bạch Thị Lan Anh (2010), “*Phát triển bền vững làng nghề truyền thống vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ*”, Luận án tiến sĩ kinh tế.

[23] Phạm Thị Oanh (2011), “*Phát triển làng nghề trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ở tỉnh Nam Định*”

[24] Nguyễn Thị Ngọc Cẩm (2013), “*Nghiên cứu phát triển bền vững du lịch làng nghề tỉnh Thừa Thiên Huế*”, Kỷ yếu Hội thảo Festival nghề và làng nghề truyền thống Huế, trang 12 - 16.

[25] Nguyễn Phước Phú Quang (2013), “*Du lịch làng nghề ở đồng bằng sông Cửu Long - Một lợi thế văn hóa để phát triển du lịch*”, Tạp chí Phát triển và hội nhập, số 10, trang 62-66.

[26] Đinh Thị Mai Lan (2016), “*Phát triển làng nghề gắn với phát triển du lịch ở làng gốm Bát Tràng Hà Nội*”, Luận văn Thạc sĩ

[27] Sở NN&PTNT Hải Dương (2021, 2022, 2023, 2024), *Báo cáo phát triển làng nghề*.

